

# BÌNH THUAN

10 NĂM PHÁT TRIỂN

1992-2002

LSD

T008







Đại hội VIII của tỉnh.

"Kiên định một cách nhất quán con đường XHCN mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn, đẩy mạnh công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu, lấy xây dựng Đảng làm nhiệm vụ then chốt, phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm, động viên cán bộ và mọi tầng lớp nhân dân phát huy các nguồn lực tại địa phương, tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương, mở rộng hợp tác với bên ngoài, nêu cao tinh thần cần kiệm xây dựng tỉnh nhà, thực hiện thắng lợi các kế hoạch kinh tế - xã hội, góp phần bảo đảm cho đất nước tiếp tục đứng vững đi lên, đến năm 1995 cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay".

(Trích Văn kiện Đại hội VIII Đảng bộ tỉnh)



Đại hội IX của tỉnh.

"Kết quả rõ nét là kinh tế tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng thêm. Nhiều vấn đề xã hội được giải quyết tốt hơn. Bộ mặt xã hội tiếp tục đổi mới. Đời sống nhân dân nhìn chung được ổn định, số đông được cải thiện. Quốc phòng an ninh, chính trị được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể có tiến bộ - Dân chủ xã hội được mở rộng, niềm tin vào Đảng và công cuộc đổi mới được tăng lên".

(Trích Văn kiện Đại hội IX Đảng bộ tỉnh)



Đại hội X của tỉnh.

"Năm năm qua công cuộc đổi mới đất nước tiếp tục đạt được những thành tựu quan trọng, nhiều chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước đã thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã nỗ lực khắc phục khó khăn, phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng bộ đạt được kết quả, tiến bộ trên nhiều lĩnh vực".

(Trích Văn kiện Đại hội X Đảng bộ tỉnh)



# MỤC LỤC

Chịu trách nhiệm  
xuất bản

**BAN TUYÊN GIÁO  
TỈNH ỦY BÌNH THUẬN**

Tel : 062.822953

Fax : 062.828569

Giấy phép xuất bản  
số 62/GPXB do  
Sở VHTT tỉnh cấp  
ngày 30/5/2002.

In tại Công ty In và  
Bao bì Bình Thuận

	<i>Trang</i>
* Bình Thuận qua các thời kỳ lịch sử	5
* Nông - Lâm - Thủy sản	10
- Nông nghiệp	15
- Chăn nuôi	18
- Lâm nghiệp	19
- Thủy sản	22
- Công nghiệp	27
* Xây dựng - Vận tải - Bưu điện	33
- Vận tải	34
- Bưu chính viễn thông	35
* Du lịch	39
* Tổng hợp tình hình hoạt động của các doanh nghiệp FDI tại Bình Thuận đến năm 2001	41
* Xuất khẩu qua các năm	42
* Nhập khẩu qua các năm	43
* Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh	44
* GDP bình quân đầu người	45
* Hoạt động văn hóa thông tin Bình Thuận	48
* 10 năm công tác lao động - thương binh xã hội	53
* Thành tựu 10 năm phát triển GD-ĐT	54
* Những thành tựu phát triển sự nghiệp CS và BVSK	62
* 10 năm hoạt động khoa học - công nghệ và môi trường	76
* Hoạt động thể dục - thể thao	84
* Công tác dân số - KHHGD và BVCSGDTE	90
* Xây dựng Đảng	95
* Quốc phòng - An ninh	99
- Kết quả 10 năm thực hiện nhiệm vụ quân sự - quốc phòng	99
- Bộ đội Biên phòng Bình Thuận	103
- Công an Bình Thuận - 10 năm xây dựng và trưởng thành	106



# BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH THUAN

(1/800.000)

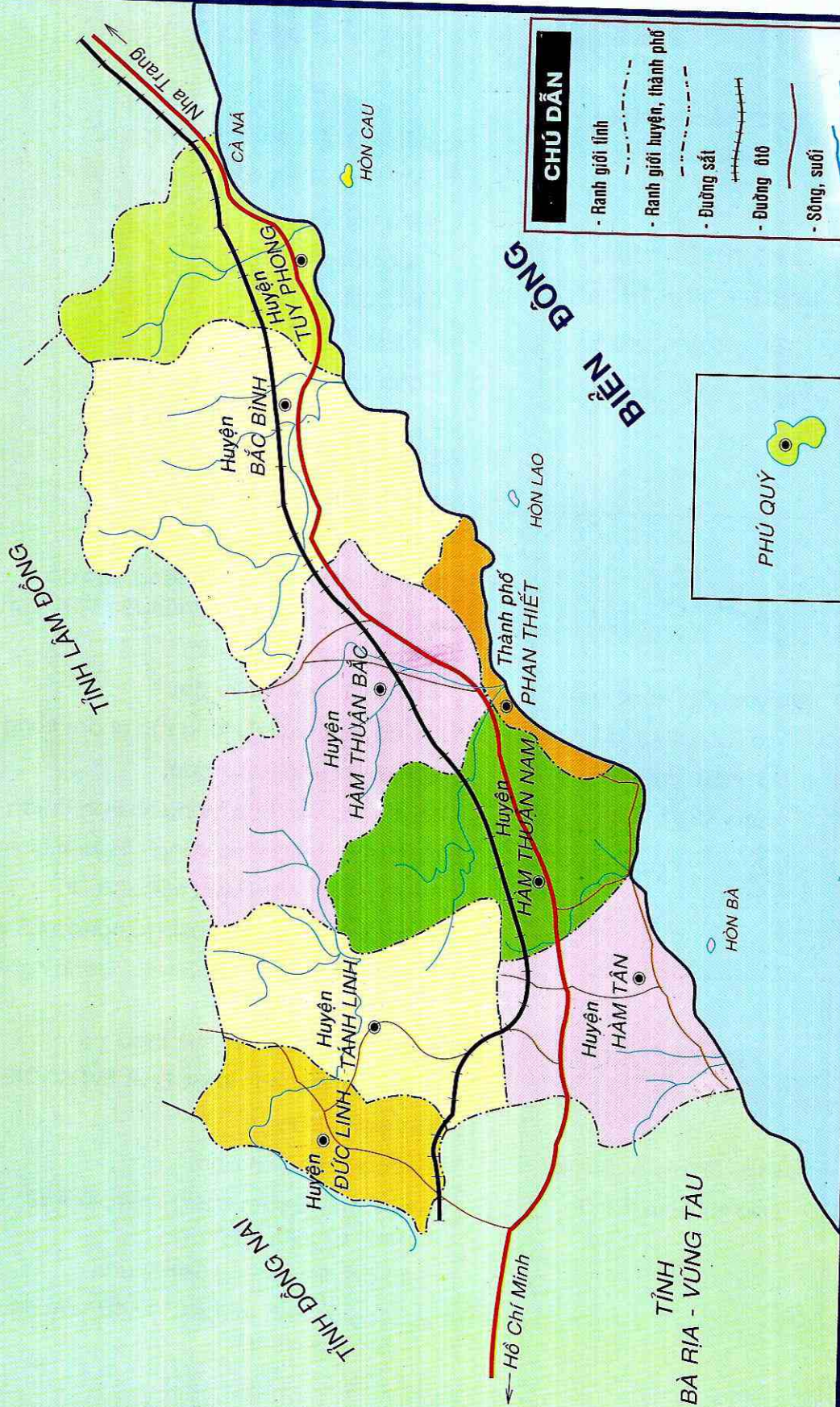
TỈNH NINH THUAN

TỈNH LAM ĐÔNG

TỈNH ĐÔNG NAI

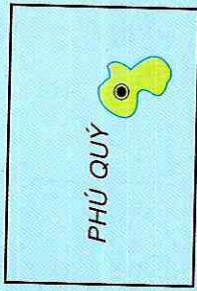
BIỂN ĐÔNG

TỈNH  
BÀ RỊA - VŨNG TÀU



## CHỈ DẪN

- Ranh giới tỉnh
- Ranh giới huyện, thành phố
- Đường sắt
- Đường ô tô
- Sông, suối





# Bình Thuận

## QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

Tỉnh Bình Thuận được hình thành từ năm 1692 đến nay, trải qua nhiều biến cố lịch sử địa giới, đơn vị hành chính và dân cư có nhiều thay đổi.

### I - ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH:

#### **1. Từ năm 1692 - 1884:**

Năm 1692, Chúa Nguyễn Phúc Chu mở mang bờ cõi về phương Nam, vùng đất mới từ phía Tây sông Phan Rang đến biên giới xứ Chân Lạp được đặt tên là Thuận Phủ. Năm 1693 đổi tên là Thuận Thành trấn vũ, đến năm 1697 lập thành phủ Bình Thuận.

Năm 1832, Bình Thuận được nâng thành cấp tỉnh bao gồm cả các tỉnh Ninh Thuận, Lâm Đồng và phía Nam tỉnh Đắk Lắk ngày nay.

#### **2. Từ năm 1884 - 1945:**

Năm 1888, triều đình nhà Nguyễn cắt phần đất Ninh Thuận ngày nay nhập vào tỉnh Khánh Hòa. Năm 1899, cắt một phần đất ở lưu vực phía trên sông Đồng Nai thành lập tỉnh Đồng Nai Thượng và năm 1905 lại sát nhập vùng đất này về lại Bình Thuận. Đến năm 1920, tái lập lại tỉnh Đồng Nai Thượng. Địa giới hành chính tỉnh Bình Thuận lúc này: phía Bắc giáp tỉnh Đồng Nai Thượng, Đông Bắc giáp đạo Ninh Thuận, Tây giáp tỉnh Biên Hòa và phía Nam giáp Biển Đông.

#### **3. Từ năm 1945 - 1975:**

Năm 1952, do tính chất của cuộc kháng chiến chống Pháp, phần đất huyện Di Linh của tỉnh Lâm Đồng được ban cán sự Cục Nam chuyển giao cho Bình Thuận, đến năm 1962 giao lại cho Lâm Đồng.

Năm 1967, do yêu cầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, Khu ủy Khu VI tách phần đất phía Bắc Bình Thuận cùng với

huyện K67 của tỉnh Tuyên Đức thành lập tỉnh Bắc Bình. Năm 1968, tỉnh Bắc Bình được giải thể và nhập vào Bình Thuận, giao huyện K67 cho Tuyên Đức, đồng thời tách các huyện Nam tỉnh lập tỉnh Bình Tuy.

#### **4. Từ năm 1975 đến 2002:**

Thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, đất nước thống nhất, thực hiện chủ trương của Trung ương, tháng 11/1975 tỉnh Thuận Lâm được thành lập, địa giới bao gồm các tỉnh Ninh Thuận, Tuyên Đức, Lâm Đồng và Bình Thuận, riêng tỉnh Bình Tuy cùng một số địa phương ở Đông Nam bộ, thành lập tỉnh Đồng Nai.

Đầu năm 1976, giải thể Thuận Lâm, thành lập tỉnh Thuận Hải bao gồm 3 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy.

Ngày 26/10/1991, kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa VIII quyết định phân chia Thuận Hải thành hai tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và đến tháng 4/1992 hoàn thành xong việc chia tách tỉnh. Vị trí của tỉnh Bình Thuận phía Bắc Đông Bắc giáp tỉnh Ninh Thuận, Bắc Tây Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Tây giáp tỉnh Đồng Nai, Tây Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Đông Đông Nam giáp Biển Đông. Diện tích tự nhiên là 7.648,60 km<sup>2</sup>. Bờ biển từ mũi Đá Chẹt đến Bình Châu - Bà Rịa Vũng Tàu dài 192 km và vùng lãnh hải rộng 52.000 km<sup>2</sup>.

### II - CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH:

#### **1. Từ năm 1697 - 1832:**

Năm 1697, phủ Bình Thuận có 2 huyện An Phước và Hòa Đa, sau đó đổi thành Dinh Bình Thuận. Cả tỉnh chia thành 4 đạo: Phan Rang, Phan Thiết, Phố Hải và Ma Ly.



Năm 1823 giải thể đạo Phan Rang; năm 1825 giải thể đạo Phan Thiết, Phố Hải, Ma Ly, Phủ Bình Thuận lập lại 2 huyện An Phước và Hòa Đa.

Năm 1832, phủ Bình Thuận được nâng thành cấp tỉnh, gồm có 2 phủ Ninh Thuận, Hàm Thuận và có 4 huyện: An Phước, Tuy Phong, Hòa Đa và Tuy Định (năm 1854 huyện Tuy Định đổi tên thành huyện Tuy Lý).

## **2. Từ năm 1888 đến 1945:**

Năm 1888, phần đất Ninh Thuận ngày nay tách khỏi tỉnh Bình Thuận nhập vào tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Bình Thuận còn lại phủ Hàm Thuận và 4 huyện: Tuy Phong, Hòa Đa, Hòa Đa Thổ (lập năm 1886 sau đổi tên là Phan Lý Chàm) và Tuy Lý.

Năm 1899, sau khi lập tỉnh Đồng Nai Thượng, triều đình nhà Nguyễn cắt 2 tổng của huyện Tuy Lý nhập vào tỉnh Đồng Nai Thượng.

Năm 1905, giải thể tỉnh Đồng Nai Thượng nhập vào Bình Thuận và lúc này tỉnh Bình Thuận gồm có 2 phủ (Hàm Thuận, Di Linh) và 5 huyện (Tuy Lý, Tánh Linh, Hòa Đa, Hòa Đa Thổ và Tuy Phong).

Năm 1898, Phan Thiết được công nhận là thị xã và năm 1910 huyện Hòa Đa được nâng lên thành cấp phủ; năm 1916 huyện Tuy Lý đổi thành huyện Hàm Tân.

Đến trước tháng 8/1945, tỉnh Bình Thuận có 2 phủ Hàm Thuận, Hòa Đa và 4 huyện: Tuy Phong, Phan Lý Chàm, Hàm Tân, Tánh Linh và thị xã Phan Thiết.

## **3. Từ năm 1945 - 1954:**

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nhân dân giành được chính quyền, lúc này Bình Thuận gồm có các huyện: Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý Chàm, Hàm Thuận, Hàm Tân, Tánh Linh và thị xã Phan Thiết.

Tháng 4/1951, do yêu cầu của cách mạng ta sát nhập các huyện Tuy Phong, Phan Lý Chàm và Bắc Hòa Đa thành lập

huyện Bắc Bình; phần đất Nam Hòa Đa cùng phần đất phía Đông Bắc lập huyện Lê Hồng Phong. Năm 1952 tách huyện Phan Lý Chàm khỏi huyện Bắc Bình và tiếp nhận huyện Di Linh của tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Bình Thuận có các huyện Bắc Bình, Phan Lý Chàm, Lê Hồng Phong, Hàm Thuận, Hàm Tân, Tánh Linh, Di Linh và thị xã Phan Thiết. Các đơn vị hành chính này tồn tại đến tháng 8/1945.

Đối với Pháp, sau khi xâm lược nước ta lần thứ 2, tháng 2/1946 chúng tái chiếm Bình Thuận, chia Bình Thuận thành các huyện, phủ như trước tháng 8 năm 1945.

## **4. Từ năm 1954 - 1975:**

Kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, thực hiện Hiệp định Giơnevơ, quân đội liên hiệp Pháp quản lý lãnh thổ miền Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào; sau hai năm (1956) hai miền Nam, Bắc Việt Nam sẽ tổ chức tổng tuyển cử, thống nhất nước nhà. Song Mỹ hất cẳng Pháp, xây dựng chính quyền tay sai ở miền Nam nước ta. Vì vậy tổ chức hành chính của ta và địch ở Bình Thuận có sự khác nhau.

Đối với ta, từ năm 1962 giao huyện Di Linh về lại tỉnh Lâm Đồng và thành lập lại huyện Lê Hồng Phong, chia huyện Tánh Linh thành hai huyện Hoài Đức, Tánh Linh và phần đất từ Bắc Sông Lũy của Hòa Đa cùng Phan Lý, Tuy Phong do Ban cán sự Bắc Sơn chỉ đạo. Đến cuối năm 1965 giải thể Lê Hồng Phong, lập lại các huyện Tuy Phong, Phan Lý, Hòa Đa và thành lập huyện Thuận Phong. Tỉnh Bình Thuận thời gian này đơn vị hành chính gồm có huyện: Tuy Phong, Phan Lý, Hòa Đa, Thuận Phong, Hàm Thuận, Hàm Tân, Tánh Linh, Hoài Đức và thị xã Phan Thiết.

Tháng 4/1967, các huyện Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý cùng với huyện K67 (tỉnh Tuyên Đức) thành lập tỉnh Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận chỉ còn lại các huyện Thuận Phong, Hàm Thuận, Hàm Tân, Hoài Đức, Tánh Linh và thị xã Phan Thiết.



Tháng 8/1968, giải thể tỉnh Bắc Bình, chuyển K67 về Tuyên Đức, các huyện còn lại nhập vào Bình Thuận. Đồng thời tách các huyện Hàm Tân, Tánh Linh, Hoài Đức thành lập tỉnh Bình Tuy.

Năm 1970, huyện Tánh Linh được tách các xã miền núi cùng với huyện Di Linh và K4 của Lâm Đồng thành lập căn cứ Nam Sơn của Khu VI; Vùng Bắc sông La Ngà của Bình Tuy được hình thành căn cứ Nam Thành. Năm 1973 lập thêm huyện Nghĩa Lộ thuộc tỉnh Bình Tuy.

Ở Bình Thuận từ sau năm 1968, hai huyện Hàm Thuận và Hòa Đa được chia thành Thuận Bắc - Thuận Nam và Hòa Đa Nam - Hòa Đa Bắc, đến khoảng năm 1972 sát nhập lại và năm 1973 thành lập lại huyện Lê Hồng Phong (nay là địa bàn xã Hòa Thắng). Cuối năm 1974 Hàm Thuận lại được chia thành 2 huyện Thuận Bắc, Thuận Nam, đến đầu năm 1975 lại sát nhập thành lập thành một huyện.

Đối với địch ở Bình Thuận sau năm 1954, chúng đổi các huyện thành quận. Năm 1956 lập mới quận Hoài Đức, cùng với quận Tánh Linh, Hàm Tân thành lập tỉnh Bình Tuy tồn tại cho đến năm 1975. Phần đất còn lại do ngụy quyền tỉnh Bình Thuận quản lý, năm 1955 chúng lập mới quận Hải Ninh và năm 1958, 1961 chúng chia quận Hàm Thuận thêm 2 quận mới Thiện Giáo và Hải Long. Riêng Phú Quý là một tổng của huyện Tuy Phong trong thời Pháp thuộc, sau năm 1954 chúng nâng thành một quận và sau đổi thành Nha Phái viên hành chánh trực thuộc quận Hàm Thuận.

#### **5. Từ năm 1976 đến năm 1992:**

Đầu năm 1976, nhập 3 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và Bình Tuy thành tỉnh Thuận Hải có 7 huyện: An Sơn, Ninh Hải, Bắc Bình, Hàm Thuận, Hàm Tân, Đức Linh, Phú Quý và thị xã Phan Thiết.

Ngày 26/4/1983 Hội đồng Bộ trưởng quyết định tách huyện Ninh Hải thành Ninh Hải và thị xã Phan Rang - Tháp Chàm; huyện An Sơn thành huyện Ninh

Sơn và Ninh Phước; huyện Bắc Bình thành 2 huyện: Tuy Phong và Bắc Bình; huyện Hàm Thuận thành Hàm Thuận Nam và Hàm Thuận Bắc; huyện Đức Linh thành huyện Đức Linh và Tánh Linh.

#### **6. Từ sau ngày tái lập tỉnh đến nay:**

Tháng 4/1992, thực hiện Nghị quyết Hội nghị khóa VIII, tỉnh Thuận Hải được chia thành 2 tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Tỉnh Bình Thuận từ khi được tái lập tỉnh đến nay có các đơn vị hành chánh: Tuy Phong, Phú Quý, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân, Đức Linh, Tánh Linh và thành phố Phan Thiết (quyết định 25/8/1999); đến năm 2002 toàn tỉnh có 115 xã - phường - thị trấn.

### **III - QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH DÂN CƯ BÌNH THUẬN:**

#### **1. Dân cư từ năm 1692 đến cuối thế kỷ 19:**

Ngoài cộng đồng người Chăm sinh sống lâu đời, ở Bình Thuận còn có các dân tộc Cờ Ho, Mạ, Châu Ro, Raglai... người Chăm sinh sống ở đồng bằng, còn các dân tộc thiểu số khác sống nhiều ở các vùng miền núi.

Nhiều người Việt đã đến sinh sống ở Bình Thuận vào khoảng thế kỷ 15 và 16 thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691 - 1725). Họ là những người lao động nghèo khổ ở các vùng Thanh, Nghệ, Quảng Bình vào vùng Phan Rí - Chợ Lầu lập nghiệp tạo cơ sở hình thành trung tâm huyện Hòa Đa. Cuối thế kỷ 17 đầu thế kỷ 18, một bộ phận dân cư miền Trung khác vào lập nghiệp ở vùng Phan Thiết - Mũi Né. Đây cũng là hai cụm dân cư đầu tiên của người Việt đến sinh sống ở Bình Thuận. Ngoài hai trung tâm trên, vào thế kỷ 17 một số dân cư miền Trung còn đến sinh sống tại đảo Phú Quý. Sang thế kỷ 18, nhà Nguyễn thực hiện chính sách chiêu dân khẩn hoang đã có nhiều đợt di dân với quy mô khá lớn và sang thế kỷ 19, người Việt đến Bình Thuận ngày một tăng lên. Theo địa la tỉnh Bình Thuận lập năm 1836, toàn



tỉnh có 282 làng (cả Ninh Thuận ngày nay) trên địa bàn Bình Thuận ngày nay có hơn 200 làng, trong đó phần lớn là các làng người Việt.

Cộng đồng người Hoa có mặt ở Bình Thuận vào khoảng cuối thế kỷ 17 đầu thế kỷ 18. Từ cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19, nhiều nhóm người Hoa ở Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nam... đến Bình Thuận cư trú khá đông, tạo nên cộng đồng người Hoa trong cộng đồng dân cư Bình Thuận lúc bấy giờ.

Do tình hình dân cư từ cuối thế kỷ 17 đến thế kỷ 19 có nhiều thay đổi, nên dân số ở Bình Thuận không ngừng tăng lên.

Dưới thời Gia Long, dân cư Bình Thuận (cả Ninh Thuận - Lâm Đồng) có khoảng 46.000 người. Thời Minh Mạng có 60.000 người và thời Thiệu Trị khoảng 90.000 người (chưa tính các dân tộc thiểu số ở miền núi). Theo tài liệu của Pháp (tính cả Ninh Thuận) năm 1905 toàn tỉnh có 171.000 người.

## **2. Dân cư trong thế kỷ 20:**

Cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, thực hiện khai thác thuộc địa trên quy mô lớn, thực dân Pháp tạo ra luồng di cư mới như đưa dân các nơi đến mở đường sắt, đường bộ, làm nghề xây dựng... ở Bình Thuận. Cho đến năm 1943, tỉnh Bình Thuận (đã tách Ninh Thuận, Lâm Đồng) có diện tích 6.000 km<sup>2</sup>, dân số 145.900 người, trong đó, người Kinh chiếm 70%.

Trong năm 1955 và những năm 70, có những đợt di dân đến Bình Thuận khá lớn. Đó là hàng nghìn người từ miền Bắc đến Sông Mao; 20.000 dân đến Hàm Thuận; 6.000 người đến Hàm Tân năm 1955. Từ năm 1958 - 1959 dịch đưa khoảng 20.000 dân từ các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi đến vùng Bắc sông La Ngà lập nên các khu dinh điền. Năm 1970, có 5.000 Việt kiều ở Campuchia về sống ở Nam Căng ESEPIC và năm 1972 - 1973 dân các vùng Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng

Nam đến sinh sống các vùng Nam tỉnh, trong đó huyện Hàm Tân tiếp nhận 25.000 người, chiếm 40% dân số của huyện lúc bấy giờ.

Sau năm 1975, có sự phân bố lại lao động, xây dựng các vùng kinh tế mới, dân cư một số tỉnh miền Bắc, miền Trung tiếp tục vào Bình Thuận sinh sống, sản xuất.

Dân cư tại địa phương cùng với dân cư các địa phương khác đến sinh cơ, lập nghiệp ở Bình Thuận trong thế kỷ 20 đã làm tăng dân số Bình Thuận, năm 1910 có 88.205 người, đến năm 1943 có 143.900 người, năm 1955 khoảng 210.000 người và năm 1970 khoảng 344.833 người (cả Bình Tuy).

Năm 1992, khi tách tỉnh dân số có 859.000 người và đến cuộc điều tra dân số tháng 4/1999, toàn tỉnh có 1.038.246 người.

## **IV - VÀI NÉT VỀ TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG:**

### **1. Phong trào yêu nước trước năm 1930:**

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, phong trào kháng chiến chống Pháp diễn ra nhiều nơi trong cả nước. Nhân dân Bình Thuận đã ủng hộ quân lương, tham gia đánh giặc. Nhất là từ sau khi vua Hàm Nghi phát động phong trào Cần Vương, các ông Phạm Đoan, Phạm Sảng, Dương Hoàng Nghị (Tuy Phong), Nguyễn Văn Luân, Phùng Hàn, Phùng Tố (Hòa Đa) tổ chức lực lượng kháng chiến ở địa phương. Năm 1886, nghĩa quân đánh chiếm nhiều nơi trong vùng, kể cả Tỉnh đường Bình Thuận lúc đó đóng tại làng Xuân An (Hòa Đa). Giữa năm 1886, phong trào yêu nước do Ung Chiếm phát động tại Hàm Thuận được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng. Nghĩa quân đã tổ chức bao vây phủ đường Hàm Thuận. Trước sức tấn công của lực lượng yêu nước, tháng 7/1886 Pháp điều quân từ Sài Gòn ra đàn áp, bắt giết các thủ lĩnh nghĩa



quân, đến cuối năm phong trào kháng chiến ở Bình Thuận mới ngưng hoạt động. Như vậy, phong trào hưởng ứng chiếu Cần Vương của quân và dân Bình Thuận đã góp phần vào cuộc kháng chiến hào hùng của dân tộc chống Pháp xâm lược vào cuối thế kỷ 19.

Sau thất bại của phong trào Cần Vương (1885 - 1888) đầu thế kỷ 20, phong trào Duy Tân (1906 - 1908) có nội dung cải cách văn hóa, xã hội, kinh tế kết hợp với động viên tinh thần yêu nước thương nòi do các sĩ phu Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng khởi xướng, chủ trì. Hưởng ứng phong trào Duy Tân, từ năm 1906 ở Bình Thuận đã hình thành "Liên Thành thư xã" "Liên Thành thương quán", "Dục Thanh học hiệu". Các tổ chức này được xây dựng với mục đích chấn hưng kinh tế, hậu dân sinh. Trong đó sự việc Thầy giáo Nguyễn Tất Thành đến đây dạy học năm 1910 có một ý nghĩa rất to lớn, góp phần tác động đến con đường cứu nước của Bác trong thập kỷ 20 thế kỷ 20. Từ chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa Mác - Lênin, Bác tìm ra con đường giải phóng dân tộc.

## **2. Đấu tranh giành chính quyền trong cách mạng tháng 8/1945:**

Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập và cũng từ đó, tổ chức Đảng ở Bình Thuận cũng được hình thành. Tháng 8/1931, tổ chức Đảng trong tỉnh mở đợt đấu tranh rải truyền đơn nhằm kêu gọi các tầng lớp nhân dân đứng lên đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh, dân tộc tiến lên giải phóng đất nước khỏi bọn xâm lăng của thực dân Pháp.

Tiếp đến với phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ trong những năm 1936 - 1939, phong trào yêu nước trong tỉnh đã diễn ra trong diện rộng, liên tiếp nổ ra các cuộc đấu tranh chính trị, đấu tranh đòi quyền lợi ruộng đất, quyền lợi lao động... với các hình thức bãi thị, đình công, mítinh.

Cuộc đấu tranh giành chính quyền ngày 24/8/1945 giành thắng lợi là kết quả sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong 15 năm, xây dựng một chính quyền công - nông; giải phóng đất nước sau hàng trăm năm bị thực dân Pháp thống trị.

## **3. Đấu tranh bảo vệ chính quyền:**

Tháng 2/1946, Pháp trở lại xâm lược nước ta, nhân dân Bình Thuận cùng nhân dân cả nước kháng chiến, bảo vệ chính quyền và quyền độc lập dân tộc. Trong chín năm đấu tranh cách mạng hết sức gian khổ, nhân dân Bình Thuận dưới sự lãnh đạo của Đảng đã cùng nhân dân cả nước đánh bại thực dân Pháp, buộc chúng ký kết Hiệp định Giơnevơ (1954) công nhận chủ quyền, độc lập thống nhất của đất nước ta.

Pháp thua, đế quốc Mỹ tiến hành cuộc xâm lược ở miền Nam nước ta. Nhân dân Bình Thuận cùng nhân dân miền Nam, nhân dân cả nước kháng chiến chống Mỹ xâm lược trong suốt 21 năm, đã giành thắng lợi.

Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đất nước ta được thống nhất, tiến lên xây dựng CNXH.

Trong suốt 27 năm hòa bình thống nhất, thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN, nhân dân Bình Thuận đã phát huy truyền thống cách mạng trong kháng chiến, xây dựng Bình Thuận ngày thêm giàu đẹp, ổn định về an ninh chính trị, đang bước vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

\*

Hơn 300 năm hình thành và phát triển, tỉnh Bình Thuận có một chiều dài lịch sử rất đáng trân trọng và tự hào. Quân và dân Bình Thuận ra sức gìn giữ và phát huy truyền thống hào hùng góp phần xây dựng thành công CNXH, với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.



# NÔNG - LÂM - THỦY SẢN

## NHỮNG BƯỚC TIẾN TRONG NÔNG NGHIỆP



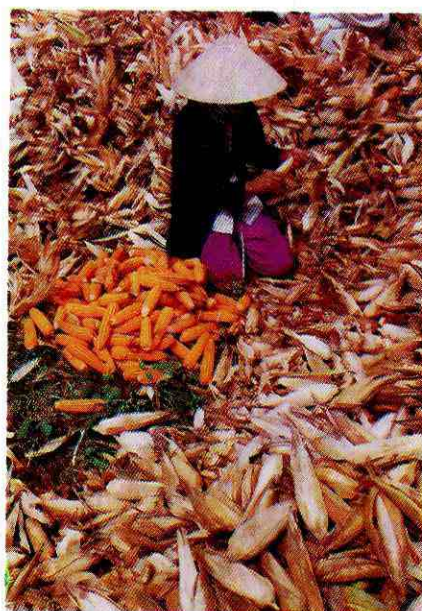
Nuôi gà công nghiệp Ảnh: ĐÌNH HÒA



Vườn thanh long ở Hàm Hiệp Ảnh: HC

Sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi. Sản lượng lương thực đạt 356,5 ngàn tấn, bình quân mỗi năm tăng hơn 24,5 ngàn tấn. Hình thành một số vùng sản xuất tập trung chuyên canh theo mô hình kinh tế trang trại. Trong 5 năm trồng mới gần 13,5 ngàn ha cao su, điều, thanh long và các loại cây ăn quả; nâng diện tích cây dài ngày toàn tỉnh lên 37,4 ngàn ha. Giá trị cây công nghiệp chiếm trong ngành trồng trọt 36%, vượt 6% mục tiêu đề ra. Chăn nuôi tiếp tục phát triển (tăng bình quân hàng năm 9,38%), đàn bò tăng 2,82%, đàn heo tăng 4,84%, đưa tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp chiếm 17,6% năm 1995 lên 20% năm 2000.

(Trích Văn kiện Đại hội X Đảng bộ tỉnh).



Thu hoạch bắp lai ở Đức Linh Ảnh: N. LÂN



Một góc hồ Hàm Thuận Ảnh: TRUNG QUÂN



Chăn dê đàn ở xã Đông Giang  
Ảnh: LÊ HOÀI PHƯƠNG



# CHI NHÁNH NHNo & PTNT TỈNH BÌNH THUẬN 10 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG (1992 - 2002)

**T**ừ khi chia tách (1992) cho đến nay, có thể nói đây là quãng thời gian vượt khó đầy thử thách đối với chi nhánh NHNo & PTNT Bình Thuận. Song chính đây là quãng thời gian để chi nhánh rèn luyện đi lên và khẳng định bằng chính nỗ lực của mình, từng bước phát triển vững chắc các mặt, tạo lập vị thế xứng đáng là chi nhánh ngân hàng thương mại Nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh, đặc biệt là đơn vị chủ đạo và chủ lực trên mặt trận tín dụng nông nghiệp và nông thôn.

Từ hệ thống mạng lưới, tổ chức cán bộ chủ yếu tiếp nhận từ thời bao cấp với tổng số 09 chi nhánh (8 chi nhánh huyện và hội sở chính), nguồn lực con người và trang thiết bị công nghệ, trình độ quản trị điều hành, tác nghiệp, phát triển thị trường khách hàng còn nhiều yếu kém, mang nặng tư duy hành chính...

Song đến nay hệ thống mạng lưới đã phát triển với tổng số 17 chi nhánh các loại (Hội sở chính, 8 chi nhánh huyện, 8 chi nhánh cụm xã phường) và 01 phòng giao dịch (chưa kể một số ngân hàng lưu động) theo phương châm gần sát dân hơn, tập trung ở những nơi trung tâm kinh tế, dân cư để phục vụ khách hàng ngày càng thuận lợi và thật sự hiệu quả. Vấn đề đào tạo và đào tạo lại, sắp xếp nguồn nhân lực, củng cố quản lý điều hành và trang thiết bị công nghệ, ứng dụng tin học luôn là vấn đề chi nhánh coi là khâu đột phá làm tiền đề phát triển toàn diện các mặt hoạt động ngân hàng. Do vậy chi nhánh đã đầu tư xứng đáng cho công tác đào tạo và đào tạo lại các mặt kiến thức toàn diện, sắp xếp nguồn nhân lực đảm bảo đủ sức hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu đổi mới trên các vị trí công tác. Đồng thời cũng hết sức quan tâm đầu tư trang thiết bị công nghệ mới phục vụ tốt cho yêu cầu hoạt động.

Từ những tiền đề trên, mặt khác được sự quan tâm lãnh đạo thường xuyên của các cấp lãnh đạo địa phương, chi nhánh NHNN Bình Thuận, sự chỉ đạo định hướng của NHNo & PTNT Việt Nam, căn cứ nhu cầu thị trường và nền kinh tế, khả năng của mình, qua 10 năm phấn đấu không mệt mỏi tuy còn có mặt còn hạn chế nhưng chi nhánh NHNo & PTNT Bình Thuận đã đạt được những kết quả khá tích cực trên hầu khắp các lĩnh vực hoạt động chủ yếu: Từ nguồn vốn tự huy động, doanh số cho vay, dư nợ và chất lượng tín dụng, khối lượng dịch vụ thanh toán, số lượng khách hàng, phát triển thị trường, thu nhập ngân hàng và đời sống CBCNV... Các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, ngày càng đa dạng phong phú theo xu thế phát triển của một ngân hàng thương mại hiện đại gắn liền với tiến trình CNH - HĐH nền kinh tế, trước hết là CNH - HĐH nông nghiệp và nông thôn.

Nguồn vốn huy động tại chỗ đến 31/03/2002 đạt 308,56 tỷ đồng, tăng 16,4 lần (291 tỷ) so với năm 1992, B/Q hàng năm tăng 41%.

Tổng khối lượng tín dụng cung ứng cho nền kinh tế trong suốt thời kỳ này (tính đến 31/03/2002) là 3.997 tỷ, B/Q mỗi năm khoảng 440 tỷ, riêng trong năm 2001 chi nhánh đã cung cấp một khối lượng tín dụng đạt tới 861 tỷ.

Tổng dư nợ đến 31/03/2002 là 911,225 tỷ, tăng 20,2 lần (868,3 tỷ) so với năm 1992, B/Q hàng năm tăng 41,4%.

Riêng dư nợ cho vay hộ sản xuất, gia đình, cá nhân chiếm tỷ trọng khoảng 82% so với tổng dư nợ. Số hộ có dư nợ đến 31/03/2002 là 116.596 hộ, chiếm khoảng 56% số hộ toàn tỉnh.

Cùng với tăng quy mô và phạm vi, đối tượng đầu tư thì chất lượng vốn tín dụng được cải thiện đáng kể. Nếu như năm 1992 tỷ lệ nợ quá hạn là 14,7% thì hiện nay tỷ lệ này là 1,6%.





Thắp đèn ban đêm cho thanh long ra quả trái vụ.

Trong quá trình mở rộng phát triển các mặt hoạt động ngân hàng cũng như đầu tư cho vay qua các năm, chi nhánh luôn tranh thủ cao sự chỉ đạo và ủng hộ của các cấp lãnh đạo địa phương, có các bước phối hợp khá hiệu quả với các ngành, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội. Đầu tư theo sát với các quy hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo từng thời kỳ, đảm bảo các cân đối phát triển toàn nền kinh tế cũng như trong từng cơ cấu ngành - vùng lĩnh vực thành phần kinh tế.

Ngoài việc đầu tư cho các doanh nghiệp Nhà nước gắn liền với quá trình sắp xếp đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN, chi nhánh cũng hết sức quan tâm đầu tư cho các doanh nghiệp, loại hình kinh tế ngoài quốc doanh, đặc biệt là kinh tế hộ sản xuất, kinh tế trang trại sản xuất hàng hóa, kinh tế hợp tác, các dịch vụ cho vay cải thiện cuộc sống, hộ nghèo vùng sâu, vùng xa... Theo thống kê, qua cho vay hộ nghèo đến năm 2001



Thu hoạch nhãn trái vụ đạt năng suất cao ở Tân Thắng - Hàm Tân.

đã có 2.636 hộ thoát khỏi đói nghèo. Cũng từ vốn vay ngân hàng góp sức ban đầu mà nhiều hộ trở nên khá giả trở thành điển hình hộ sản xuất kinh doanh giỏi các cấp, nhiều mô hình làm ăn theo mô hình sản xuất hàng hóa liên kết cây con dịch vụ thực sự hiệu quả và lan rộng thành các phong trào sôi nổi trong khắp làng xã góp phần tích cực ổn định cuộc sống, nâng cao thu nhập, tạo việc làm, đẩy lùi các tệ nạn tiêu cực, xây dựng đời sống mới tiến bộ trong các cụm dân cư.

Phát huy những mặt đã đạt được trong 10 năm qua, chi nhánh NHNo & PTNT Bình Thuận xác định đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp đổi mới, tiếp tục nâng cao năng lực trong hoạt động, tận dụng mọi nguồn lực để ổn định và phát triển, đóng góp sức mình để biến các Nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước trở thành hiện thực trong cuộc sống, xứng đáng là một chi nhánh Ngân hàng thương mại Nhà nước trên địa bàn vì sự nghiệp CNH - HĐH nông nghiệp và nông thôn.

Bên cạnh những mặt đạt được như trên, hoạt động của chi nhánh NHNo & PTNT Bình Thuận còn gặp không ít khó khăn, hạn chế không nhỏ đến hiệu quả vốn cho vay và khả năng đầu tư phát triển của chi nhánh: Môi trường đầu tư trên mặt trận nông nghiệp - nông thôn luôn bị đe dọa rủi ro bởi thiên tai bất thường, địa bàn phạm vi tín dụng trải rộng phân tán số lượng lớn, một số khách hàng lớn vay kém hiệu quả (đặc biệt nhà máy đường), cho vay thương mại còn đan xen với cho vay chính sách...

Trên đây là một số kết quả hoạt động chủ yếu của chi nhánh NHNo & PTNT tỉnh Bình Thuận từ 1992 - 2002, mong có sự chỉ đạo và quan tâm hơn nữa của các cấp lãnh đạo địa phương, sự phối hợp chặt chẽ hiệu quả hơn của các ngành, tổ chức đoàn thể và sự chia sẻ để chi nhánh có điều kiện hoạt động tốt hơn, hiệu quả hơn nhằm không ngừng mở rộng phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo mục tiêu CNH - HĐH, trước hết cho CNH - HĐH nông nghiệp và nông thôn.

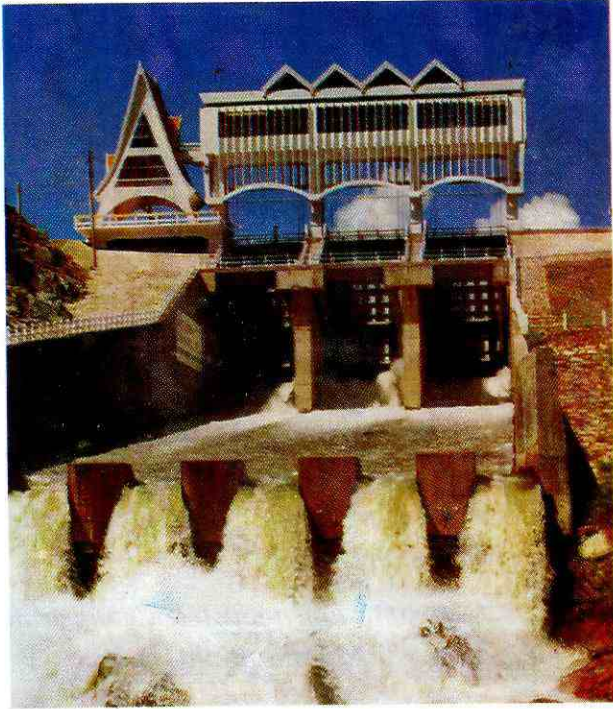


# BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

## BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN THỦY LỢI 415

Địa chỉ : 33 TRẦN HƯNG ĐẠO - TP. PHAN THIẾT - BÌNH THUẬN  
ĐT: 062. 822037 Fax: 062 - 821357

### CÁC DỰ ÁN - CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU QUA 10 NĂM TÁI LẬP TỈNH BÌNH THUẬN (1992 - 2002)



Công trình thủy lợi Sông Quao - Bình Thuận.

#### 1. Công trình hồ Sông Quao:

+ Địa điểm xây dựng: Nằm trên 2 xã:  
Thuận Hòa - Hàm Trí, huyện Hàm Thuận  
Bắc, Bình Thuận.

• Nhiệm vụ: cấp nước tưới cho 14.000  
ha của các xã: Hàm Trí, Hàm Phú, Thuận  
Minh, Ma Lâm, Hàm Chính, Hàm Liêm,  
Hàm Hiệp, Hàm Thắng, Hàm Nhơn, Hàm  
Đức, Hồng Sơn...

- Cấp nước phục vụ sinh hoạt cho nhân  
dân thành phố Phan Thiết.

- Xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh  
tế, nâng cao đời sống nhân dân trong khu  
vực, giảm nhẹ lũ hạ du.



Hồ chứa nước Cà Giây - Bình Thuận.



**+ Quy mô công trình:**

- Dung tích toàn bộ: 73 triệu m<sup>3</sup>
- Dung tích hữu ích: 67 triệu m<sup>3</sup>
- Dung tích chết: 6 triệu m<sup>3</sup>

**+ Năm hoàn thành: 1997.**

Tổng dự toán kinh phí: 260.000.000.000 đ (Hai trăm sáu mươi tỷ đồng).

**2. Công trình hồ chứa nước Cà Giây:**

**+ Địa điểm xây dựng:** Xã Bình An - huyện Bắc Bình - Bình Thuận.

**+ Nhiệm vụ:** Cấp nước tưới cho 3.965 ha của 6 xã: Bình An, Hải Ninh, Chợ Lầu, Phan Rí Thành - Phan Hiệp, Phan Hòa, huyện Bắc Bình.

- Cấp nước phục vụ cho kinh tế dân sinh góp phần xóa đói giảm nghèo cho các đồng bào dân tộc - huyện Bắc Bình.

**+ Quy mô công trình:** Dung tích toàn bộ: 36,63.10<sup>6</sup> m<sup>3</sup>.

- Dung tích hữu ích: 29,43.10<sup>6</sup> m<sup>3</sup>. Dung tích chết: 7,2.10<sup>6</sup> m<sup>3</sup>.

+ Tổng dự toán kinh phí, 115.289.780.000 (một trăm mười lăm tỷ, hai trăm tám chín triệu, bảy trăm tám mươi ngàn đồng) năm hoàn thành: 2000.

**3. Công trình hồ chứa nước Lòng Sông:**

**+ Địa điểm xây dựng:** Trên Sông Lòng Sông tại xã Phong Phú - huyện Tuy Phong.

**+ Nhiệm vụ công trình:**

- Tưới cho 4.260 ha, trong đó tự chảy 4.000 ha, tạo nguồn tưới bơm 260 ha.

- Cấp nước sinh hoạt cho trên 53.000 dân.

- Cải tạo môi trường, chống cát bay, sa mạc hóa khu vực; giảm nhẹ lũ hạ du.

**+ Quy mô công trình:** Dung tích toàn bộ: 36,88 x 10<sup>6</sup> m<sup>3</sup>.

- Dung tích hữu ích: 33,28 x 10<sup>6</sup> m<sup>3</sup>.  
Dung tích chết: 3,6 x 10<sup>6</sup> m<sup>3</sup>.

+ Tổng dự toán kinh phí: 196.164.422.000đ.

(Một trăm chín sáu tỷ, một trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Năm hoàn thành: 2004.

**4. Dự án tưới Phan Rí - Phan Thiết - Giai đoạn 1.**

(Công trình sử dụng nước sau thủy điện Đại Ninh)

**+ Tên dự án:** Dự án tưới Phan Rí - Phan Thiết - Giai đoạn 1 (sử dụng nước sau thủy điện Đại Ninh).

**+ Địa điểm xây dựng:** Công trình đầu mối đập dâng xây dựng trên Sông Lũy tại xã Phan Lâm - huyện Bắc Bình - tỉnh Bình Thuận.

**+ Mục tiêu của dự án:** Xây dựng công trình để sử dụng nguồn nước sau thủy điện Đại Ninh nhằm:

- Cấp nước tưới phát triển vùng trọng điểm bông vải của tỉnh Bình Thuận.

- Xây dựng một số vùng định cư mới phục vụ cho việc chuyển dân từ các nơi khác đến.

- Cấp nước cho dân sinh, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân trong khu vực.

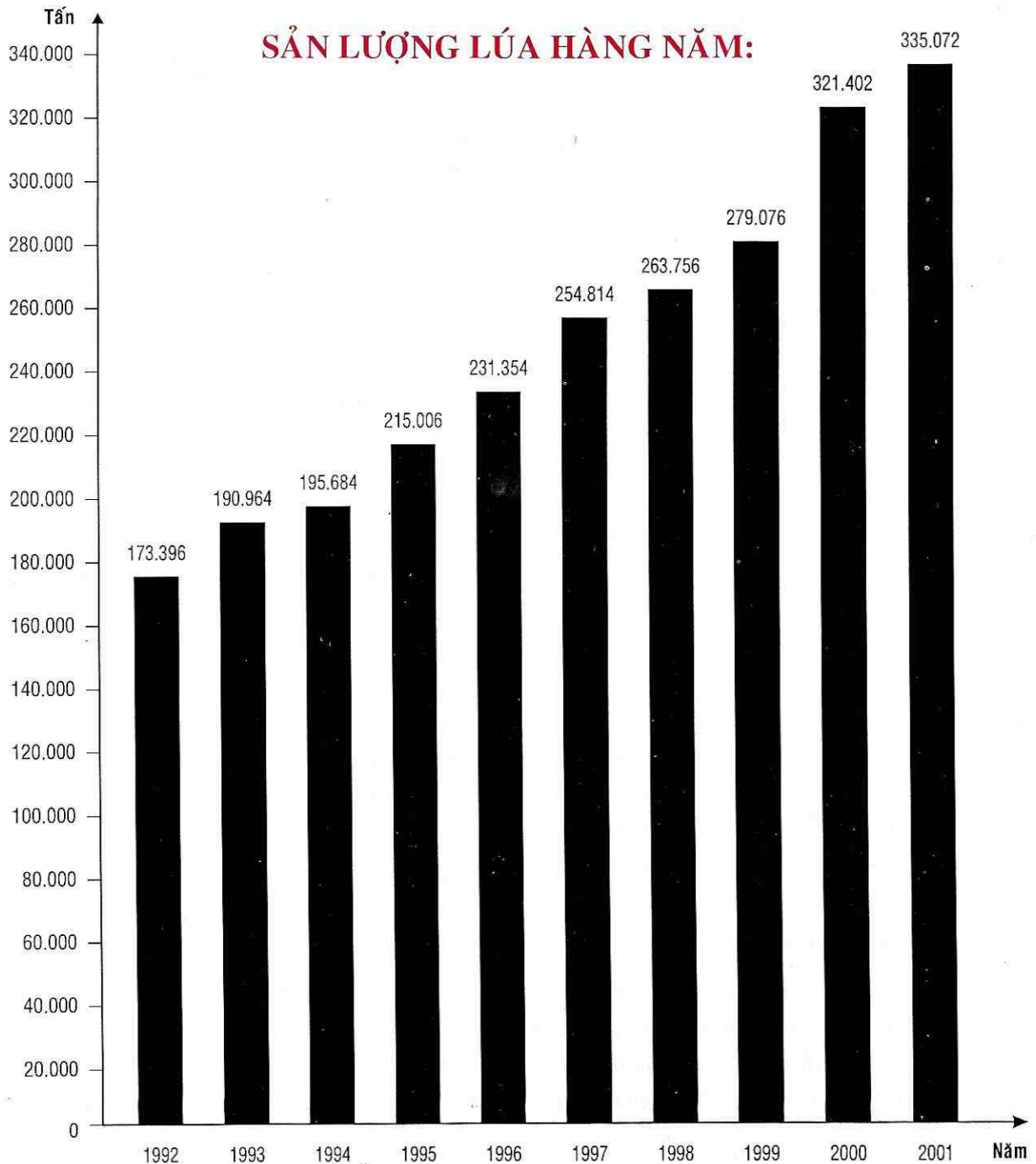
**+ Nhiệm vụ của dự án:** Cấp nước tưới cho 15.700 ha đất canh tác thuộc đồng bằng Phan Rí - tỉnh Bình Thuận (trong đó: diện tích trồng bông 9.700 ha, lúa 3.460 ha, màu 2.540 ha). Tổng mức đầu tư: 803.249.272.000 VNĐ (Tám trăm lẻ ba tỷ, hai trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng).



# NÔNG NGHIỆP

## DIỆN TÍCH CÂY HÀNG NĂM ĐẾN NĂM 2001:

- Cây lương thực: 104.594 ha
- Cây thực phẩm: 26.714 ha
- Cây công nghiệp: 24.607 ha





# BAN DÂN TỘC MIỀN NÚI

**B**ình Thuận là tỉnh có 5 huyện miền núi, 2 huyện có miền núi và 1 huyện đảo, với 72 xã, thị trấn là miền núi (có 17 xã vùng cao) chiếm 62,60%. Tổng số xã, phường, thị trấn, chiếm 88% diện tích tự nhiên, chiếm hơn 50% dân số toàn tỉnh.

- Sau 10 năm kể từ ngày chia tách tỉnh (1992 - 2001), việc đầu tư phát triển KT - XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng kháng chiến cũ và các xã nghèo được tỉnh đặc biệt quan tâm đầu tư lồng ghép nhiều nguồn vốn của các chương trình dự án như: Định canh, định cư, chương trình 327, chương trình XDGN, chương trình xây dựng TTCX, chương trình 135, dự án phát triển cộng đồng trẻ em, dự án chương trình KTM, 660 và các chương trình mục tiêu, dự án khác để đầu tư cho vùng, nhất là vùng dân tộc thiểu số, vùng cao, đồng thời với nguồn lực đầu tư và hoạt động quản lý SXKD của 28 đơn vị lâm trường, Ban quản lý rừng và các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp tư nhân... với kết quả đầu tư trên bước đầu đã làm thay đổi dần bộ mặt của vùng dân tộc và miền núi.

• **Y tế:** 100% số xã có Trạm y tế được kiên cố hóa, có 88% số xã có bác sĩ, 100% xã có nữ hộ sinh. 100% số hộ đồng bào, dân tộc thiểu số vùng cao đã dùng muối ăn có trộn I ốt.

## • **Giáo dục - đào tạo:**

- Hệ thống giáo dục củng cố và phát triển, tỷ lệ học sinh lên lớp hàng năm đạt từ 80 - 85% tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi cấp I đến trường từ 90 - 95% cấp II gần 50%.

Công tác xây dựng phát triển trường lớp được chú ý quan tâm 100% thôn, xã đều có trường, lớp học, hầu hết là nhà cấp 3, 4 một số ít là phòng lều.

## • **Đời sống - văn hóa:**

Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ đã được cải thiện, 69% hộ có phương tiện đi lại, 41% hộ có phương tiện nghe nhìn, 89% hộ có nhà ở.

## • **Cơ sở hạ tầng:**

Thi công và nâng cấp gần 400 km đường và nhiều cầu cống. Đến nay đường ô tô đã thông suốt từ tỉnh về huyện, từ huyện về xã.

- Hệ thống thủy lợi hiện đại phục vụ tưới 11.383 ha của đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có 2 hồ chứa (tưới 3.990 ha) 22 đập kiên cố (tưới 2.784 ha); 13 đập bán kiên cố (tưới 2.892 ha), 22 đập tạm (tưới 1.194 ha), 246,2 km chiều dài kênh (trong đó đã kiên cố hóa được 6,8 km.

Đầu tư xây dựng 233 giếng khoan, 1.681 giếng đào, 6 bể chứa 2.586 lu chứa nước 2m<sup>3</sup>, đến nay có 54% số hộ dùng nước hợp vệ sinh.

Điện: 100% số xã vùng dân tộc thiểu số, vùng căn cứ kháng chiến cũ có đường điện trung và hạ thế, toàn vùng hiện có 533 km đường dây 22/15 KV, 451 km đường dây hạ thế, 310 trạm với dung lượng 19,947 KVA.





Bưu điện: có 19/32 xã có điểm bưu điện văn hóa xã, có 23/32 xã có sử dụng điện thoại.



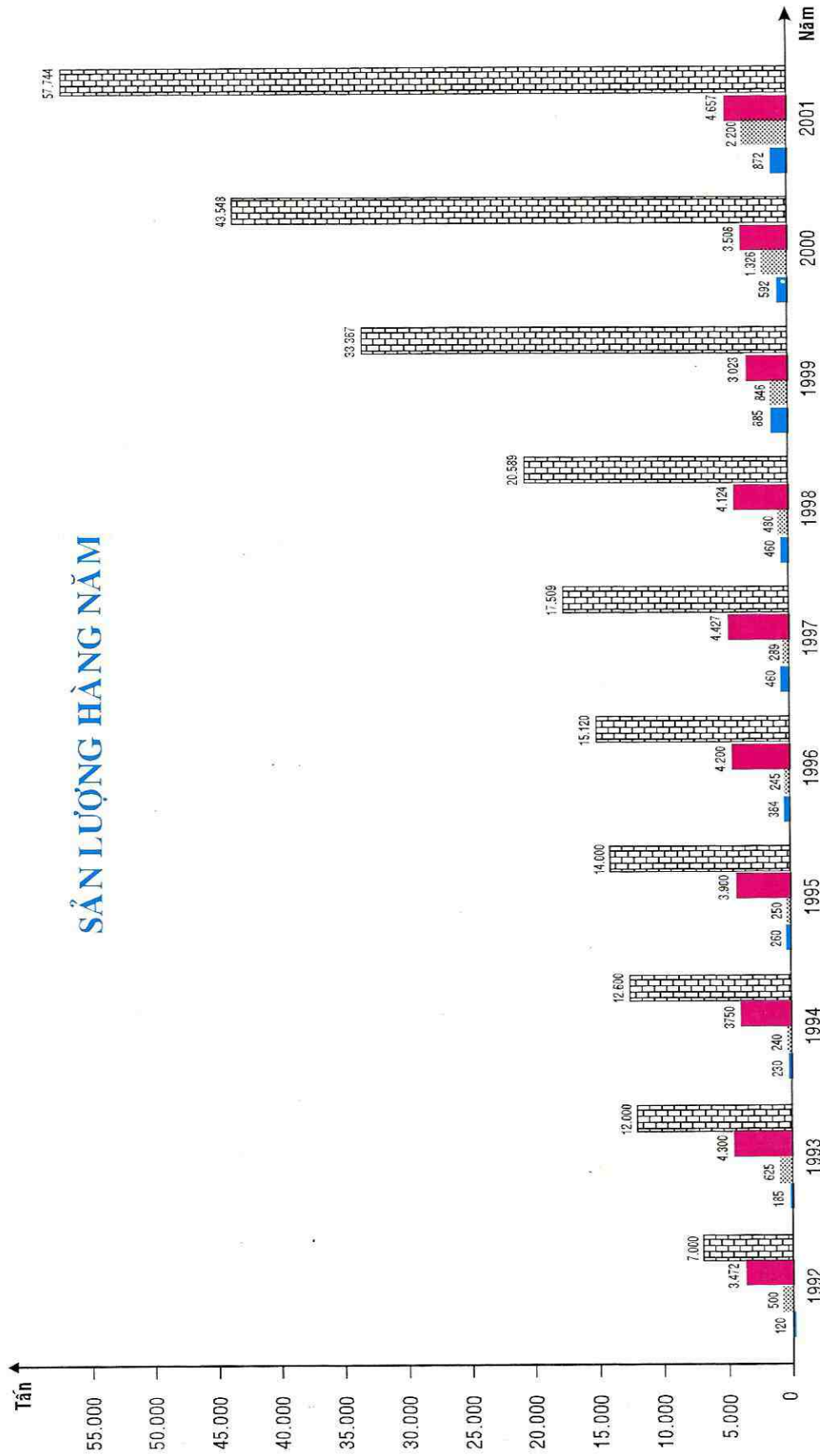
### DIỆN TÍCH CÂY LẬU NĂM ĐẾN NĂM 2001:

- Cao su: 10.360 ha
- Hồ tiêu: 1.730 ha
- Điều: 16.995 ha
- Thanh long: 4.485 ha

### GHI CHÚ:

-  Cao su
-  Điều
-  Tiêu
-  Thanh long

### SẢN LƯỢNG HÀNG NĂM



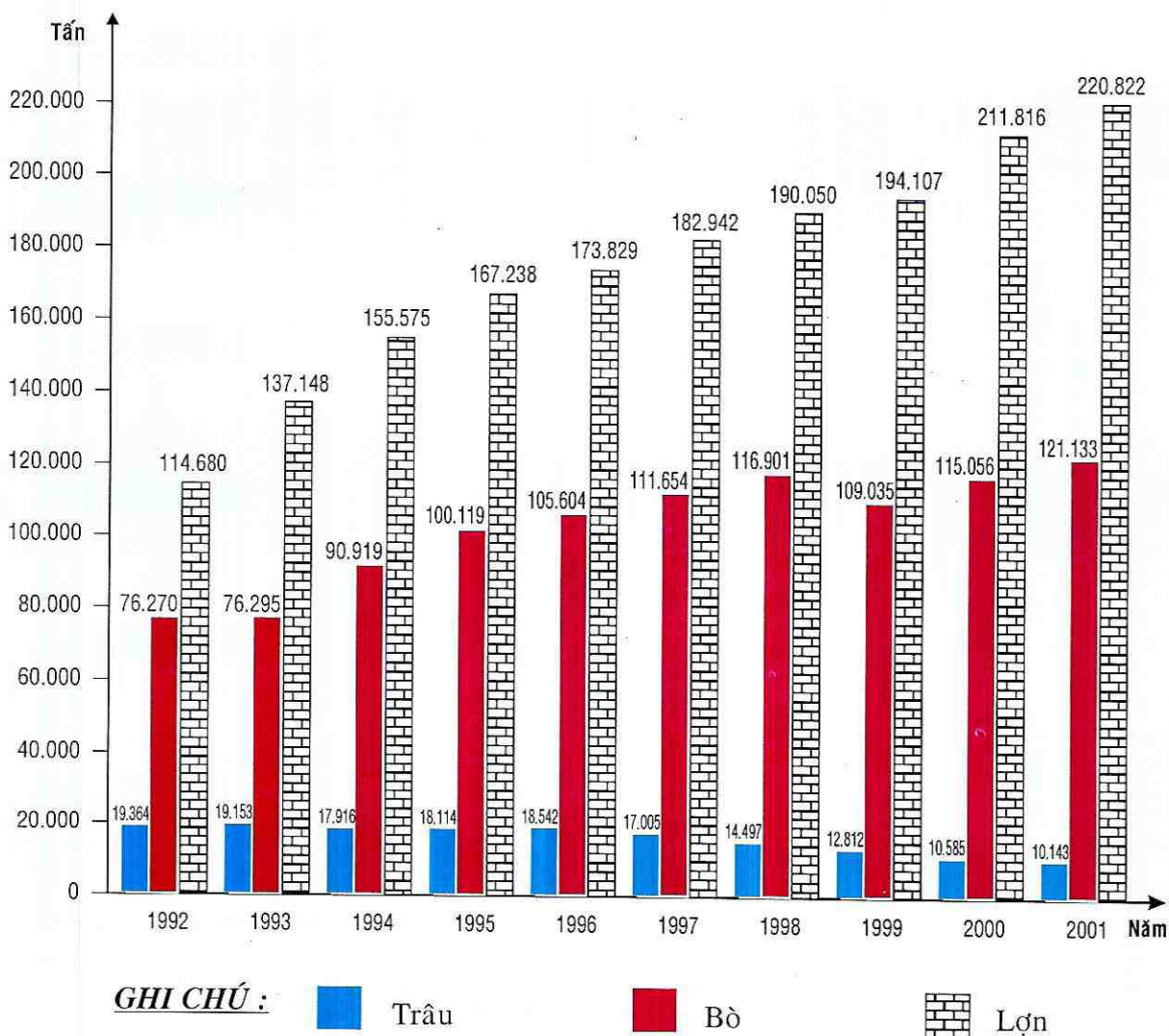


# CHĂN NUÔI

## SỐ LƯỢNG ĐÀN GIA CẦM:

- 1992: 1.446.566 con
- 1993: 1.700.895 con
- 1994: 1.874.296 con
- 1995: 1.969.659 con
- 1996: 2.489.029 con
- 1997: 2.789.017 con
- 1998: 3.024.584 con
- 1999: 3.098.571 con
- 2000: 3.513.575 con
- 2001: 3.563.746 con

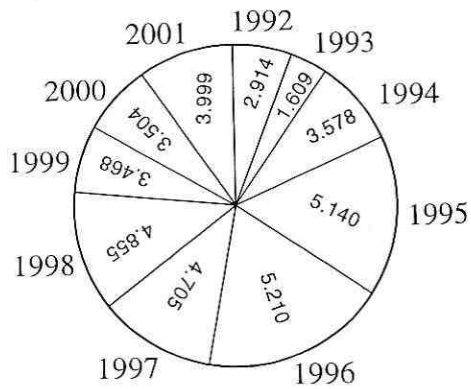
## ĐÀN GIA SÚC



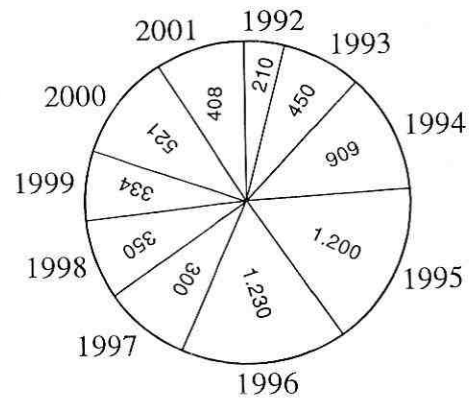


# LÂM NGHIỆP

## TRỒNG RỪNG TẬP TRUNG (ha)

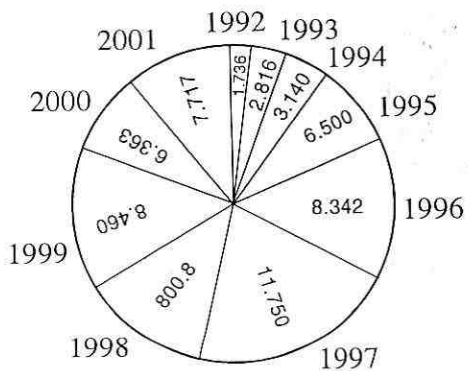


## TRỒNG CÂY PHÂN TÁN (ha)

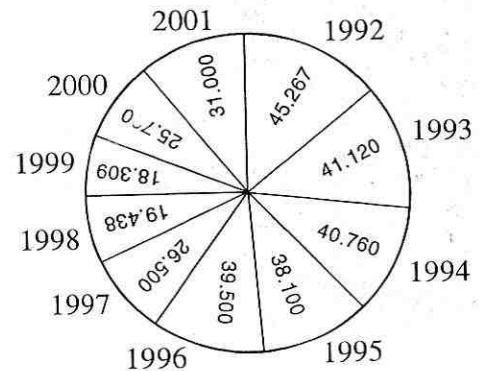


Ưu hợp thực vật : Thị (*Diospyros*) + Trâm (*Syzygium*) trên đỉnh núi Tà Kou.

## CHĂM SÓC RỪNG TRỒNG (ha)



## KHAI THÁC GỖ (m<sup>3</sup>)





# BAN QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ TRỒNG RỪNG PHAN THIẾT

## 10 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

• Địa chỉ: PHƯỜNG PHÚ HÀI - THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - BÌNH THUẬN

• Điện thoại: 062 - 812637

• Giám đốc: NGUYỄN VĂN BẢY

+ *Nhiệm vụ trọng tâm:*

• Tổ chức thực hiện dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.

• Bổ sung quy hoạch rừng phòng hộ theo chương trình 661 của UBND tỉnh.

• Chăm sóc rừng trồng.

• Khoanh nuôi, bảo vệ rừng tái sinh.

+ *Tổ chức thực hiện:*

- Dựa vào điều kiện khí hậu, yếu tố đất đai ở địa phương, đơn vị phân bố trồng các loại cây phi lao, cây dẫu, keo, điều, xà cừ, keo lai trên khu vực thành phố Phan Thiết và các vùng lân cận.



Ông Nguyễn Văn Bảy.

- Thu hút và giải quyết hơn 500 lao động có việc làm ổn định.

- Nuôi dưỡng suốt đời một bà mẹ Việt Nam anh hùng, đóng góp đầy đủ các đợt vận động đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, lao động công ích, phòng chống bão lụt.

Nhìn lại chặng đường 10 năm qua, khẳng định sự cố gắng, vươn lên không mệt mỏi của CBVC. Phát huy kết quả đã đạt được, vượt qua thử thách khắc phục khó khăn và những thiếu sót tồn tại. Tiếp tục phấn đấu xây dựng Trạm bảo vệ và trồng rừng Phan Thiết thành đơn vị xuất sắc, vững bước tiến vào thiên niên kỷ mới.



BQL rừng trồng phòng hộ Phan Thiết.



## KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUA 10 NĂM TRỒNG VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG (1992 - 2002)

Năm	Trồng rừng	Hạng mục công trình			Trạm BVR	Đường giao thông	Trường học	Bể nước giếng nước	Dân dân
		Chăm sóc rừng	Bảo vệ rừng	Khoanh nuôi					
1992	100,51 ha	167,42 ha	355,44 ha						
1993	50,49	252,82	388						
1994	80	210	451,95						
1995	308,8	215,12	511,71		2 km (Hàm Tiến)	2 phòng học (Hàm Tiến)			
1996	304,8	539,79	596,04		2,4 km (Hàm Tiến)				
1997	506,3	713,8	90,3				06 giếng 3 Mũi Né	65 hộ	
1998	200,25	798,1	409	01 trạm (Hàm Tiến)			1 bể nước HT		
1999	352,2	998,15	897,44	01 trạm (Tiến Thành)			1 bể nước TT		
2000	453,1	526,85	1671,93	01 trạm (B. tàng)					
2001	505,73	779,9	1.868,87	01 trạm (Mũi Né)					

Ghi chú: - Từ 1992 - 1993 Vốn ngân sách địa phương

- 1994 - 1998 Vốn dự án 327 - 773

- 1999 - 2001 Vốn dự án chương trình 661/TTg.

Ngoài ra hàng năm còn thực hiện kế hoạch của Sở giao bằng nguồn vốn sự nghiệp LN

Như: - Chống phá rừng

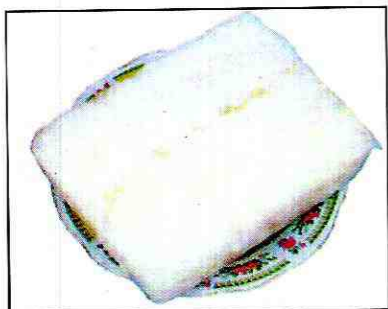
- Phòng chống cháy

- Gieo tạo cây phân tán...



# THỦY SẢN

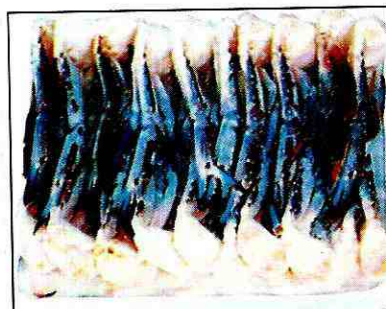
## SẢN LƯỢNG KHAI THÁC



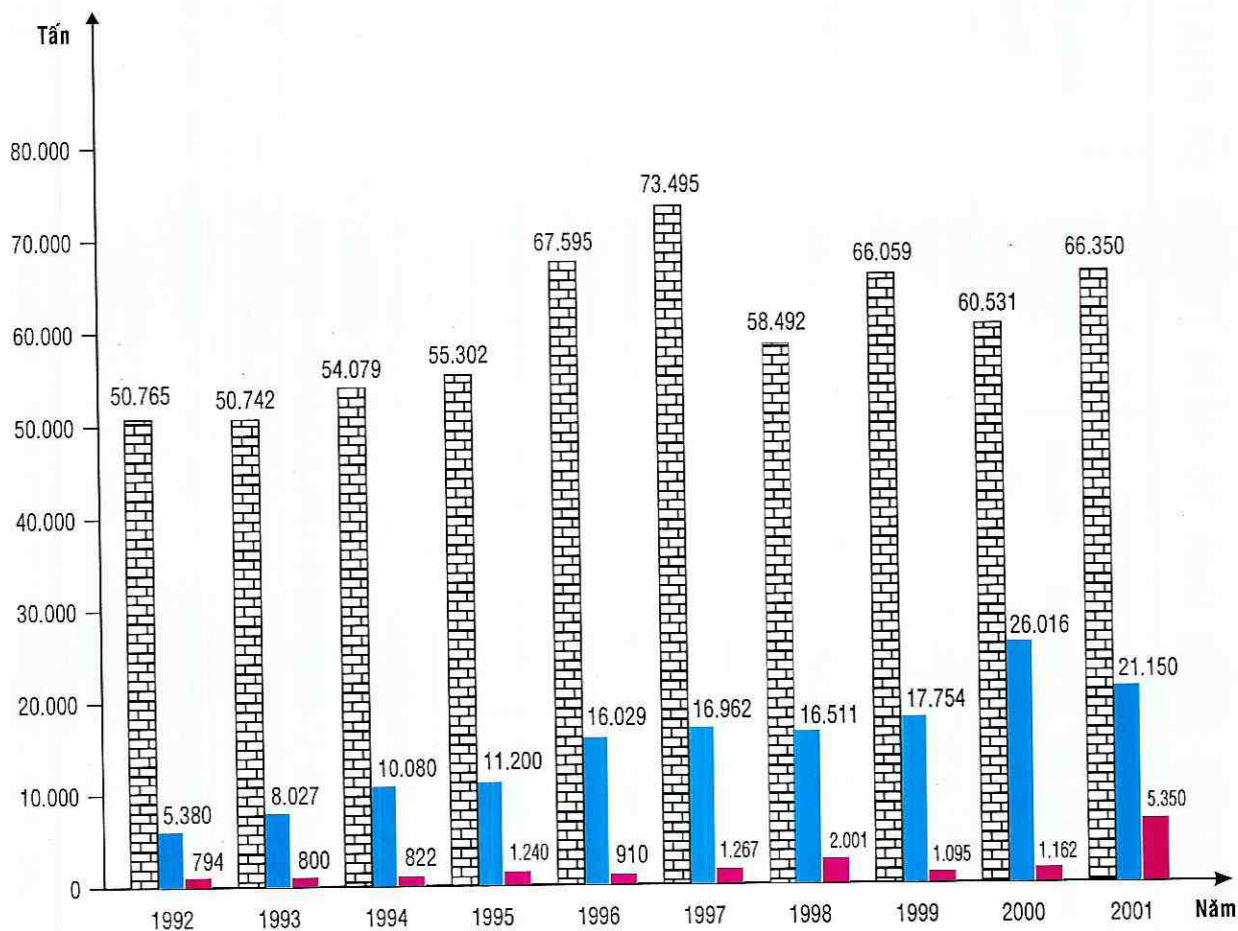
Mực nang fillet đông block



Đầu mực đông block



Ghẹ xanh đông block



**GHI CHÚ :**



Cá



Mực



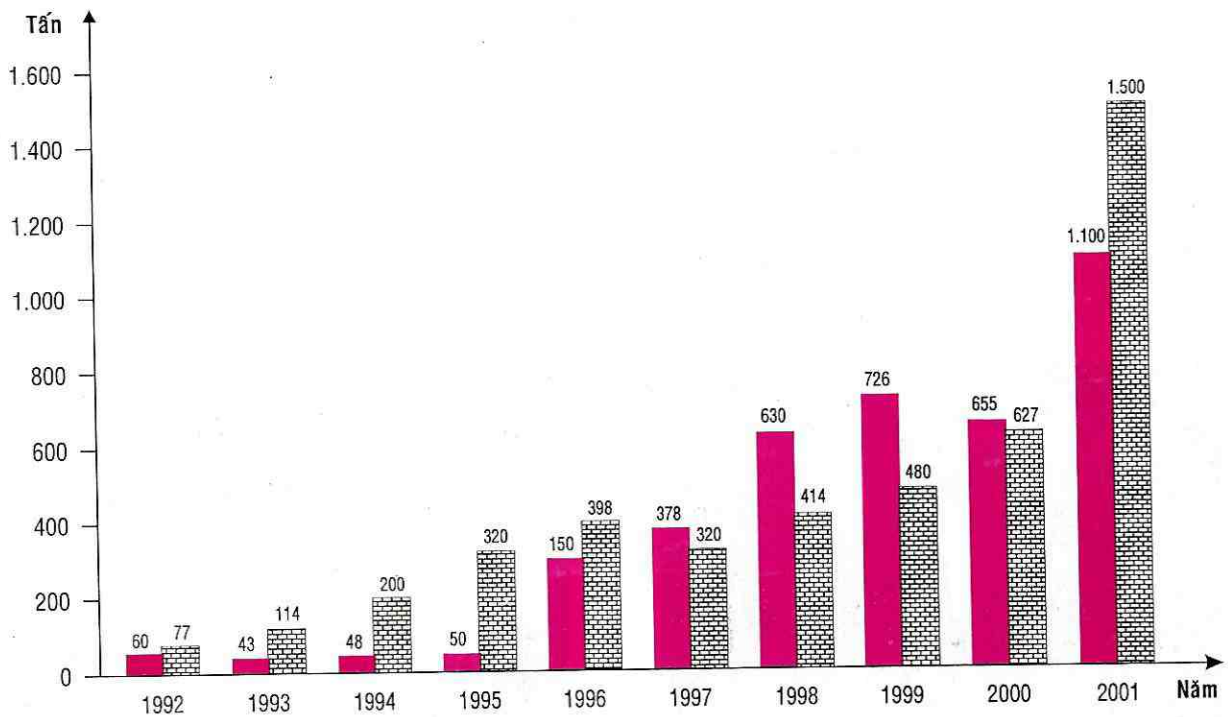
Tôm



# NUÔI TRỒNG THỦY SẢN



Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười về làm việc với tỉnh và thăm cơ sở sản xuất nước suối Vĩnh Hảo



**GHI CHÚ :** Cá Tôm



## CÔNG TY TNHH HẢI NAM

# MỘT CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

Công ty TNHH Hải Nam được thành lập năm 1993 theo Quyết định số 132/QĐ UB-BT ngày 01 tháng 3 năm 1993 của UBND tỉnh Bình Thuận. Việc ra đời của công ty vào đúng thời điểm mà sự nghiệp đổi mới của đất nước diễn ra mạnh mẽ và sâu rộng. Với lòng quyết tâm và đồng lòng của các thành viên sáng lập, cộng với 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thu mua chế biến thủy hải sản. Sự nỗ lực, năng động của Ban Giám đốc và toàn thể công nhân viên,... giúp Công ty vượt qua mọi khó khăn trở ngại trong SX - KD và sự cạnh tranh ngày một gay gắt của xu thế thương mại toàn cầu. Công ty đã liên tục đạt mức tăng trưởng bình quân 15 - 20% hàng năm (kể cả khi xảy ra khủng hoảng kinh tế khu vực năm 1997 - 1998).

Mặc dù là một doanh nghiệp non trẻ so với đa số các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, nhưng nhìn lại chặng đường đã qua có thể nói Công ty TNHH Hải



Trụ sở Công ty TNHH Hải Nam.

Nam đã khẳng định bước tiến vững chắc trên lĩnh vực thủy hải sản nói riêng và thương trường quốc tế nói chung, cụ thể kết quả đạt được những năm qua đã nói lên điều đó:

- Năm 1994:

- + Sản lượng tiêu thụ : 650 tấn.
- + Doanh số xuất khẩu : 2,7 triệu USD
- + Nộp ngân sách : 360 triệu.
- + Lợi nhuận : 300 triệu.
- + Công nhân viên : 400.
- + Tổng trị giá TSCĐ : 5,5 tỷ.



Công nhân đang chế biến hàng đông lạnh xuất khẩu (Cty TNHH Hải Nam).



Công nhân đang chế biến hàng khô xuất khẩu (Cty TNHH Hải Nam).



**- Năm 2001:**

- + Sản lượng tiêu thụ : 3.800 tấn.
- + Doanh số xuất khẩu : 11 triệu USD
- + Nộp ngân sách : 2,7 tỷ đồng.
- + Lợi nhuận : 1,0 tỷ đồng.
- + Công nhân viên : 1.500.
- + Tổng trị giá TSCĐ : 25 tỷ.

Ngay từ những ngày đầu Công ty đã chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ, không ngừng nâng cấp nhà xưởng và cải thiện môi trường, song song với đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề... một trong những điều kiện quan trọng để áp dụng thành công hệ thống kiểm soát chất lượng HACCP và được cấp code xuất khẩu sang thị trường EU từ năm 1996. Kết hợp việc nghiên cứu đổi mới mẫu mã SP với marketing mở rộng thị trường, sản xuất mặt hàng mới chất lượng cao với việc gia tăng số và chất lượng các mặt hàng truyền thống. Đến cuối năm 2001 TSCĐ tăng lên 25 tỷ đồng (so với ban đầu là 5,5 tỷ đồng), ngang bằng trình độ công nghệ tiên tiến các nước trong khu vực. Lực lượng lao động từ 400 người với 80% xuất phát từ lao động phổ thông, nay tăng lên 1.500 người đạt trình độ bậc 2, 3 trở lên.

Bên cạnh những thành tựu kể trên, còn có sự đóng góp không nhỏ của công đoàn cơ sở Công ty: Từ 25 đoàn viên năm 1994 tăng lên gần 1.100 đoàn viên vào năm 2001 và liên tục đạt danh hiệu công đoàn vững mạnh. Nhờ những hoạt động sôi nổi và qua các phong trào thi đua thiết thực do công đoàn phát động đã góp phần tích cực vào việc nâng cao tay nghề CN, tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm ngày một nâng cao, đời sống và thu nhập CNV được cải thiện.

Để phát triển bền vững và chuẩn bị tốt điều kiện hội nhập thành công khi bỏ hàng rào thuế quan ASEAN, AFTA, WTO... Công ty triển khai ngay từ năm 2000 và dự kiến đến 2003: ngoài những phân xưởng hiện có Công ty đã và đang xây dựng thêm

3 phân xưởng chế biến với công nghệ tiên tiến: 1 phân xưởng đông lạnh, 1 phân xưởng khô và 1 phân xưởng sơ chế - bảo quản nguyên liệu. Phấn đấu đạt doanh số 30 triệu USD vào năm 2005. Đóng góp một phần nhỏ vào sự phát triển chung của ngành thủy sản, cũng như sự nghiệp hiện đại hóa, công nghiệp hóa đất nước.

Ngoài ra, Công ty rất quan tâm đến các mặt công tác xã hội như:

- Xây dựng 1 ngôi nhà tình nghĩa trị giá 25.000.000 đồng tại phường Phú Hải - Phan Thiết.

- Chăm sóc phụng dưỡng 02 gia đình liệt sĩ và mẹ Việt Nam anh hùng cho đến suốt đời.

- Trợ cấp 5 suất học bổng cho con thương binh - liệt sĩ nghèo học giỏi. Mỗi tháng 500.000 đ/năm (đến nay số tiền là 17.500.000 đ).

- Tặng quà cho con CNLĐ trong công ty học giỏi. Mỗi cháu 100.000 đ/niên học (đến nay đã chi thường cho các cháu là 25.000.000 đ).

- Vào đầu năm học, Công ty chi hỗ trợ học phí và mua sách vở cho học sinh phổ thông con CNLĐ trong công ty, mỗi suất trị giá khoảng 100.000 đ/năm học (đến nay đã chi hỗ trợ các cháu là 60.000.000đ).

- Ủng hộ các vùng lũ lụt, thiên tai, hỏa hoạn, đồng bào nghèo vùng cao - vùng sâu, đồng bào nghèo ở các xã, phường, bếp cháo nhân đạo Bệnh viện tỉnh, tiền, hàng, gạo... trị giá 140 triệu đồng.

- Xây dựng quỹ tình thương trong Công đoàn cơ sở để hỗ trợ vốn cho CNLĐ vay xóa đói giảm nghèo, trợ cấp khó khăn cho CNLĐ gia đình gặp hoạn nạn ốm đau, số tiền vận động được 60 triệu đồng.

- Công đoàn công ty còn tham gia vào các hoạt động xã hội khác như: Quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ nhân đạo nghề cá, hỗ trợ phụ nữ nghèo ngành thủy sản... và các hoạt động văn - thể - mỹ trong công ty, trong ngành thủy sản, trong thành phố Phan Thiết và trong tỉnh.



# NĂNG LỰC TÀU THUYỀN KHAI THÁC



Tàu thuyền ở bến cá Lagi

Năng lực tàu thuyền khai thác



**GHI CHÚ :**

■ Số lượng tàu thuyền    
 ■ Tổng công suất    
  Bình quân công suất/chiếc



# CÔNG NGHIỆP



Sơ đồ khu công nghiệp Phan Thiết.

"Công nghiệp phát triển đúng hướng, tập trung cho chế biến nông, lâm, hải sản, vật liệu xây dựng và khoáng sản... tăng trưởng bình quân hàng năm 11,87%. Tỷ trọng công nghiệp chế biến trong tổng giá trị công nghiệp từ 80% năm 1995 lên 93% năm 2000".

(Trích Văn kiện Đại hội X Đảng bộ tỉnh)



Khai thác đá Tà Zôn.



← Sản xuất hạt điều.

Chế biến bông xơ tại Nhà máy Chế biến bông trong khu công nghiệp Phan Thiết. →





# CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG & KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

**BINH THUAN CONSTRUCTION MATERIAL AND MINERAL COMPANY**

## Huân Chương Lao Động Hạng 3

Địa chỉ : 02 Từ Văn Tư - TP. Phan Thiết - Bình Thuận  
Điện thoại : (062) 821860 - 824073 - Fax : (062) 824887  
E-mail : ctyvlxdkhoangsan@hcm.vnn.vn



**KHU CÔNG NGHIỆP PHAN THIẾT**

- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.
  - Khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản.
  - Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp.
  - Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Phan Thiết.
- Địa điểm thuận lợi, giá thuê đất hấp dẫn :  
0,3 USD/m<sup>3</sup>/năm.

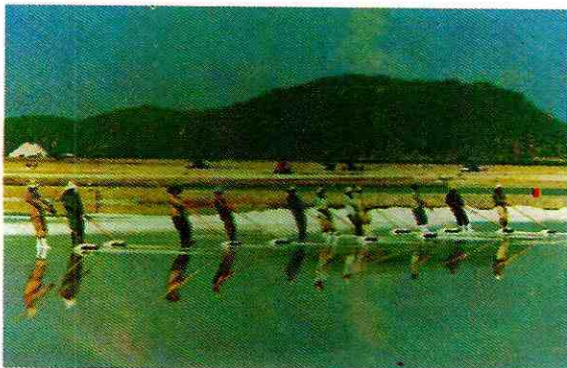
(Miễn 100% tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng trong 05 năm đầu và giảm 50% tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng trong 05 năm tiếp theo đối với các doanh nghiệp đầu tư vào KCN Phan Thiết trước ngày 01/01/2003 - Giảm 50% tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng trong 05 năm đầu đối với các doanh nghiệp đầu tư vào KCN Phan Thiết từ ngày 01/01/2003 đến 31/12/2004).



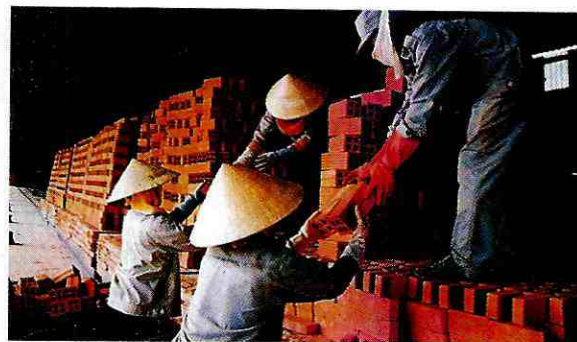
**XI NGHIỆP KHAI THÁC ĐÁ TÀZÓN**



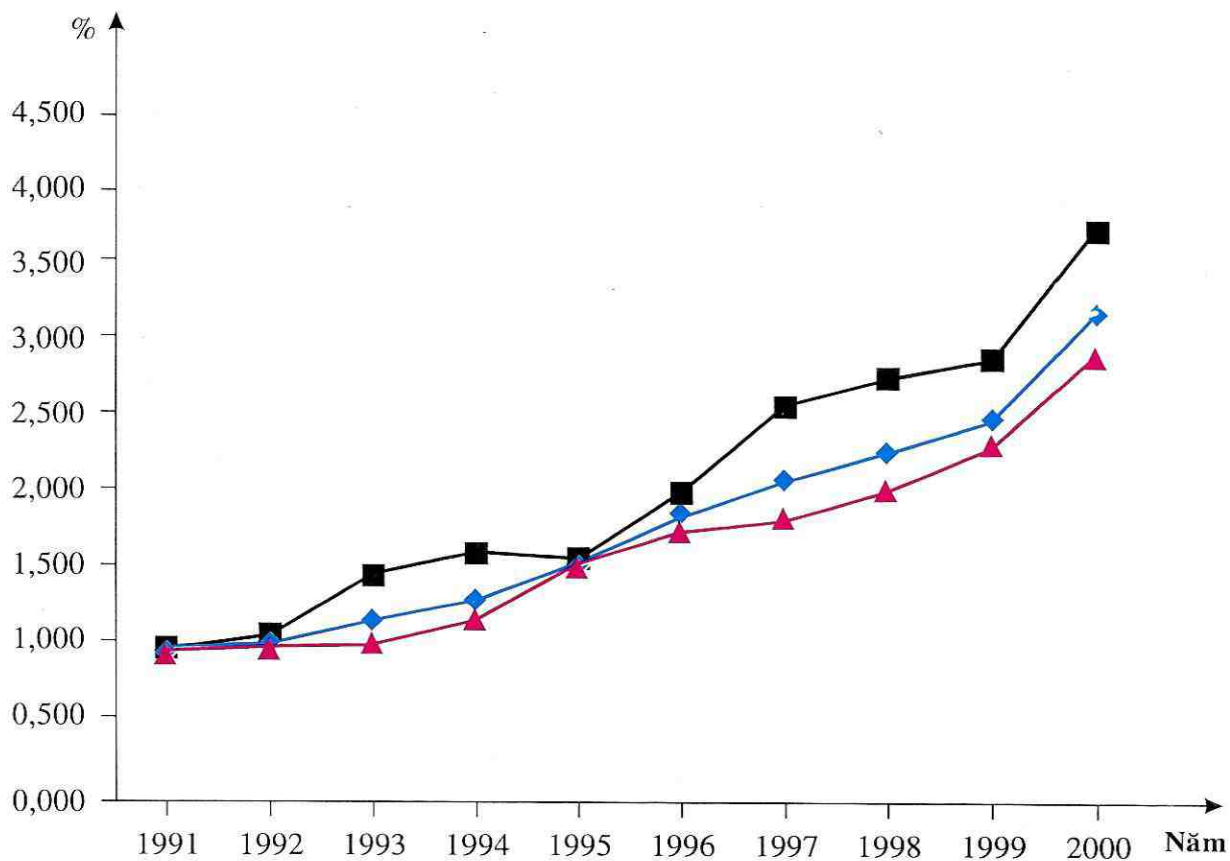
# CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP QUA CÁC NĂM (NĂM 1991 = 1)



Sản xuất muối phục vụ cho công nghiệp chế biến



Gạch Tuynel ra lò



**GHI CHÚ :** —◆— Chung    —■— Quốc doanh    —▲— Ngoài quốc doanh



# CÔNG TY IN VÀ BAO BÌ BÌNH THUẬN

## QUA 10 NĂM PHÁT TRIỂN (1992 - 2002)

Công ty In và Bao bì Bình Thuận tiền thân Xí nghiệp In quốc doanh tỉnh Thuận Hải được thành lập theo Quyết định số 154/UB-TH ngày 5-6-1976 của UBND tỉnh Thuận Hải.

Trong thời kỳ bao cấp nguồn vật tư được duyệt hằng năm không đủ để sản xuất, mua ngoài không có nên xí nghiệp đã dùng phương thức hàng đổi hàng, mua những đặc sản Phan Thiết như muối, nước mắm, tre nứa, thu mua giấy vụn... để đổi lấy giấy, mực, chì,... đảm bảo cho sản xuất được ổn định và phục vụ kịp thời các nhiệm vụ kinh tế - chính trị địa phương. Trong bối cảnh của cơ chế quản lý tập trung, quan liêu bao cấp nền kinh tế đất nước chậm phát triển, Xí nghiệp In Thuận Hải nói riêng cũng không tránh khỏi những khó khăn như vật tư, nguyên nhiên vật liệu, máy móc cũ kỹ lạc hậu không có đồ thay thế, nhưng dưới sự chỉ đạo của chi bộ và điều hành của Ban Giám đốc đã thể hiện sự nhạy bén và năng động cộng với sự ý thức của tập thể CBCNV đã đưa xí nghiệp từng bước đi lên. Xí nghiệp đã vinh dự được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng III năm 1985.

Trong những năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới đất nước theo Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Xí nghiệp In Bình Thuận vẫn còn những khó khăn nhất định về nguồn vốn quá hạn hẹp, giá cả nguyên nhiên vật liệu biến động liên tục, nguồn hàng địa phương ngày càng thu hẹp do các ngành như lương thực, thương nghiệp... cắt giảm, nên việc làm xí nghiệp đôi khi không được ổn định, Ban lãnh đạo chạy



Công ty In và Bao bì Bình Thuận.

tìm các nguồn hàng ngoài tỉnh và quan hệ các nguồn vật tư ký hợp đồng để ổn định được kế hoạch và việc làm cho công nhân, bên cạnh tổ chức các phong trào thi đua tiết kiệm, tăng năng suất chất lượng để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất và xí nghiệp cũng đã vượt qua những khó khăn để đi lên.

Xí nghiệp In Bình Thuận cũng được đổi tên từ khi tách tỉnh năm 1992, ngành In phát triển với tốc độ nhanh và thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, đối với những xí nghiệp in ở địa phương với qui mô nhỏ thì khó có thể chen chân vào thị trường ngành in được. Hơn nữa với máy móc thiết bị còn lạc hậu, nhân sự của qui trình công nghệ cũ, nguồn vốn thì eo hẹp, đứng trước viễn cảnh không mấy sáng sủa nhưng sự vong thịnh của xí nghiệp đã đưa Chi bộ - Ban Giám đốc - các đoàn thể đi đến quyết định vay vốn đổi mới trang thiết bị theo qui trình công nghệ mới bên cạnh đào tạo, bồi dưỡng số công nhân trẻ để trở thành các công nhân kỹ thuật để tiếp cận qui trình công nghệ mới và đảm bảo cho yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài. Ngoài ra tổ chức lại sản xuất, tổ chức lại lao động, định mức lại lao động cho



cả qui trình công nghệ và trả lương sản phẩm đến từng người lao động.

Sự phát triển ngành In bên cạnh sự tăng trưởng kinh tế của địa phương, xí nghiệp cũng đã bước vào quỹ đạo của qui luật, nhưng xí nghiệp cũng không hấp tấp vội vàng mà vay vốn thực hiện từng bước thay đổi thiết bị với nội lực cho phép. Chẳng bao lâu những cỗ máy cũ kỹ lui vào dĩ vãng, thay vào đó một dây chuyền công nghệ in tiên tiến, hiện đại, hằng năm bổ sung thêm các thiết bị và hình thành được qui trình công nghệ khép kín từ khâu đầu đến khâu cuối (từ vi tính, tách màu điện tử,... đến khâu sau in: máy vạch, máy vào bì dán keo nhiệt, dao xén 3 mặt...). Với qui trình công nghệ mới đảm bảo được những sản phẩm mỹ thuật cao cấp, chất lượng không thua kém các doanh nghiệp bạn ở trung tâm kinh tế văn hóa lớn và đã tạo điều kiện cho công ty từng bước chen chân vào thị trường ngành in. Qua những năm xí nghiệp tham gia đấu thầu sách giáo khoa toàn quốc, nhiều năm liên xí nghiệp đã trúng những gói thầu, đã khẳng định được uy tín và thế đứng trong thị trường đầy cạnh tranh này và khách hàng không những trong tỉnh mà cả ngoài tỉnh cũng đến với xí nghiệp ngày càng đông.

Trên con đường đổi mới, xí nghiệp cũng đã định hướng đúng mức của yêu cầu phát triển ở địa phương nên năm 2000 đã mở thêm phân xưởng bao bì thùng carton để phục vụ cho việc chế biến nông - hải sản xuất khẩu (thùng thanh long, nước mắm, cá, mực,...). Những năm qua cũng đã đem lại những hiệu quả và thị phần ngày càng mở rộng, hỗ trợ được công việc in của xí nghiệp đồng thời tạo sự vững chắc trong quá trình đi lên cho xí nghiệp. Cho đến nay (2001) xí nghiệp 26 năm hoàn thành kế hoạch nhà nước điều đó đã khẳng định được sự thống nhất của chi bộ - BGD - và các đoàn thể với sự đồng tâm hiệp tác để vượt qua những bước thăng trầm đưa xí nghiệp đi lên và đời sống CBCN cũng có những chuyển biến tốt.

Lấy năm 2001 làm cột mốc nhìn lại năm 1992 thì sản lượng tăng lên 2,7 lần,

doanh thu tăng 4 lần, nộp ngân sách tăng lên 3,65 lần, lợi nhuận tăng 11 lần và tiền lương từ năm 1999 - 2001 bình quân 900.000 đồng/tháng. Nhìn chung sự phát triển của Công ty được tăng dần, năm sau cao hơn năm trước. Qua những thành tích đạt được Công ty cũng nhận nhiều bằng khen, giấy khen, cờ... cụ thể những năm gần đây:

- Năm 1997 : 1 bằng khen Bộ Nội vụ "Đã có nhiều thành tích trong phong trào BVANTQ".

- Năm 1998 : 1 bằng khen Bộ Công an tặng "Đã có nhiều thành tích trong phong trào BVANTQ".

+ 1 bằng khen của Công đoàn In Việt Nam "Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động".

- Năm 1999 :

+ 1 cờ Bộ Công an tặng "Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào BVANTQ".

+ 1 bằng khen của nhà XBGD tặng "Đã có thành tích in sách giáo khoa 1999 - 2000".

+ 2 bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

- Năm 2000 :

+ 1 cờ Bộ Công an tặng "Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào BVANTQ".

+ 2 bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

+ Chủ tịch nước Tặng thưởng Huân chương Lao động hạng III cho tập thể Công ty.

- Năm 2001 :

+ 1 cờ Bộ Công an tặng

+ 2 bằng khen Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

+ Bộ Văn hóa thông tin tặng đơn vị lá cờ thi đua xuất sắc ngành In (1997 - 2001).

Với quá trình phát triển của Công ty cũng như các thành tích đã đạt được, Công ty cũng trải qua nhiều khó khăn và thăng trầm nhưng qua đó sự đoàn kết thống nhất trong công ty ngày càng được tăng cường tạo nên sức mạnh và cũng là tính chất quyết định để vượt qua khó khăn để phát triển như ngày hôm nay.



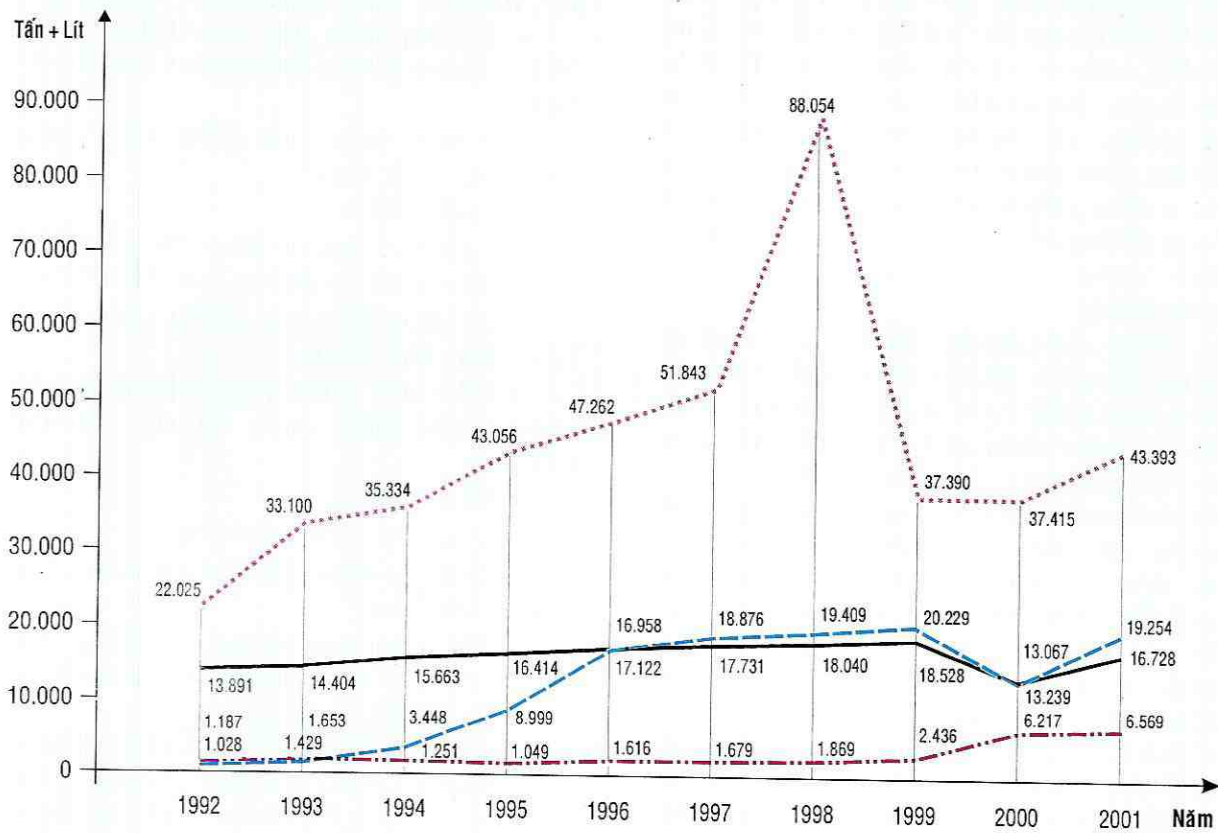
# CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN MỘT SỐ SẢN PHẨM CHỦ YẾU



Nước mắm Phan Thiết từ lâu nổi tiếng trên thị trường



Nước khoáng Vĩnh Hảo, sản phẩm đạt Chất lượng Việt Nam 1998



**GHI CHÚ :**

--- Hải sản đông lạnh

— Nước mắm

- - - Nước khoáng Vĩnh Hảo

- . - . Muối hạt



# XÂY DỰNG - VẬN TẢI - BƯU ĐIỆN

## HOẠT ĐỘNG SXKD NGÀNH XÂY DỰNG BÌNH THUAN 10 NĂM (1992 - 2002)

Chỉ tiêu và sản phẩm	ĐVT	Tổng cộng 5 năm 1992 - 1996					Trong đó					Tổng cộng 5 năm 1997 - 2001	Trong đó			
		1992	1993	1994	1995	1996	1992	1993	1994	1995	1996		1997	1998	1999	2000
- GT sản lượng xây lắp	Triệu đồng	124.115	16.794	28.729	36.031	34.548	8.013	16.794	28.729	36.031	34.548	75.696	133.937	123.261	151.585	201.735
- GT tư vấn xây dựng	Triệu đồng	9.542	900	1.507	2.200	4.500	435	900	1.507	2.200	4.500	4.950	7.080	5.000	7.560	8.850
- Sản phẩm sản xuất:																
- Gạch thẻ	1000v	212.892	34.206	31.824	50.438	77.424	19.000	34.206	31.824	50.438	77.424	95.250	119.539	122.731	177.984	264.590
<i>Trong đó:</i>																
- Gạch Tuynen	1000v	30.846	-	-	9.570	21.276	-	-	-	9.570	21.276	18.840	13.747	11.000	17.000	16.000
- Ngói lợp	1000v	49.892	12.080	15.862	9.050	2.700	10.200	12.080	15.862	9.050	2.700	5.312	3.618	2.128	1.560	1.000
- Đá dăm	1000m <sup>3</sup>	141.364	15,0	23,463	28,910	67,891	6,100	15,0	23,463	28,910	67,891	126,514	127,0	279,390	258,3	272,7
- Đá chẻ	1000v	18.148	3.155	3.805	3.098	4.890	3.200	3.155	3.805	3.098	4.890	5.703	6.881	8.661	21.644	12.301
- Cát thủy tinh	Tấn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	117.524	23.546	20.000	22.000	24.978
- Nước sinh hoạt	1.000m <sup>3</sup>	14.147	2.366	2.762	3.037	3.799	2.183	2.366	2.762	3.037	3.799	4.430	5.005	5.180	6.050	6.928
- Lãi	Triệu đồng	7.631	1.474	2.194	1.603	1.069	1.291	1.474	2.194	1.603	1.069	2.362	3.817	3.459	4.514	4.070
- Nộp ngân sách	Triệu đồng	15.961	2.782	3.863	2.971	4.722	1.623	2.782	3.863	2.971	4.722	4.019	4.380	5.191	5.472	6.132

\* Nguồn số liệu: + Báo cáo tổng kết ngành Xây dựng năm 1992 đến 2001.

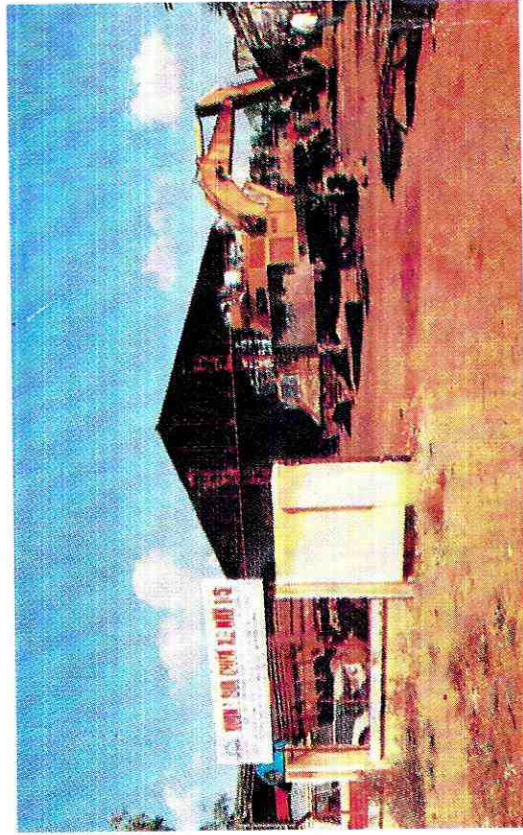


# VẬN TẢI

	Đơn vị tính	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	Tăng (91-95)	Tăng (96-2000)	2001
* Khối lượng luân chuyển hàng hóa														
- Bằng đường bộ	1000 T Km	23.405	29.338	42.817	52.504	69.883	66.320	67.933	87.009	88.894	108.514	31,45	9,20	129.839
- Bằng đường thủy	1000 T Km	16.440	17.455	15.384	22.265	22.780	26.629	25.282	25.737	16.513	18.965	8,50	-3,60	24.615
* Khối lượng luân chuyển hành khách														
- Bằng đường bộ	1000HK Km	111.364	163.215	231.614	287.252	382.319	387.973	423.669	439.599	534.900	497.250	36,12	5,40	284.861
- Bằng đường thủy	1000HK Km	900	991	1.518	330	2.700	2.700	1.800	4.160	4.122	5.293	31,61	14,41	4.217



Lễ động thổ  
xây dựng  
hồ thủy lợi.



Xưởng sửa chữa xe máy 1-5.



# BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Toàn cảnh Bưu điện Bình Thuận.



## CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT CỦA NGÀNH BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

	1997	1998	1999	2000	2001
<b>+ Mạng lưới bưu điện</b>					
Số bưu cục trung tâm	1	1	1	1	1
Số bưu cục huyện thành phố	8	8	8	8	8
Số bưu cục khu vực	52	58	62	64	65
<b>+ Số máy điện thoại</b>	18.378	22.825	28.478	33.254	41.192
Cố định	18.185	22.455	27.907	31.638	37.296
Di động	193	370	571	1.616	3.896



# BƯU ĐIỆN BÌNH THUẬN SAU 10 NĂM TÁI LẬP TỈNH



**Đổng chí Lê Tú Hoàng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen toàn diện năm 2001 cho các đơn vị thuộc BDBT.**

Cùng với sự chuyển mình, phát triển đi lên trong 10 năm qua của tỉnh Bình Thuận, Ngành Bưu điện tỉnh nhà cũng luôn nỗ lực phấn đấu, vượt qua những khó khăn - thử thách mới đạt được những thành tựu như ngày hôm nay.

Trở lại năm 1992, sau khi chia tách tỉnh - toàn tỉnh có 25 Bưu cục với 1.520 máy điện thoại với chủng loại

tổng đài Analog chất lượng kém, song với sự nỗ lực - tận tình của CBCNVC Ngành Bưu điện và sự quan tâm của cấp ủy địa phương nên Ngành luôn giữ vững được thông tin - liên lạc phục vụ sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền địa phương trong mọi tình huống. Trong tình hình khó khăn, năm 1993 ngành Bưu điện Việt Nam đề ra chiến lược tăng tốc phát triển mạng lưới Bưu chính



**Đổng chí Trần Đạt - Chủ tịch Công đoàn, trao cờ thi đua xuất sắc của Công đoàn BĐVN tặng các đơn vị.**



Viễn thông. Và cũng chính trong năm đầu tiên thực hiện chiến lược tăng tốc, Bưu điện tỉnh Bình Thuận phát triển mới được 957 máy điện thoại, nâng tổng số máy trên toàn mạng lên 2.477 máy đạt mật độ 0,28 máy/100 dân. Đến năm 2001, toàn tỉnh có 62 Bưu cục và 59 điểm Bưu điện - Văn hóa xã, mạng lưới này đã đưa lại kết quả: cứ 8.851 người thì có 1 Bưu cục phục vụ và trong năm phát triển mới 8.030 máy điện thoại, nâng số máy trên toàn mạng lên 41.016 máy, đạt 3,82 máy/100 dân.

Doanh thu năm 1992 đạt 3.357 triệu đồng và năm 2001 đạt 102.253 triệu đồng, như vậy doanh thu năm 2001 so với năm 1992 tăng 30,45 lần. Nếu lấy năng suất lao động để so sánh thì năm 2001 so với năm 1992 tăng 14,21 lần. Nhìn chung tốc độ tăng trưởng của Bưu điện Bình Thuận mà nổi bật là từ khi thực hiện chiến lược tăng tốc của Ngành và đó cũng là kết quả của quá trình vận dụng đường lối - chủ trương của Đảng về công nghiệp hóa - hiện đại hóa, góp phần xây dựng quê hương Bình Thuận giàu đẹp.

Đạt được những chỉ tiêu nêu trên, bên cạnh sự đoàn kết thống nhất ý chí và hành động trong nội bộ, Bưu điện Bình Thuận rất quan tâm đến công tác phát huy dân chủ, đề cao tính sáng tạo trong lao động sản xuất của từng cá nhân và tập thể. Để phát huy tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, Bưu điện Bình Thuận đã đề ra chủ trương thi đua từng năm và trong năm phát động 3 đến 4 giai đoạn thi đua nhằm vào

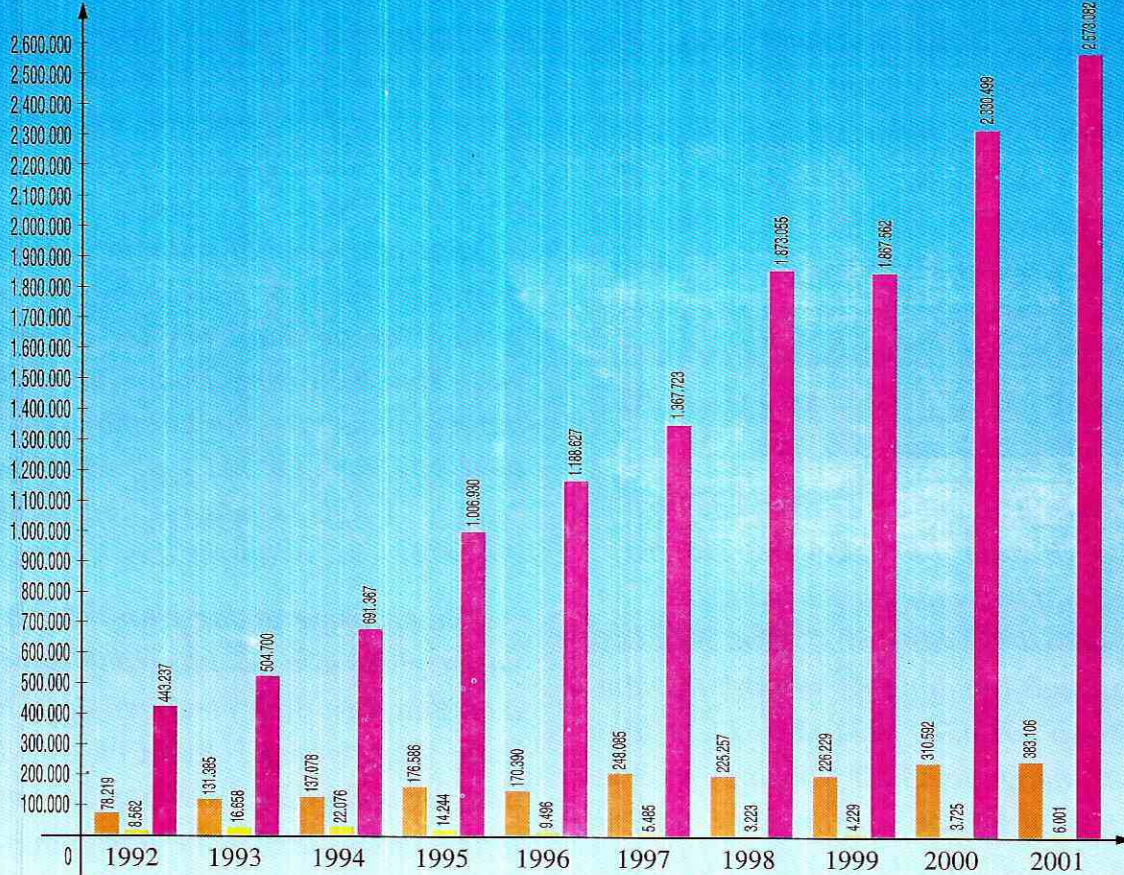
các ngày lễ lớn, ngày truyền thống của Ngành để phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu doanh thu, phát triển máy, giảm nợ đọng. Chương trình nội dung thi đua trong 10 năm qua đã trở thành đòn bẩy không thể thiếu trong quá trình phát triển đi lên của Bưu điện tỉnh Bình Thuận, thi đua là động lực để khai thác tiềm năng nội lực góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển. Qua các phong trào thi đua trong lao động sản xuất, Bưu điện Bình Thuận đã tổ chức đánh giá khen thưởng kịp thời để động viên và công bố kết quả trong toàn Ngành để nghiên cứu rút kinh nghiệm cho từng giai đoạn thi đua.

Chính trong phong trào thi đua đó và sự phấn đấu nỗ lực trong 10 năm qua, Bưu điện Bình Thuận đã được Nhà nước tặng thưởng 2 Huân chương Lao động hạng Ba, năm 1998 được Nhà nước tặng thưởng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và trong 10 năm qua Bưu điện Bình Thuận đã được UBND tỉnh, các Bộ ngành Trung ương tặng nhiều cờ và bằng khen trong từng năm.

Nhìn lại chặng đường 10 năm đã đi qua, hiện nay ngành Bưu điện đang bước vào xu thế cạnh tranh và hội nhập với kinh tế khu vực và trên thế giới. Để đứng vững trong xu thế mới, Bưu điện Bình Thuận đã đề ra chủ trương "Đoàn kết - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm - Tiết kiệm chi phí, phát huy nội lực, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch hàng năm do Tổng Công ty giao".



# CƠ CẤU TỔNG MỨC BÁN LẺ



**GHI CHÚ :**

■ KINH TẾ QUỐC DOANH     
 ■ TẬP THỂ     
 ■ TƯ NHÂN CÁ THỂ

*Khu du lịch Hòn Rơm*



# DU LỊCH

	Đơn vị tính	1997	1998	1999	2000	2001
<b>Du lịch</b>	triệu đồng	15.958	17.011	18.187	18.875	20.137
TW quản lý						
Địa phương quản lý		1.567	1.946	2.416	3.152	2.534
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài		14.391	15.065	15.771	15.723	17.603
<b>Khách sạn - Nhà hàng</b>		148.471	172.335	169.950	186.665	205.209
TW quản lý						
Địa phương quản lý		140.902	160.621	154.868	163.312	176.935
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài		7.569	11.714	15.082	23.353	28.324
<b>Số khách đến du lịch</b>	người	63.074	70.431	84.602	134.413	189.708
Người VN		55.741	59.669	62.857	103.671	122.473
Người nước ngoài		7.333	10.762	21.745	30.742	67.235





# CÔNG TY DU LỊCH BÌNH THUẬN

15 NGUYỄN DU - THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

ĐT : 062.816108

FAX : 062.817139

*E-Mail : Binhthuantourist@hcm.vnn.vn*

*Website : www.Binhthuantourist.com.vn*

## **CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH DU LỊCH

KHÁCH SẠN ĐỒI DƯƠNG

KHÁCH SẠN 19/4

KHU DU LỊCH DÃ NGOẠI HỒN RƠM

XÍ NGHIỆP THƯƠNG MẠI - DU LỊCH

KHU DU LỊCH NÚI TÀ - CÚ

## **CÁC ĐƠN VỊ LIÊN DOANH TRONG NƯỚC**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN PHAN THIẾT

KHU DU LỊCH SÀI GÒN - MŨI NÉ

CTY TNHH LONG SƠN (HỒN RƠM 1)

NHÀ MÁY LIÊN DOANH BIA BÌNH THUẬN

## **CÁC ĐƠN VỊ LIÊN DOANH NƯỚC NGOÀI**

NOVOTEL CORALIA OCEAN DUNES (KS NOVOTEL)

LÀNG DU LỊCH COCO BEACH - HẢI DƯƠNG

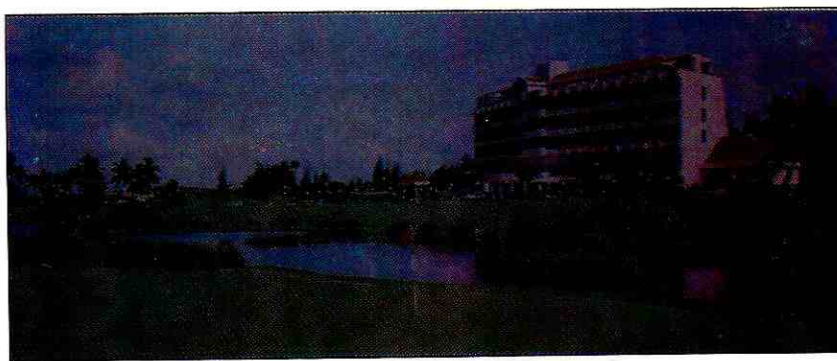




# TỔNG HỢP TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP FDI TẠI BÌNH THUẬN ĐẾN NĂM 2001

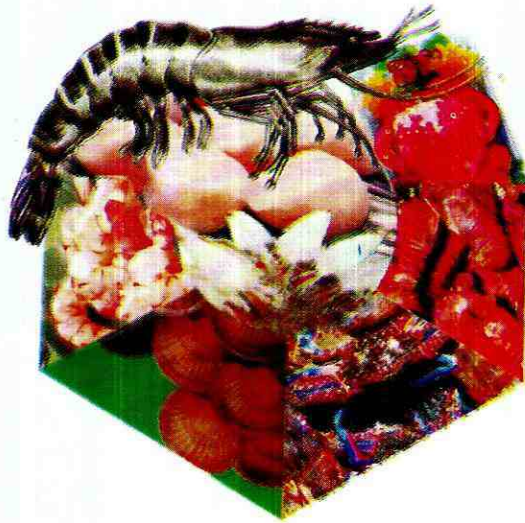
Đơn vị tính: 1.000 USD

STT	ĐƠN VỊ	T.Vốn ĐT (1.000USD)	T.Vốn PB (1.000USD)	Vốn ĐTTH đến th3/2002	D.thu Năm 2001	X khấu Năm 2001	Nộp Thuế Năm 2001	Lợi nhuận đến th3/2002		GHI CHÚ
								T.số	V.Nam	
<b>A</b>	<b>Doanh nghiệp ngoài KCN</b>	<b>86.957</b>	<b>28.972</b>	<b>32.070</b>	<b>5.776</b>	<b>1.793</b>	<b>418</b>	<b>808</b>	<b>763</b>	
1	- Công ty LD DL Phan Thiết (Novotel) (93)	13.300	5.000,0	13.300,0	1.851,7		197,5	211	206	Đang hoạt động
2	- Công ty Golf và CLB Golf	8.000	2.400,0	8.000,0	640,5		68,9	119	115	Đang hoạt động
3	- Cty LD làng nghỉ mát Hàm Tiến	1.017	626,7	870,0	594,3		60,7	60	57	Đang hoạt động
4	- Cty LDHXSXK-AROMA	1.000	400,0	800,0	356,9	312,4	10,0	10	9	Đang hoạt động
5	- Cty làng DL Phan Thiết (Victoria)	3.500	1.050,0	3.500,0	640,0		64,5	127	122	Đang hoạt động
6	- Cty LD thủy sản BT - IDEAL	10.000	3.133,0	350,0						Đang giải thể
7	- Cty CBBC XK-ERH-HU (VietNam)	700	550,0	350,0	73,1	73,1	0,1	6	5	Chuyển hình thức LD
8	- Cty TNHH CN đường HAY (VNam)	39.840	11.952,6							Chưa triển khai
9	- Cty trồng & XK thanh long	1.500	500,0	950,0	1.380,4	1.361,6	5,2	98	96	Đang hoạt động
10	- Cty Nuôi tôm TOMTEC	2.000	400,0	1.600,0	45,7	45,7	9,0	65	60	Đang hoạt động
11	- Cty TNHH chăn nuôi CP	900	300,0	700,0	193,0		2,4	41	36	Đang hoạt động
12	- Công ty TNHH KDL Cát Trắng	500	250,0	100,0				3	2	Đang triển khai XD
13	- Công ty TNHH ECO	800	310,0	600,0				3	2	Đang triển khai XD
14	- Cty TNHH Dịch Lặn biển V.Nam	500	500,0	400,0				25	20	Đang triển khai XD
15	- Công ty TNHH Việt - Úc	500	500,0	400,0				31	30	Đang triển khai XD
16	- Cty TNHH nuôi tôm YOUNGHUY	1.400	600,0	150,0				4	3	Đang triển khai XD
17	- Cty TNHH OVER THE SEA (H.Quốc 2/2002)	1.500,0	500,0	0,0				5		Mới cấp GP trong tháng 2/2002
<b>B</b>	<b>Doanh nghiệp trong KCN</b>	<b>6.124</b>	<b>3.724</b>	<b>1.016</b>	<b>665</b>	<b>163</b>	<b>12</b>	<b>69</b>	<b>64</b>	
1	- Công ty LD Hòa Phú	740	740,0	550,0	622,5	120,6	12,0	8	7	Đang triển khai XD
2	- Công ty GreenField	2.000	600,0	200,0				6	5	Đang triển khai XD
3	- Công ty TNHH PNP Việt Nam	3.000,0	2.000,0	200,0				5	4	Đang triển khai XD
4	- Cty TNHH IST Việt Nam (Bi 100%)	384,3	384,3	66,0	42,6	42,6	0,0	50	48	Đang triển khai XD
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>93.081,3</b>	<b>32.696,6</b>	<b>33.086,0</b>	<b>6.440,7</b>	<b>1.956,0</b>	<b>430,3</b>	<b>877</b>	<b>827</b>	



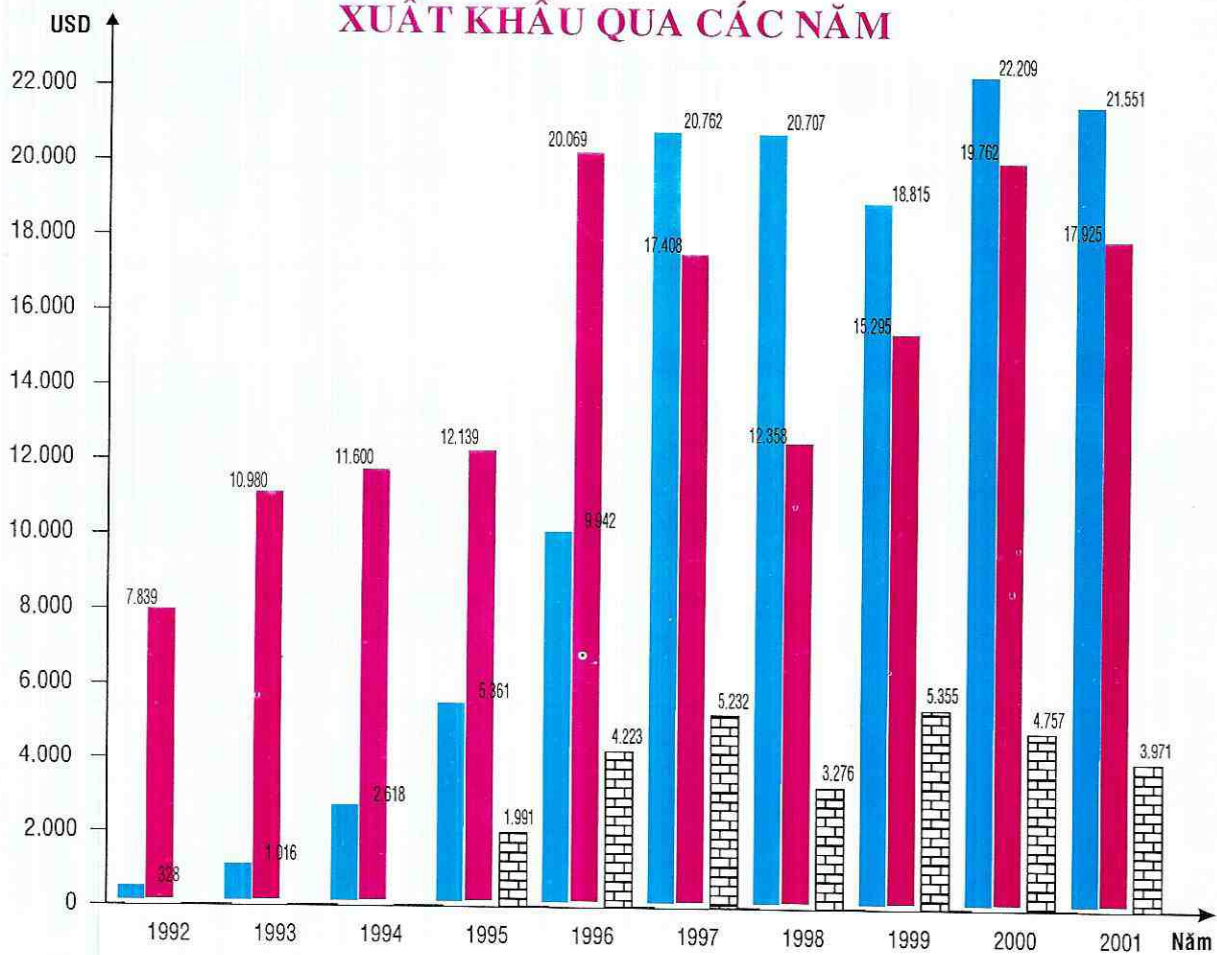
Sân golf.





Sản phẩm hải sản xuất khẩu

## XUẤT KHẨU QUA CÁC NĂM



**GHI CHÚ :**



Hàng hải sản



Hàng nông sản

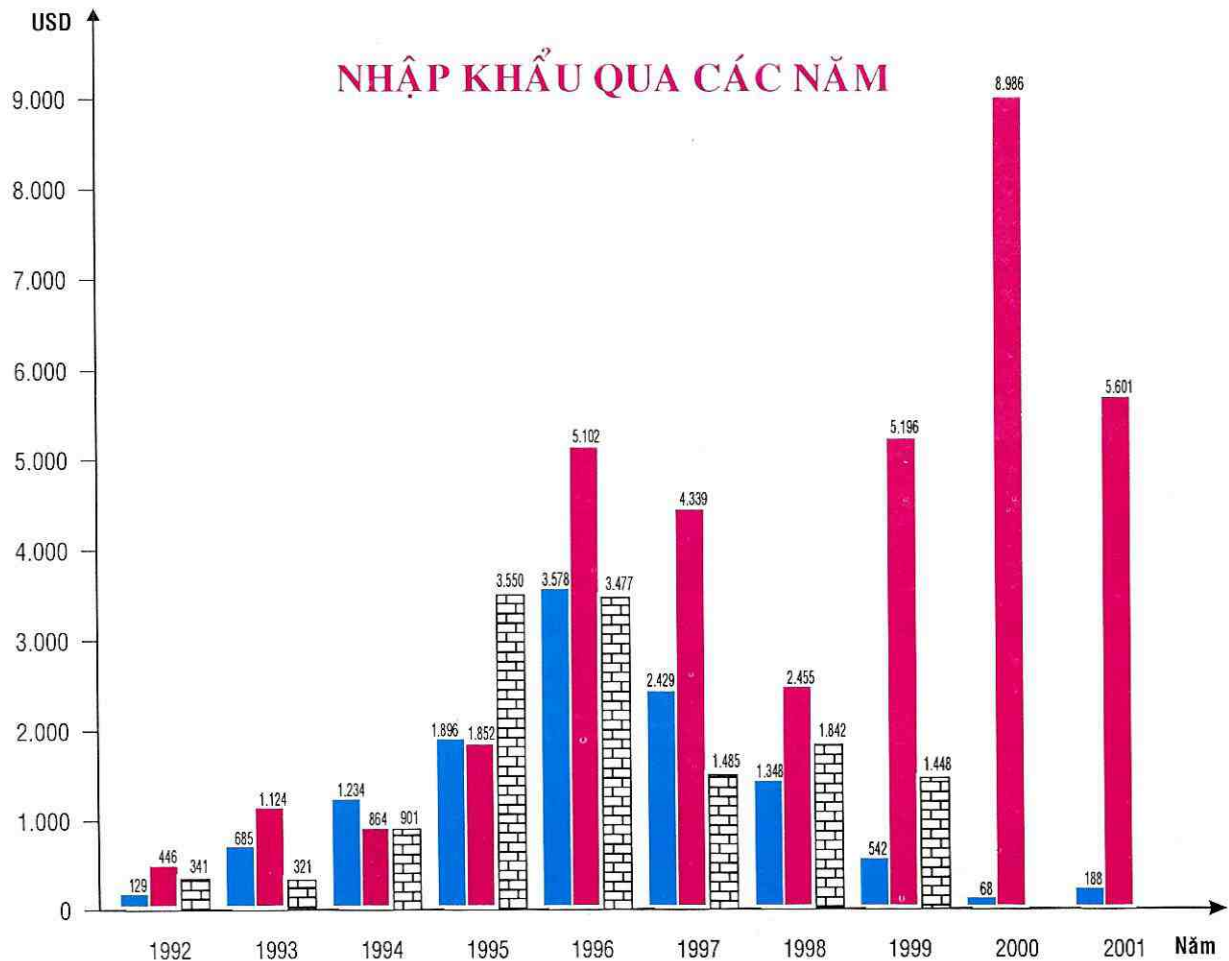


Hàng hóa khác





Máy vi tính nhập khẩu



**GHI CHÚ :**

- Máy móc, thiết bị xe ô tô
- Vật tư nguyên liệu sản xuất
- Hàng tiêu dùng



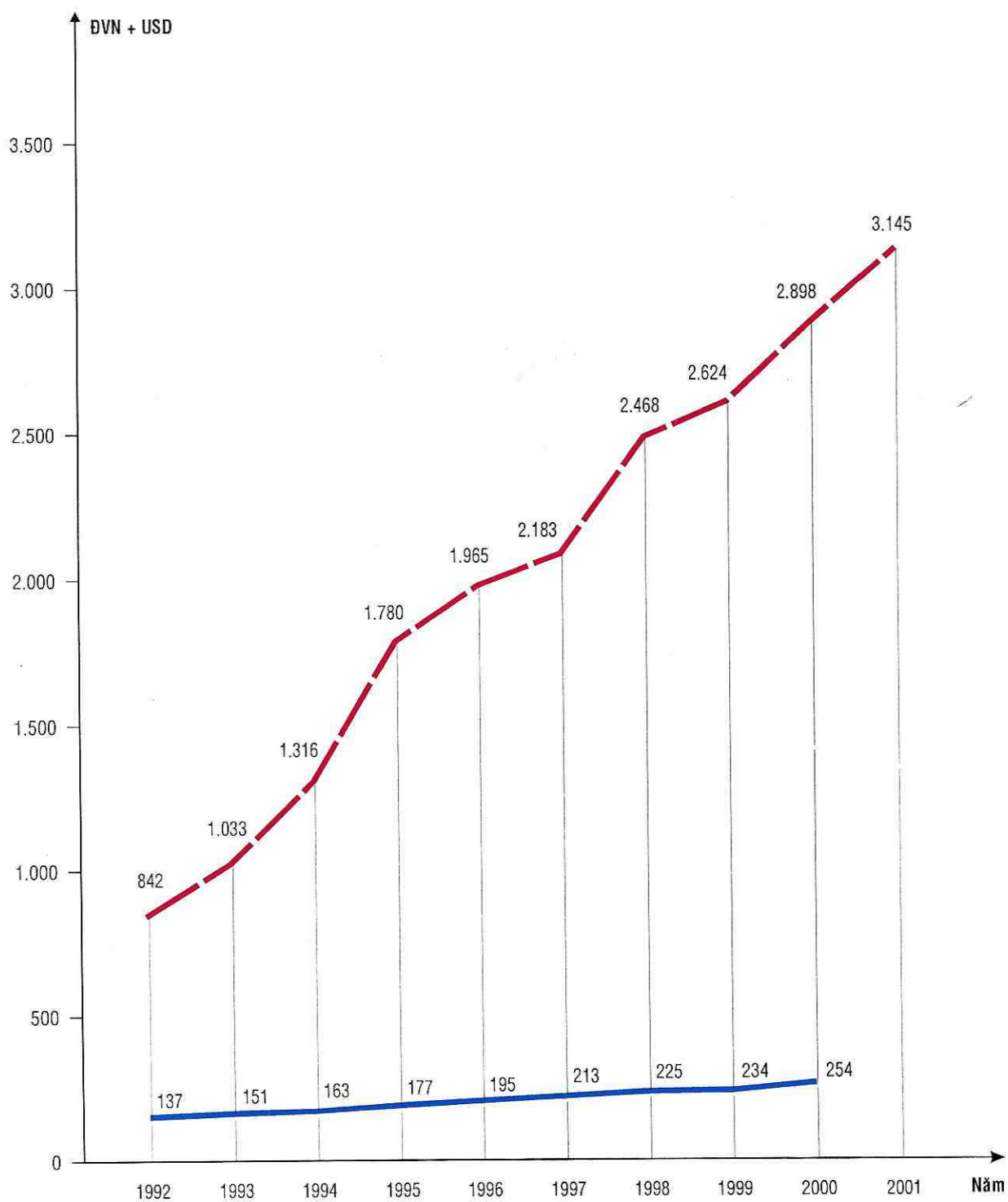
# TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TỔNG SẢN PHẨM TRONG TỈNH

Đơn vị tính: %

PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	B/quân tăng hàng năm (1992 - 1995)	B/quân tăng hàng năm (1996 - 2000)
	<b>TỔNG SỐ</b>	11,36	13,64	10,75	12,37	12,86	11,93	8,87	6,62	10,65	12,02
<b>KHU VỰC 1</b>	9,02	10,47	2,82	8,69	10,24	10,14	4,68	5,69	9,77	7,70	8,08
1 NÔNG LÂM NGHIỆP	7,22	9,17	1,77	8,24	7,18	9,29	5,90	1,08	11,58	6,56	6,95
2 THỦY SẢN	16,94	15,69	6,81	10,31	19,58	12,48	1,43	18,46	5,49	12,36	11,26
<b>KHU VỰC 2</b>	24,61	29,99	33,32	24,89	16,90	12,29	12,82	6,84	14,39	28,15	12,60
1 CÔNG NGHIỆP	12,70	19,17	26,25	23,72	20,77	11,55	9,82	4,05	13,81	20,34	11,87
2 XÂY DỰNG CƠ BẢN	88,27	64,58	49,69	27,17	8,70	14,03	19,71	12,72	15,51	55,84	14,08
<b>KHU VỰC 3</b>	12,85	15,34	20,57	13,94	14,77	14,78	13,07	7,90	9,42	15,63	11,95
TRONG ĐÓ											
1 TH. NGHIỆP SỬA CHỮA	12,38	21,07	15,00	9,03	15,23	16,49	13,48	3,18	8,34	14,29	11,23
XE CÓ ĐỘNG CƠ											
2 KHÁCH SẠN NHÀ HÀNG	7,93	6,20	13,80	7,68	11,99	10,80	14,94	17,31	10,08	8,86	12,99



## GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI



**GHI CHÚ :**    - - - Theo tiền Việt Nam    — Theo USD



# NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG BÌNH THUẬN 10 NĂM PHÁT TRIỂN

**N**gân hàng công thương Bình Thuận được tách ra từ Ngân hàng công thương Thuận Hải từ tháng 04 năm 1992. Sau 10 năm hoạt động đã phát triển với những kết quả như sau:

Về nguồn vốn huy động tại địa phương:



Trụ sở Ngân hàng Công thương.

Đơn vị: Triệu đồng

	Năm 1992	Quý I năm 2002
Tiền gửi tổ chức kinh tế	5.914	66.063
Tiền gửi tiết kiệm	12.726	134.285
T/dó tiết kiệm ngoại tệ	0	35.941
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.640</b>	<b>200.348</b>

Chi nhánh thường xuyên quan tâm đến việc tăng trưởng nguồn vốn bằng các biện pháp huy động vàng trả bằng vàng, kỳ phiếu, các hình thức tiết kiệm ngoại tệ, tiền gửi có kỳ hạn trả lãi trước, trả lãi đến hạn v.v... mở rộng mạng lưới huy động ở những địa điểm tập trung dân cư; đáp ứng nhu cầu thanh toán cho khách hàng; cải tiến phong cách giao dịch với khách hàng v.v... Tốc độ tăng trưởng nguồn vốn bình quân hàng năm là 27,16%, trong đó tỷ trọng tiền gửi tổ chức kinh tế tăng khá.

Đơn vị: Triệu đồng

Về hoạt động cho vay	Năm 1992	Quý I năm 2002
Tổng dư nợ	45.110	229.189
Theo thành phần kinh tế:		
- Quốc doanh	36.736	161.938
- Ngoài quốc doanh	8.374	67.251
Theo thời gian:		
- Ngắn hạn	40.952	180.514
- Trung dài hạn	4.158	48.675

Dư nợ chú trọng đến thành phần kinh tế quốc doanh đồng thời mở rộng cho vay đến kinh tế ngoài quốc doanh. Ngoài ra cũng chú ý đến nâng dần tỷ trọng cho vay trung dài hạn từ 9,2% năm 1992 lên 21,2% trong tổng dư nợ năm 2002. Việc đầu tư cũng bám sát đến tình hình phát triển kinh tế tại địa phương như cho vay vào các lĩnh vực kinh tế biển, du lịch, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, xuất khẩu, trong đó chú trọng đến chế biến nông hải sản xuất khẩu, nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp... Ngoài ra việc cho



vay cũng đa dạng như cho vay theo chỉ định của Chính phủ, đánh bắt xa bờ, tín dụng Việt Đức, cầm cố, bảo lãnh, cho vay tiêu dùng đối với nhân dân v.v...

Thực hiện chương trình hiện đại hóa thanh toán, từng bước đã cải tiến thanh toán trong hệ thống và ngoài hệ thống do đó thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng tăng.

Đơn vị: Triệu đồng

	Năm 1992	Năm 2002
Tổng doanh số thanh toán	1.295.049	2.408.206
Trong đó: Không dùng tiền mặt	960.717	1.927.212

Hoạt động kinh doanh đối ngoại từng bước vươn lên với nhiều hoạt động phong phú, đến nay đã có 26 đại lý thu đổi ngoại tệ để thu hút nguồn ngoại tệ trôi nổi trên thị trường, chi trả kiều hối, mở rộng thêm chuyển tiền nhanh qua hệ thống Western Union, thanh toán thẻ tín dụng tại Ngân hàng và các cơ sở du lịch để tạo điều kiện cho khách du lịch rút tiền dễ dàng, thanh toán L/c xuất nhập khẩu, chiết khấu bộ chứng từ v.v...

Kết quả hoạt động	Năm 1992 (USD)	Năm 2001 (USD)
- Doanh số mua ngoại tệ	7.089.284	17.679.224
- Doanh số bán ngoại tệ	7.196.978	17.582.003
- Thanh toán thẻ tín dụng	0	1.591.195
- Chuyển tiền kiều hối	179.583	1.584.175
Trong đó Western Union	0	721.444

Cùng với phát triển kinh doanh, Chi nhánh cũng chú trọng đào tạo nhân sự theo yêu cầu của cơ chế thị trường.

Nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh, công tác kiểm tra nội bộ thực hiện thường xuyên các mặt nghiệp vụ để uốn nắn, sửa chữa kịp thời các sai sót, ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực.

Các phong trào khác cũng được thường xuyên giữ vững như đảm bảo an ninh, an toàn tài sản cơ quan, chấp hành các chủ trương của địa phương như nghĩa vụ quân

	Năm 1992	Năm 2001
Tổng số CBCNV	107	113
- Trình độ đại học	22	41
- Trình độ ngoại ngữ:		
+ Anh văn bằng A	02	25
+ Anh văn bằng B	0	18
+ Anh văn bằng C	0	01
+ Cử nhân Anh văn	0	04
- Trình độ vi tính đại học	0	01
- Trình độ chính trị:		
+ Trung cấp	01	04
+ Cử nhân	0	01

sư, huấn luyện quân sự, tham gia phong trào phòng cháy chữa cháy. Hoạt động của đoàn thể sôi nổi như tổ chức kỷ niệm các ngày lễ, giao lưu văn nghệ, thể thao trong và ngoài ngành; các phong trào ủng hộ vì người nghèo, quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam, cứu trợ đồng bào bão lụt, nuôi dưỡng gia đình liệt sĩ... Nhiều năm liền Chi nhánh đã đạt được các danh hiệu Chi bộ trong sạch vững mạnh, công đoàn, đoàn thanh niên vững mạnh, đơn vị có nếp sống văn minh.

Quá trình đổi mới hoạt động Ngân hàng Công thương Bình Thuận gắn liền với công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế của đất nước, của địa phương và đã góp phần thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, thực thi có kết quả chính sách tiền tệ - tín dụng của nhà nước.

Trong thời gian tới phương châm hoạt động của Ngân hàng công thương Bình Thuận là: "**Phát triển - an toàn - hiệu quả**" góp phần xây dựng quê hương giàu mạnh. Mục tiêu của Ngân hàng công thương Bình Thuận trong những năm tới là "từng bước xây dựng Ngân hàng công thương Bình Thuận vững mạnh về mọi mặt, đưa Ngân hàng thành một Ngân hàng hiện đại, hoạt động có hiệu quả, có văn hóa kinh doanh tiên tiến, có uy tín với khách hàng".

Với đường lối chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, Ngân hàng công thương Bình Thuận trong những năm tới tiếp tục phát triển không ngừng và mong mỏi sự thành đạt của doanh nghiệp chính là sự thành đạt của ngân hàng.



# HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA THÔNG TIN BÌNH THUẬN NHỮNG KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU VÀ HƯỚNG VƯỜN TỚI

Mười năm qua, tính từ khi tái lập tỉnh năm 1992 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, chỉ đạo của UBND tỉnh và sự hướng dẫn của Bộ VH-TT, hoạt động của ngành VH-TT Bình Thuận đã không ngừng được củng cố, duy trì và phát triển về tổ chức cán bộ, thiết chế, trình độ quản lý và hoạt động nghiệp vụ chuyên môn, đạt được một số thành tựu có ý nghĩa trên lĩnh vực xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, tác động tích cực đến việc phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Nét mới nổi bật là: Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa cơ sở" được triển khai từ tháng 10/1999 đến nay đã tỏa rộng khắp 9/9 huyện, thành phố với 245 thôn - KP-VH - xã - phường văn hóa đang trong quá trình xây dựng dưới nhiều quy mô khá đa dạng: 171 thôn, 4 khu phố, 07 xã, 01 phường và 01 bản văn hóa trong đó có 89 gia đình, 52 thôn được công nhận gia đình văn hóa, thôn văn hóa tiêu biểu cấp tỉnh. Kết quả đưa lại từ cuộc vận động đã làm cho bộ mặt nông thôn và thành thị có những chuyển biến rõ nét thông qua các phong trào: giúp nhau làm kinh tế, xóa đói - giảm nghèo; khơi dậy và thắt chặt khối đoàn kết tình làng nghĩa xóm; phát huy dân chủ, nâng cao dân trí; giữ vững an ninh trật tự ở địa bàn dân cư; củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở... được đông đảo các tầng lớp nhân dân đồng tình và hưởng ứng mạnh mẽ.

Hoạt động Bảo tồn - Bảo tàng cũng đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ với hơn 11.000 hiện vật đủ các chủng loại, trong đó

có nhiều hiện vật quý hiếm. Đến năm 2001, toàn tỉnh đã có 23/300 di tích được Bộ VH-TT cấp bằng công nhận di tích cấp quốc gia. Đây cũng chính là những điểm thu hút đông đảo khách tham quan đến từ mọi miền đất nước và cả khách quốc tế; đặc biệt là các di tích: Trường Dục Thanh, Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Thuận, Tháp Chăm PôshaInư, Kho trưng bày di sản văn hóa Hoàng tộc Chăm (Bắc Bình), chùa Núi Tà Cú (Hàm Thuận Nam), chùa Cổ Thạch (Tuy Phong), Dinh Thầy Thím (Hàm Tân)...

Hoạt động của Đoàn Ca múa nhạc Bình Thuận, Công ty Điện ảnh, Công ty Sách - Dịch vụ văn hóa, Thư viện tỉnh bên cạnh việc đảm bảo về kế hoạch doanh thu và hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch hàng năm còn tích cực góp phần đưa hoạt động văn hóa thông tin về cơ sở, xóa các "vùng trắng" về hưởng thụ văn hóa nghệ thuật, làm cho khoảng cách đời sống văn hóa giữa các vùng, miền trong tỉnh ngày càng gần lại. Hàng năm, các đội chiếu bóng lưu động phục vụ hàng ngàn buổi, đội Thông tin lưu động tỉnh và các huyện, thành phố phục vụ hàng trăm buổi đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa nghệ thuật của hàng trăm nghìn lượt đồng bào các vùng sâu, vùng xa, miền núi và hải đảo. Đó là chưa kể đến các hoạt động văn hóa văn nghệ được tổ chức định kỳ hàng năm ở cấp huyện, thành phố như: **Liên hoan Tiếng hát về nguồn, ngày Hội VH-TT ở các huyện, tuần lễ đưa hoạt động VH-TT về cơ sở, Liên hoan văn nghệ các huyện**





*Đ/c Lê Xuân - Giám đốc Văn phòng đại diện Bộ VHTT phía Nam tặng bằng khen của Bộ VHTT cho các đoàn tham dự Liên hoan tiếng hát miền Đông do Bình Thuận đăng cai tổ chức.*

Ảnh : VĂN HON

trên các địa bàn toàn tỉnh, qua đó đã phát hiện và xử lý nghiêm túc các tổ chức, cá nhân cố hành vi vi phạm Nghị định 87/CP, 88/CP, 31/CP của Chính phủ. Nhờ vậy đã góp phần cùng với các ngành hữu quan lập lại trật tự, kỷ cương trên lĩnh vực văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa, bài trừ các tệ nạn xã hội nghiêm trọng.

Qua kết quả điều tra, thống kê bước đầu toàn tỉnh có 50 lễ hội dân gian

**miền núi giáp ranh...** đã khơi dậy và làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng căn cứ kháng chiến cũ.

Công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa được duy trì và tăng cường thường xuyên, nhất là từ khi Chính phủ có Quyết định 19 và Nghị định 30 về bãi bỏ các loại giấy phép hành nghề trái với Luật doanh nghiệp. Sở VHTT đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời điều chỉnh các hoạt động quản lý văn hóa, in ấn, phát hành, hoạt động điện ảnh, hoạt động thông tin lưu động, quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và bài trừ mê tín dị đoan. Bên cạnh đó, hoạt động của các Đội kiểm tra liên ngành 814, Đội kiểm tra chuyên ngành VHTT cũng được triển khai thường xuyên



*Múa vui bên tháp cổ.* Ảnh : NHẬT MINH





*"Nghệ truyền thống" tác phẩm đoạt giải xuất sắc quốc gia năm 2000 và đoạt giải nhất thị trường 1999.*

với nhiều quy mô khác nhau gắn liền với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào các dân tộc ở địa phương. Thực hiện chương trình mục tiêu của Bộ VH, TT & DTTN trên lĩnh vực nghiên cứu văn hóa vật thể và phi vật thể, ngành VH, TT & DTTN đã tổ chức nghiên cứu một số lễ hội tiêu biểu như: **Lễ hội Nghinh Ông của bà con người Hoa ở Phan Thiết, Lễ hội Ramadwan (Ramadal) của đồng bào Chăm Hồi giáo cũ, đám cưới của người Chăm Hồi giáo cũ, nghiên cứu di sản Hán - Nôm trong các di tích lịch sử - văn hóa ở Bình Thuận.** Hiện nay, ngành đang tiếp tục triển khai nghiên cứu các đề tài: **Tết đầu lúa của đồng bào K'ho Phan Sơn (Bắc Bình), phát huy bản sắc văn hóa truyền thống Bình Thuận qua các địa danh hành chính, cách mạng, kháng chiến, dân gian...** Đặc biệt, công trình khoa học xã hội với quy mô lớn "**Địa chí Bình Thuận**", sau hơn 6 năm triển khai thực hiện đã hoàn thành với quy mô khá đồ sộ hơn 1.500 trang bản thảo khổ lớn, đang chờ nghiệm thu.

Ảnh : HỮU THÀNH

hoàn chỉnh. đề án xã hội hóa hoạt động VH, TT & DTTN theo tinh thần Nghị quyết 90/CP và Nghị định 73/NĐ - CP của Chính phủ để trình UBND tỉnh ban hành trong tháng 5/2002 nhằm tạo cơ sở pháp lý vững chắc để khai thác tốt tiềm năng dồi dào của địa phương trên lĩnh vực VH, TT & DTTN.

Cùng với sự phát triển sự nghiệp của ngành, công tác tổ chức bộ máy cán bộ không ngừng được củng cố và ngày càng lớn mạnh.

Ngành đã chú trọng đến công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ từ tỉnh xuống các huyện, thành phố và cơ sở. Từ chỗ đội ngũ cán bộ không ổn định, được bổ sung từ nhiều nguồn, đến nay toàn ngành đã có hơn 300 cán bộ, trong đó số người có trình độ cao đẳng, đại học chiếm gần 1/3; số còn lại hầu hết đã qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng dưới nhiều hình thức thích hợp với đặc thù của ngành. Bộ máy cấp sở, các phòng huyện, thành phố ngày càng tinh gọn. Ở cấp xã, phường ngày càng được củng cố và mở rộng.



# ĐOÀN CA MÚA NHẠC BIỂN XANH TỈNH BÌNH THUẬN

## Ấn Tượng Đẹp Trong Lòng Khán Giả

\* Địa chỉ: Phường Phú Thủy, TP. Phan Thiết, Bình Thuận ~ ĐT: 062.812490

**Đ**oàn Ca múa nhạc Bình Thuận tiền thân là đoàn Ca múa nhạc Thuận Hải được thành lập năm 1976. Sau khi chia tách tỉnh 1992, đến năm 1994 sát nhập 3 đoàn nghệ thuật: Cải lương Nhạn Trắng - Dân ca kịch Hải Âu - Ca múa nhạc Thuận Hải thành Đoàn Ca múa nhạc Biển Xanh tỉnh Bình Thuận.

Qua 10 năm phấn đấu đi lên từ nội lực, trẻ hóa hoàn toàn đội ngũ diễn viên, đội ngũ lãnh đạo và chỉ đạo nghệ thuật. Đoàn đã tạo nhiều bất ngờ thú vị cho người xem, đã thành công khi dùng nghệ thuật để chuyển tải đến người xem bản sắc văn hóa các dân tộc anh em trong tỉnh bằng những tiết mục múa, đơn ca, tốp ca... đã khắc họa sinh động tình đoàn kết dân tộc, được vun xới, đắp bồi bằng mồ hôi, công sức, trí tuệ của cộng đồng các dân tộc anh em trong tỉnh với những

tiết mục huyền thoại như Apsara, huyền thoại Bhagavati, trống Baranung và khúc nhạc rừng xanh (múa dân gian K'ho)... đã lôi cuốn người xem từ đầu đến cuối.

- Qua 10 năm hoạt động (1992 - 2002) Đoàn Ca múa nhạc Biển Xanh đã đạt được những thành tích nổi bật.



Tiết mục Bình minh nương rẫy (dân ca Răclay).

### ❖ THÀNH TÍCH HOẠT ĐỘNG

\* 8 LẦN THAM DỰ HỘI DIỄN CHUYÊN NGHIỆP TOÀN QUỐC, ĐƯỢC TẶNG THƯỞNG:

- 10 HCV giải chương trình (Năm 1985 dự thi 2 chương trình)
- 100 HCV, HCB cho tiết mục và diễn viên

\* HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA (1988)

\* 01 BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

\* 7 BẰNG KHEN CỦA BỘ VĂN HÓA THÔNG TIN

\* 18 BẰNG KHEN CỦA UBND TỈNH BÌNH THUẬN

\* NHIỀU BẰNG KHEN CỦA UBND CÁC TỈNH THÀNH VÀ CÁC CƠ QUAN TRONG CẢ NƯỚC

\* ĐƯỢC BỘ VĂN HÓA THÔNG TIN CỬ ĐI BIỂU DIỄN MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI: Tiệp Khắc (cũ), Hungary, Bungary, Camphuchia...

\* MỘT SỐ CÁN BỘ DIỄN VIÊN ĐƯỢC NHÀ NƯỚC PHONG TẶNG DANH HIỆU:

- 01 nghệ sĩ nhân dân ; 02 nghệ sĩ ưu tú.



# TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Số 3A Nguyễn Văn Cừ - Thành phố Phan Thiết.  
Điện thoại: (062) 820145 - 816238 - 816256 - 817121 - 817120  
Fax: 816253; Email: ttdvvlbthuan@hcm.vnn.vn



Thực hành nghề điện tử.

## \* Chức năng nhiệm vụ:

- **Chức năng:** Tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ việc làm, dạy nghề theo quy định tại điều 18 của Bộ Luật Lao động.

- **Nhiệm vụ:** Tư vấn nghề, tư vấn việc làm, giới thiệu việc làm và tổ chức học nghề, tổ chức cung ứng lao động và thông tin thị trường lao động, theo thông tư số 08/LĐT BXH-TT ngày 10 tháng 3 năm 1987 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

## \* Lĩnh vực hoạt động:

### 1. Đào tạo - Bồi dưỡng nghề gắn với việc tạo việc làm.

- Thường xuyên mở các lớp Anh văn, Tin học, May thủ công, May Công nghiệp, Vận hành sửa chữa nông ngư cơ, Điện Công nghiệp, Chế biến và bảo quản hàng Thủy sản, Lái xe, sửa chữa Điện cơ, Điện lạnh.

- Liên kết với các trường Dạy nghề - Trung học chuyên nghiệp và trường Đại

học tuyển Trung ương tổ chức đào tạo theo nhu cầu lao động trong tỉnh.

- Nhận đào tạo bồi dưỡng đủ mọi trình độ nghề cho người lao động theo yêu cầu của đơn vị, xí nghiệp, công ty trong và ngoài tỉnh.

### 2. Tư vấn giới thiệu việc làm.

- Tư vấn về chính sách lao động, học nghề, chọn nghề và việc làm cho người lao động.

- Thông tin về thị trường lao động và cung ứng lao động cho các đơn vị, công ty, xí nghiệp... trong và ngoài tỉnh.

### 3. Tổ chức dịch vụ sản xuất.

- Dịch vụ sửa chữa điện tử, điện dân dụng, điện công nghiệp.

- Nhận thi công lắp đặt các công trình về điện dân dụng, điện công nghiệp, và điện sinh hoạt.

- Nhận lắp cài đặt mạng vi tính, sửa chữa các loại máy vi tính.

+ Từ năm 1992 đến quý I năm 2002, Trung tâm đã tổ chức đào tạo cho **34.416** lao động học nghề (trong đó có **8.264** lao động nữ và **600** lao động thuộc diện chính sách). Có **22.542** lao động có việc làm ổn định, đạt **65,5%**.

- Tổ chức tư vấn nghề và việc làm cho **6.340** lao động (có **2.802** lao động nữ).

- Giới thiệu và cung ứng **7.281** lao động (có **2.906** lao động nữ), trong đó có **5.788** lao động có việc làm ổn định đạt **79,5%**.



# 10 NĂM CÔNG TÁC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH XÃ HỘI (1992 - 2002)

**\* Lao động - Việc làm - Dạy nghề:**

Giải quyết việc làm hàng năm	Thông qua các chương trình, dự án	Thông qua hoạt động dịch vụ việc làm	Thông qua cho vay dự án nhỏ	Tổng số
	12.511 người	1.629 người	2.851 người	16.991 người
Đào tạo nghề bình quân hàng năm	2.793 người			
Tư vấn nghề bình quân hàng năm	648 người			
Huy động ngày công nghĩa vụ lao động công ích hàng năm	782.367 công			

**\* Chính sách thương binh, liệt sĩ và người có công:**

Xác lập hồ sơ thực hiện chính sách :	Liệt sĩ mới	Thương binh	Bệnh binh	Mẹ VNAH	Lão thành CM	Cán bộ tiền khởi nghĩa	Có công kháng chiến	Chế độ B.C.K	Chế độ TNXP	Bị địch bắt tù đày	Trợ cấp một lần	Hài cốt liệt sĩ	Quý đền ơn đáp nghĩa
		1456 người	1754 người	677 người	686 người	12 người	29 người	9.243 người	291 người	52 người	1.247 người	585 người	1259 mộ

**\* Công tác bảo trợ xã hội**

Xóa đói giảm nghèo	Từ năm 1994 đến nay toàn tỉnh giảm được 34.049 hộ với 181.176 khẩu
Chứng nhận miễn nộp một phần miễn phí	50.683 lượt người
Cấp BHYT	41.734 lượt người
Cứu đói	56.807 hộ (với 264.571 khẩu)
Phòng chống tệ nạn xã hội	Mỗi năm có khoảng 30 gái mại dâm và 20 người nghiện ma túy được dạy nghề, cai nghiện

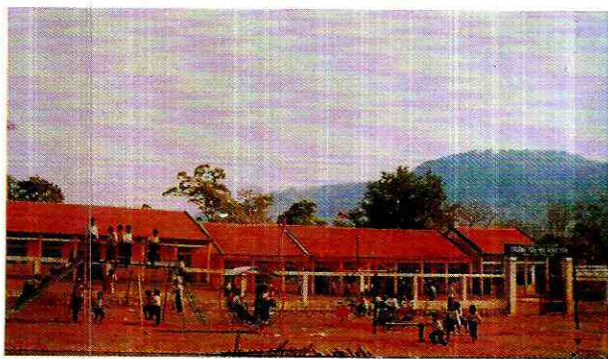


# THÀNH TỰU 10 NĂM PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

**N**hìn lại chặng đường 10 năm sự nghiệp giáo dục - đào tạo từ một thực trạng xuống cấp, tỷ lệ học sinh vào học các cấp đều thấp, học sinh lưu ban, bỏ học, giáo viên bỏ dạy ngày càng nhiều, người mù chữ còn đông, hệ thống trường lớp thiếu, nhiều nơi tạm bợ phải học nhờ ở đình chùa và các cơ sở hợp tác xã nông nghiệp. Giáo dục miền núi, vùng cao hết sức khó khăn.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết TW4 (khóa VII), NQTV 2 (khóa VIII) và NQ10 của Tỉnh ủy (khóa IX). Toàn Đảng và nhân dân Bình Thuận với quyết tâm cao, coi phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển KT - XH tỉnh nhà nên đã sớm khắc phục những tồn tại, yếu kém của những năm đầu tái lập tỉnh.

Nếu năm học 1992 - 1993 chỉ có 286 trường thì hiện nay toàn tỉnh có gần 420 trường cho các cấp ngành học. Hầu hết các xã, phường có từ 1 đến 2 trường tiểu học. Có huyện, thành phố có từ 2 đến 3 trường phổ thông. Các địa phương làm tốt cuộc vận động "ngày toàn dân đưa trẻ đến trường" nên số lớp bình quân hàng năm tăng (hơn 300 lớp/năm). Học sinh trong độ tuổi đi học tăng khá cao, bình quân 7,21%,



*Cảnh quang trường Tiểu học Đông Tiến -  
Xã miền núi huyện Hàm Thuận Bắc.*

cao nhất là bậc học trung học nhiều năm tăng 19 - 20%.

Nếu so sánh học sinh phổ thông trên dân số ở thời điểm năm học 1999 - 2000 thì Bình Thuận đứng vào thứ 4 trong 9 tỉnh miền Đông Nam bộ và đạt mức trung bình chung của cả nước.

Toàn tỉnh có trên 30 dân tộc anh em sinh sống chủ yếu ở vùng cao, vùng sâu do đó giáo dục miền núi thực sự được các cấp ủy đảng coi trọng và đã có những chuyển biến mạnh mẽ về số lượng và chất lượng, từ chỗ vận động con em người dân tộc ra lớp hết sức khó khăn, có "khai giảng song không có bế giảng" đến nay số học sinh vào lớp khá đông và phát triển ổn định. Các xã miền núi đều có trường lớp, toàn tỉnh có 4 trường PTDTNT, hàng năm đều xét tuyển số HS giỏi vào các trường đại học.

Do kinh tế tỉnh xuất phát ở mức thấp, nên vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học chủ yếu dựa vào sức dân, bình quân mỗi năm huy động khoảng 60% trong tổng nguồn XDCS vật chất cho giáo dục. Tuy nhiên Bình Thuận là một trong những tỉnh dành mức chi từ ngân sách cho giáo dục ở mức cao so với cả nước (25 - 28%).

Trong những năm qua, mặc dù có nhiều cố gắng đầu tư nâng cấp chất lượng đội ngũ giáo viên, nhưng nhìn chung đội ngũ giáo viên trong tỉnh đang thiếu và chưa đạt chuẩn, đang là một thực trạng hết sức bức xúc của ngành giáo dục. Từ nhiều năm qua bằng nhiều hình thức, đào tạo - bồi dưỡng, nhất là từ khi nâng cấp trường THSP lên CĐSP đã từng bước đảm bảo được yêu cầu giáo viên đứng lớp (từ năm 1995 đến 2000 tỉnh đã đào tạo, đào tạo lại gần 4000 giáo viên) cho các cấp ngành học ở địa phương.



# 1 - TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI TRƯỜNG LỚP

TT		Đ.V TÍNH	NĂM 93	NĂM 95	NĂM 97	NĂM 99
<b>A</b>	<b>TRƯỜNG</b>	<b>Trường</b>	<b>286</b>	<b>343</b>	<b>370</b>	<b>413</b>
	- Ngoài công lập	"		2	3	9
<b>I</b>	<b>Mầm non</b>		<b>111</b>	<b>116</b>	<b>120</b>	<b>122</b>
1	Nhà trẻ	Nhà	9	10	11	8
	- Ngoài công lập	"				2
2	Trường MG, MN	Trường	102	106	109	114
	- Ngoài công lập	"				2
<b>II</b>	<b>Phổ thông</b>	<b>Trường</b>	<b>175</b>	<b>227</b>	<b>250</b>	<b>291</b>
1	Tiểu học	"	132	165	185	207
3	THCS, PTCS	"	34	50	51	66
4	PT cấp II, III	"	5	10	12	16
	- Ngoài công lập	"		2	3	5
5	PTTH	"	4	2	2	2
<b>B</b>	<b>LỚP</b>	<b>LỚP</b>	<b>5.136</b>	<b>5.903</b>	<b>6.775</b>	<b>7.439</b>
	- Ngoài công lập	"		137	265	341
<b>I</b>	<b>Mầm non</b>	<b>"</b>	<b>779</b>	<b>791</b>	<b>949</b>	<b>1.033</b>
1	Nhà trẻ	"	71	71	109	127
	- Ngoài công lập	"		22	55	70
2	Mẫu giáo	"	708	720	840	906
	- Ngoài công lập	"		33	76	86
<b>II</b>	<b>Phổ thông</b>	<b>LỚP</b>	<b>4.357</b>	<b>5.112</b>	<b>5.826</b>	<b>6.406</b>
1	Tiểu học	Lớp	3.412	3.834	4.143	4.411
	<i>Học sinh/lớp</i>	<i>HS/L</i>	<i>37,05</i>	<i>36,61</i>	<i>36</i>	<i>30,6</i>
2	THCS	Lớp	813	1.083	1.372	1.539
	<i>Học sinh/lớp</i>	<i>HS/L</i>	<i>45,2</i>	<i>42,2</i>	<i>41</i>	<i>42,7</i>
	- Ngoài công lập	Lớp		29	62	92
3	PTTH	Lớp	132	195	311	456
	<i>Học sinh/lớp</i>	<i>HS/L</i>	<i>57,1</i>	<i>45,3</i>	<i>48</i>	<i>46,6</i>
	- Ngoài công lập	Lớp		53	72	93

Tình hình các cấp học, lớp học mỗi năm một tăng, tỷ lệ lớp tăng bình quân 6 - 6,4% năm (mỗi năm tăng từ 300 - 350 lớp).

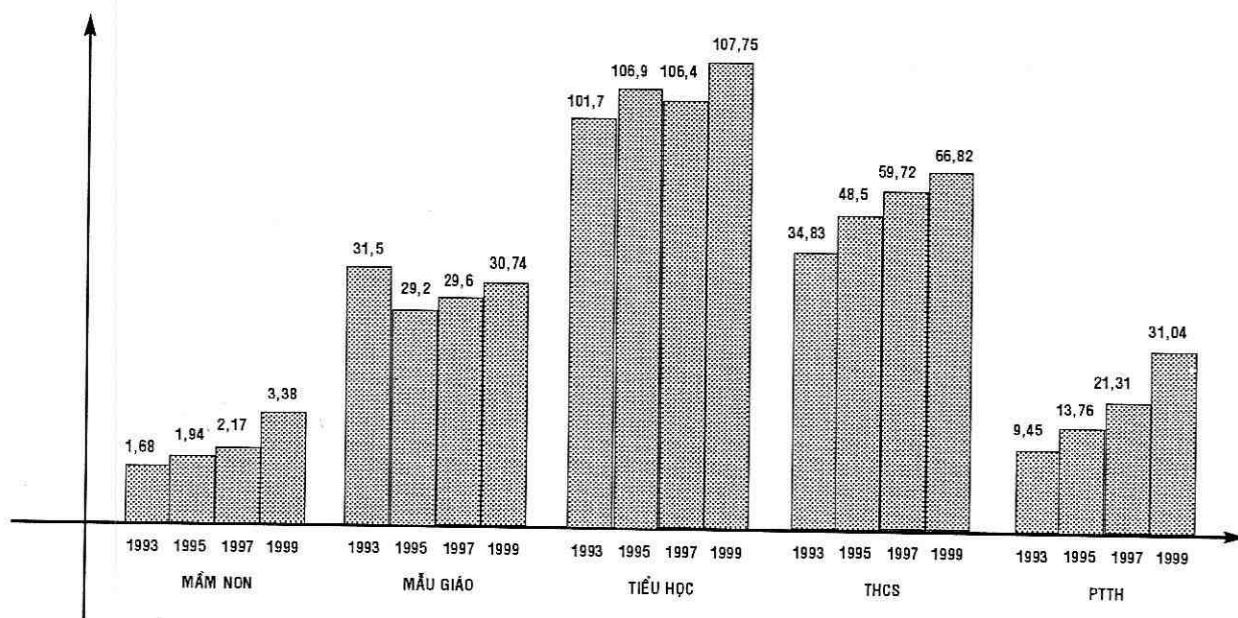


## 2 - TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN HỌC SINH

- Huy động học sinh trong độ tuổi các cấp học

SỐ TT	NỘI DUNG	Đ.V TÍNH	NĂM 1993	NĂM 1995	NĂM 1997	NĂM 1999
	<i>TỔNG SỐ</i>	HS	<u>183.252</u>	<u>212.421</u>	<u>247.419</u>	<u>278.292</u>
	<i>Tỷ lệ huy động so độ tuổi</i>	%	<b>46,22</b>	<b>50,60</b>	<b>54,82</b>	<b>56,68</b>
	- Ngoài công lập	HS	1.035	4.145	10.482	13.097
<b>I</b>	<b>Hệ mầm non</b>	<b>HS</b>	<b>24.033</b>	<b>23.500</b>	<b>27.560</b>	<b>29.455</b>
1	Nhà trẻ	HS	1.389	1.652	2.017	2.206
	<i>Tỷ lệ huy động so độ tuổi</i>	%	1,68	1,94	2,17	3,38
	- Ngoài công lập	HS	235	559	905	1.207
2	Mẫu giáo	HS	22.644	21.848	25.543	27.249
	<i>Tỷ lệ huy động so độ tuổi</i>	%	31,5	29,2	29,6	30,74
	- Ngoài công lập	HS		892	2.300	2.731
<b>II</b>	<b>Hệ phổ thông</b>	<b>HS</b>	<b>159.219</b>	<b>188.921</b>	<b>219.859</b>	<b>248.837</b>
1	Tiểu học	HS	123.809	136.348	149.441	161.765
	<i>Tỷ lệ huy động so độ tuổi</i>	%	101,7	106,9	106,4	107,75
2	THCS	HS	29.817	43.902	56.619	65.762
	<i>Tỷ lệ huy động so độ tuổi</i>	%	34,83	48,5	59,72	66,82
	- Ngoài công lập	HS		1.018	3.374	4.299
3	PTTH	HS	5.593	8.671	13.799	21.310
	<i>Tỷ lệ huy động so độ tuổi</i>	%	9,45	13,76	21,31	31,04
	- Ngoài công lập	HS		2.636	3.903	4.860

- Nhìn chung tỷ lệ huy động học sinh các cấp học qua các năm đều tăng.





- Về tốc độ tăng học sinh bình quân năm ở các cấp học từ năm 1993 đến nay ở các huyện, thành phố như sau:

Đơn vị tính: %

ĐỊA BÀN	N.Trẻ	M.Giáo	Tiểu học	THCS	PTTH	Chung
<b>TOÀN TỈNH</b>	<b>5,95</b>	<b>5,44</b>	<b>3,82</b>	<b>9,97</b>	<b>19,71</b>	<b>6,22</b>
1. Huyện Tuy Phong	17,60	4,24	1,94	10,23	19,07	4,64
2. Huyện Bắc Bình	3,56	4,35	4,07	12,96	22,53	6,67
3. Huyện Hàm Thuận Bắc	0,40	7,33	5,92	12,12	48,56	8,35
4. Thành phố Phan Thiết	9,09	2,59	4,47	4,76	18,27	5,92
5. Huyện Hàm Thuận Nam	22,42	5,91	5,21	12,96	34,38	7,44
6. Huyện Hàm Tân	23,84	6,32	4,48	9,24	16,33	6,59
7. Huyện Tánh Linh	5,72	5,67	2,61	10,91	11,32	5,1
8. Huyện Đức Linh	8,72	7,19	1,82	10,13	17,15	5,18
9. Huyện Phú Quý	14,87	6,81	3,63	26,03		6,94

Trong 6 năm học từ năm học 1993 - 1994 đến năm học 1999 - 2000, học sinh ở các cấp học hàng năm đều tăng, tỷ lệ tăng bình quân hàng năm: 7,21%, trong đó tăng mạnh nhất là ở cấp trung học: 19,71%, thấp nhất là cấp tiểu học: 3,82%. Trong đó tăng cao nhất là 2 huyện Hàm Thuận Bắc (8,35%), Hàm Thuận Nam (7,44%); Tăng thấp nhất là 2 huyện Tuy Phong (4,64%) và Tánh Linh (5,10%). Cụ thể tốc độ tăng bình quân học sinh của các cấp học như sau:

So sánh với toàn quốc thì tốc độ tăng học sinh ở cấp tiểu học và phổ thông trung học của Bình Thuận cao hơn, cấp trung học cơ sở lại thấp hơn. Cụ thể tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm ở các bậc học như sau:

	Bình Thuận	Toàn quốc
- Tiểu học :	3,82%	1,20%
- THCS :	9,97%	12,08%
- PTTH :	19,71%	19,41%

Và nếu so sánh học sinh phổ thông trên dân số, thì tỉnh Bình Thuận xếp vào loại 4 trong số 9 tỉnh miền Đông Nam bộ.

### 3 - TÌNH HÌNH ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TRỰC TIẾP Đứng LỚP

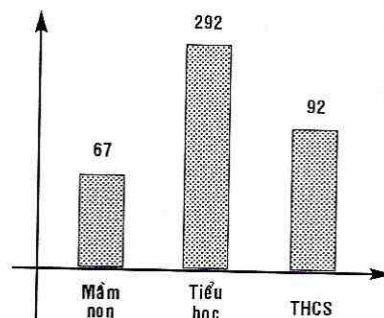
SỐ TT		ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 1993	NĂM 1995	NĂM 1997	NĂM 1999
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>GV</b>	<b>5.648</b>	<b>6.175</b>	<b>7.634</b>	<b>8.224</b>
1	Nhà trẻ	"	162	145	187	144
	Tỷ lệ GV/lớp	GV/L	2,28	2,04	1,71	1,13
2	Mẫu giáo	"	758	771	870	876
	Tỷ lệ GV/lớp	GV/L	1,07	1,07	1,03	0,96
3	Tiểu học	"	3.154	3.521	4.308	4.691
	Tỷ lệ GV/lớp	GV/L	0,92	0,91	1,04	1,06
4	THCS	"	1.307	1.459	1.925	2.044
	Tỷ lệ GV/lớp	GV/L	1,61	1,34	1,33	1,32
5	PTTH	"	267	279	344	469
	Tỷ lệ GV/lớp	GV/L	2,5	1,43	1,10	1,02



- **Về công tác đào tạo - bồi dưỡng đội ngũ giáo viên:** Trong những năm qua ngành đã tập trung đào tạo - bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, do đó đã phần nào nâng dần tỷ lệ GV/lớp và từng bước chuẩn hóa đội ngũ giáo viên để nâng cao chất lượng giảng dạy, cụ thể như sau:

+ **Đào tạo:** 5 năm qua (từ năm học 1995 - 1996 đến năm học 1999 - 2000) số lượng giáo sinh được đào tạo chính quy là: 3.488 giáo sinh, số lượng từng năm và từng cấp như sau:

Năm học	Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS	PTTH
<b>Tổng số</b>	<b>3.954</b>	<b>423</b>	<b>1.678</b>	<b>1.347</b>	<b>506</b>
<i>Trong đó:</i>					
1995 - 1996	451	67	292	92	
1996 - 1997	870	49	510	311	
1997 - 1998	986	165	283	216	322
1998 - 1999	916	90	292	350	184
1999 - 2000	731	52	301	378	



+ **Đào tạo lại:** Trong những năm qua số giáo viên được đào tạo lại là: 399 người, trong đó Cao học: 12 người; tại chức đại học văn toán: 82 người; Hoàn chỉnh đại học văn toán: 80 người; Đại học khoa tiểu học: 48.

## II - MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC Ở NĂM HỌC 2001 - 2002

### 1. Tình hình phát triển số lượng:

Năm học 2001 - 2002, mạng lưới trường lớp thuộc các bậc học, ngành học tiếp tục được quy hoạch lại một cách hợp lý, tạo điều kiện cho con em nhân dân đi học được thuận lợi, so với học kỳ I năm học trước ngoại trừ bậc tiểu học số lượng học sinh giảm, các cấp học khác đều tăng nhất là cấp THCS.

Hiện nay toàn tỉnh có: 06 nhà trẻ, 122 trường mẫu giáo và trường mầm non, 242 trường tiểu học, 76 trường THCS và 18 trường THPT (trong đó 10 trường có cấp 2) với 2.531 cháu nhà trẻ, 29.360 cháu mẫu giáo, 161.813 học sinh tiểu học, 77.041 học sinh THCS và 27.408 học sinh THPT. So với cùng kỳ năm học trước, các cấp học đều tăng về số lớp và số học sinh; trong đó tập trung tăng cao là cấp THCS và THPT (THCS tăng 212 lớp - 8.568 học sinh, THPT tăng 75 lớp - 2.710 học sinh).

#### • So với độ tuổi:

- Tỷ lệ cháu vào nhà trẻ đạt	3,4%	(2531/73425)
- Tỷ lệ cháu vào lớp mẫu giáo đạt	45,27%	(29360/64855)
- Tỷ lệ cháu mẫu giáo 5 tuổi đạt	79,84%	(18928/23707)
- Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 đạt	95,4%	(27319/28622)
- Tỷ lệ trẻ 6 - 10 tuổi ra học tiểu học đạt	95,4%	(143191/150114)
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học vào học lớp 6 đạt	93%	(26442/28435)
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học lớp 10 đạt	90,7%	(10523/11593)

Tiếp tục thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo, tỷ lệ học sinh ngoài công lập ở nhà trẻ là 56,10%, ở mầm non là 14%. Ở bậc trung học, toàn tỉnh có 02 trường THCS bán công, 03 trường THPT bán công và 01 trường THPT dân lập, ngoài ra còn có một số lớp hệ B trong trường công lập, tỷ lệ học sinh ngoài công lập (bán công, hệ B) ở cấp THCS là 4,45% và ở cấp THPT là 30% so với tổng số học sinh cùng cấp.





**Lễ đón nhận Huân chương hạng III.**

Việc tách cấp 1 ra khỏi cấp 2 đã hoàn thành, từng bước đưa cấp 2 ra khỏi các trường THPT và giao cho Phòng giáo dục huyện, thành phố quản lý.

## **2. Công tác xây dựng đội ngũ:**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ giáo viên trong ngành, nhằm từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Ngoài một số lớp đào tạo giáo viên như phần trên đã nêu, việc đào tạo đội ngũ sau đại học cho trường CĐSP luôn được ngành quan

tâm chú ý và chỉ đạo tích cực, đến nay có 15 giáo viên đang theo học hệ đào tạo sau đại học, hiện đã có 06 giáo viên đã bảo vệ tốt nghiệp.

Các chuyên đề chuyên môn ở các cấp học, bậc học liên tục được triển khai, trong đó tập trung vào các chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy học sinh làm trung tâm, phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh, một số chuyên đề mới như giáo dục trẻ khuyết tật, chăm sóc sức khỏe của mầm non cũng đã được tổ chức chỉ đạo triển khai.

Thực hiện pháp lệnh công chức, Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Ban tổ chức Chính quyền tỉnh tiếp nhận hồ sơ đăng ký thi tuyển công chức ngạch giáo viên năm 2001, số lượng hồ sơ đăng ký dự thi như sau:

- Ngạch 15.114 (GV tiểu học) : 389
- Ngạch 15.113 (GV trung học) : 432 (trong đó ĐH: 82)

Toàn bộ hồ sơ đăng ký dự thi đã chuyển sang Ban tổ chức Chính quyền tỉnh sơ duyệt, các bước tiếp theo đang chờ ý kiến chỉ đạo của Hội đồng thi tuyển công chức tỉnh.

### **Về tình hình đội ngũ giáo viên trực tiếp giảng dạy (kể cả số hợp đồng)**

- Cô nuôi dạy trẻ : 177
- Giáo viên mẫu giáo : 1120
- Giáo viên tiểu học: 5096 - tỉ lệ : 1,06 GV/lớp
- Giáo viên THCS: 2492 - tỉ lệ : 1,33 GV/lớp
- Giáo viên THPT: 635 - tỉ lệ : 1,05 GV/lớp
- Giáo viên CĐSP : 51

10 năm qua, trong điều kiện phát triển KT - XH chung của tỉnh, sự nghiệp giáo dục - đào tạo đã có những chuyển biến tiến bộ và mới chỉ là bước đầu của công cuộc đổi mới. Tiếp tục thực hiện NQ Trung ương 2 và NQ 10 của Tỉnh ủy, tỉnh đã quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo đến năm 2010. Hệ thống giáo dục - đào tạo tỉnh nhà tiếp tục mở rộng, phát triển quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả. Trước mắt phải thu hút đại bộ phận trẻ em trong độ tuổi đến trường. Giữ vững, nâng cao chất lượng PCGD tiểu học tiến tới hoàn thành PC giáo dục THCS vào năm 2007 như NQ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần IX đề ra, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.



## TRUNG TÂM ĐÀO TẠO - BỒI DƯỠNG CÁN BỘ TỈNH BÌNH THUẬN

Năm 1992, tỉnh Thuận Hải chia tách thành 2 tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự giúp đỡ của các cấp, các ngành, Trung tâm đã có nhiều cố gắng kiên trì phấn đấu chủ động, vượt qua mọi khó khăn, để từng bước phát triển đi lên.

- Khi mới thành lập, Trung tâm chưa có cơ sở, phải mượn tạm đơn vị bạn để làm việc, sau đó được chuyển về tiếp thu cơ sở của hàng ăn 2/9. Qua nhiều năm, bằng mồ hôi sức lực của tập thể và sự hỗ trợ kinh phí của tỉnh đã sửa chữa, cải tạo, đến nay Trung tâm có hệ thống lớp học, đủ phương tiện tối thiểu phục vụ cho hơn 1.300 sinh viên học một ca. Có phòng máy vi tính hơn 20 máy đã được nối mạng; có phòng lab học ngoại ngữ, có nhà khách 11 giường, trang bị tương đối đầy đủ và mua được 2 ô tô phục vụ cho việc đưa đón và ăn nghỉ của các thầy cô giáo các trường đại học ra giảng dạy tương đối ổn định. Phương tiện làm việc của CB - GV được đầu tư thêm.

Qua 10 năm phấn đấu đi lên, đến nay Trung tâm có 14 CBCNVC trong biên chế. 93% tốt nghiệp đại học, nhiều đồng chí có 2 bằng đại học, 1 thạc sĩ và 2 giáo viên đang học sau đại học. Trung tâm đã đào tạo 4.924 sinh viên, gồm 25 chuyên



ngành khoa học khác nhau, do 18 trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp trong cả nước liên kết đào tạo. Đã làm lễ tốt nghiệp ra trường cho hơn 2.238 học viên - sinh viên, trong đó có 1.824 cử nhân.

Đặc biệt năm 2002 Trung tâm có gần 2.000 học viên, sinh viên đang học gồm nhiều ngành đào tạo mới như: Giao thông, công trình thủy, xây dựng, địa chính, nông học, nông lâm, báo chí, văn hóa quần chúng, kế toán ngân sách... nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn lực phục vụ cho sự nghiệp CNH - HĐH của địa phương.

Với những thành tích trên, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Bình Thuận được Bộ GD - ĐT và UBND tỉnh tặng bằng khen, nhiều cá nhân được bình bầu là lao động giỏi, là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Đó là hành trang tiếp sức cho đơn vị phấn đấu vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ trong những năm tiếp theo.

### TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN TỈNH BÌNH THUẬN

#### BIỂU THỐNG KÊ HỌC VIÊN ĐÃ ĐÀO TẠO TẠI TRUNG TÂM ĐTBĐ TẠI CHỨC TỈNH THUẬN HẢI (GIAI ĐOẠN 1983-1991)

A	CÁC LỚP ĐÃ TỐT NGHIỆP	NĂM HỌC	256
1	ĐH KINH TẾ KẾ HOẠCH HÓA KTQD (chuyên tu)	1983 - 1987	52
2	ĐH SƯ PHẠM VĂN & TOÁN (Tại chức dài hạn)	1984 - 1988	100
3	ĐH KINH TẾ KẾ HOẠCH HÓA KTQD (Tại chức dài hạn)	1987 - 1992	58
4	ĐH KINH TẾ NÔNG - LÂM (Tại chức dài hạn)	1989 - 1994	46



TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN TỈNH BÌNH THUẬN

**BIỂU THỐNG KÊ SỐ HỌC VIÊN ĐÃ VÀ ĐANG ĐÀO TẠO TẠI TRUNG TÂM ĐTBĐ CÁN BỘ -  
TRUNG TÂM GDTX TỈNH BÌNH THUẬN (GIAI ĐOẠN 1992 - 2002)**

TỔNG SỐ HỌC VIÊN ĐÃ VÀ ĐANG ĐÀO TẠO			4.924
<b>A</b>	<b>CÁC LỚP ĐÃ TỐT NGHIỆP</b>	<b>NĂM HỌC</b>	<b>2.410</b>
<b>I</b>	<b>HỆ ĐẠI HỌC ĐẠI CƯƠNG VÀ TẠI CHỨC</b>		<b>1.834</b>
1	ĐH LUẬT (Tại chức - K1)	1992 - 1997	168
2	ĐH KINH TẾ - KẾ TOÁN (Tại chức - K21)	1992 - 1998	201
3	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH (ĐH mở - đào tạo từ xa)	1992 - 1997	22
4	ĐH KINH TẾ - QTKD (Tại chức)	1993 - 1998	82
5	ĐH TIN HỌC (Tại chức ngắn hạn - cho kỹ sư)	1993 - 1996	25
6	Các lớp ĐH ANH VĂN + TIN HỌC (Hệ tại chức Giai đoạn I)	1993 - 1996	104
7	ĐH KINH TẾ - KẾ TOÁN (Tại chức - K25)	1995 - 2000	282
8	ĐH KINH TẾ DÂN SỐ LAO ĐỘNG (Tại chức dài hạn)	1995 - 2000	101
9	ĐH SƯ PHẠM ANH VĂN (Tại chức dài hạn)	1994 - 2001	47
10	2 khóa ĐH ĐẠI CƯƠNG (Chính quy Giai đoạn I)	96-97-1999	516
11	ĐH LUẬT K2 (2 lớp Tại chức)	1995 - 2001	286
<b>II</b>	<b>HỆ TRUNG HỌC TẠI CHỨC</b>		<b>576</b>
1	TH Thuế (Kết hợp với Cục thuế mở lớp)	1992 - 1995	80
2	TH Kế toán HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP (Tại chức)	1993 - 1997	168
3	TH Sư phạm (Cùng P.Giáo dục Phan Thiết mở lớp)	1990 - 1993	120
4	Trung học Lâm sinh (Tại chức)	1998 - 2000	66
5	TH Kế toán Quản lý NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (Tại chức)	1998 - 2001	142
<b>B</b>	<b>CÁC LỚP ĐANG ĐÀO TẠO</b>	<b>NĂM HỌC</b>	<b>2.514</b>
<b>I</b>	<b>HỆ ĐẠI HỌC TẠI CHỨC &amp; ĐÀO TẠO TỪ XA</b>		<b>2.255</b>
1	ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI (Tại chức)	1997 - 2002	63
2	ĐH NÔNG LÂM - ngành QL ĐẤT ĐAI (Tại chức)	1998 - 2003	115
3	ĐH KINH TẾ - KẾ TOÁN K30 (Tại chức dài hạn)	1999 - 2004	277
4	ĐH KINH TẾ & KỸ THUẬT XÂY DỰNG (Tại chức K38 HN)	1999 - 2004	86
5	ĐH NÔNG HỌC (Tại chức - K1)	2000 - 2005	97
6	ĐH CẤP THOÁT NƯỚC & CÔNG TRÌNH THỦY	2000 - 2005	78
7	ĐH BÁO CHÍ	2000 - 2005	80
8	ĐH KINH TẾ - KẾ TOÁN NĂM 2000 (Tại chức)	2000 - 2005	188
9	ĐH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH (K40 Hà Nội)	2001 - 2006	60
10	ĐH BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN NÔNG SẢN THỰC PHẨM	2001 - 2006	54
11	Các lớp ĐH SƯ PHẠM (Hệ đào tạo từ xa)	2000 - 2006	1.157
<b>II</b>	<b>HỆ TRUNG HỌC TẠI CHỨC</b>		<b>259</b>
1	TH VĂN HÓA QUẢN CHỨNG	2000 - 2002	51
2	TH THƯ VIỆN THÔNG TIN	2000 - 2002	93
3	TH Kế toán Quản lý NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (Tại chức)	2001 - 2003	115



# NHỮNG THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ SỨC KHỎE CỦA NHÂN DÂN TRONG 10 NĂM TÁI LẬP TỈNH (1992 - 2002)

Những năm đầu tái lập tỉnh, ngành y tế gặp rất nhiều khó khăn. Cơ sở vật chất phục vụ cho việc khám chữa bệnh của bệnh viện tuyến huyện, thị, trạm y tế tuyến xã - phường bị xuống cấp; thiết bị y tế đa số đã lạc hậu, không đồng bộ. Trình độ chuyên môn kỹ thuật của một số cán bộ trong ngành chưa đáp ứng yêu cầu của xã hội đặt ra. Do khó khăn kinh tế nên việc đầu tư ngân sách Nhà nước cho y tế còn thấp. Mặt khác chúng ta cũng chưa có các giải pháp nhằm huy động các nguồn lực trong nhân dân, các tổ chức xã hội trong nước và quốc tế phục vụ cho sự nghiệp CSSK của nhân dân.

Trước yêu cầu bức bách đó, Nghị quyết 4 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) và Nghị quyết 8 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa IX) về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân đã tạo cơ sở cho ngành y tế có bước chuyển biến mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực. Đội ngũ cán bộ y tế sau khi tái lập tỉnh có 2.000 người, nay tăng lên

2.500 người, số người có học vị chuyên môn bác sĩ trở lên tăng hơn 50%; tuyến trạm y tế xã phường trước đây có bác sĩ chỉ đạt tỷ lệ 3,6% (4 bác sĩ/110 xã phường), năm 2000 tăng lên 60% và năm 2002 đạt tỷ lệ 75%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng từ 50% trong những đầu chia tách tỉnh, nay giảm xuống còn 33%. Các bệnh truyền nhiễm giảm 5 đến 10% hàng năm. Việc đầu tư ngân sách cho ngành y tế cũng được cải thiện. Năm 1992, ngành chỉ nhận được 10 tỷ đồng, đến nay thông qua các chương trình quốc gia về y tế, trung ương và tỉnh đã đầu tư 70 tỷ đồng. Ngoài ra, ngành y tế tỉnh ta còn nhận được 4,5 triệu Euro của cộng đồng châu Âu tài trợ.

Tuy còn nhiều mặt yếu kém và sự gia tăng dân số (cả tăng tự nhiên và cơ học) luôn là một thách thức đối với nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân. Nhưng 10 năm qua tình hình chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trong tỉnh ngày càng đạt được nhiều kết quả và tiến bộ. Qua đó, cho thấy sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và sự quyết tâm của Đảng bộ trên lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trong tỉnh. Cũng như sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, đảng viên ngành y tế.

Để tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trong những năm tiếp theo đạt kết quả tốt hơn, ngành y tế Bình Thuận cần phải quán triệt sâu sắc chỉ thị 06 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) và kế hoạch



Lễ tổng kết công tác y tế năm 2000.



của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa X) về công tác này. Trong đó:

- Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở. Phần đầu có trên 80% trạm y tế xã phường có bác sĩ và 100% xã vùng cao có nữ hộ sinh, hoặc y sĩ sản nhi.

- Giảm tỉ lệ số trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng còn dưới 30%; không còn số trẻ em bị suy dinh dưỡng nặng và giảm 5 đến

10% số mắc, 10 đến 20% số chết do bệnh truyền nhiễm.

- Giảm 15% các trường hợp ngộ độc do thực phẩm.

- Phần đầu 66% hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh.

- Nâng tỷ lệ từ 4,7 lên 4,8 số bác sĩ trên vạn dân.

## TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN Y TẾ QUA 10 NĂM (1992 - 2002)

Số TT	Hạng mục	ĐVT	1992	1995	2000	2001	2002
1	Tổng số cơ sở y tế, trong đó:	Cơ sở	137	140	141	142	142
	- Bệnh viện tuyến tỉnh	"	2	2	2	2	2
	- Tuyến huyện (bao gồm TTYT, PKĐKKV, TT - KHHGD và NHS)	"	33	36	37	37	36
	- Trạm y tế xã, phường	"	102 (*)	102	102	103	104
	- Tỷ lệ xã, phường có trạm y tế	%	100 (*)	-	-	-	-
2	Tổng số giường bệnh, trong đó:	Giường	1.650	1.800	1.910	1.950	1.960
	- Bệnh viện tuyến tỉnh	"	570	600	680	680	680
	- TTYT huyện và PKĐKKV	"	590	690	720	770	770
	- Trạm y tế xã, phường	"	490	510	510	510	510
3	Tổng số cán bộ y tế	Người	2.052	2.310	2.491	2.700	2.795
	- Cán bộ ngành y	"	1.537	1.803	1.974	2.057	2.130
	+ Bác sĩ	"	209	272	403	500	520
	+ Y sĩ	"	712	861	849	-	-
	- Cán bộ ngành dược	"	226	258	323	310	320
4	Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ	%	3,6	3,6	60,36	75	80
5	Tỷ lệ trạm y tế có Y sĩ sản nhi hoặc nữ hộ sinh	%	16,3	58	100	-	-



6	Số dân/1 cơ sở y tế	Người	6.274	6.653	7.595	7.496	7.634
7	Số dân/1 trạm y tế xã	"	7.814	8.468	9.648	9.676	9.856
8	Số giường bệnh/10.000 dân	Giường	19,2	19	18,11	18,3	18
9	Số cán bộ y tế/10.000 dân	Người	23,87	24,79	23,2	25,3	25,7
10	Số bác sĩ/10.000 dân	"	2,4	2,86	4,0	4,7	4,8
11	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy DD	%	50	45	36	33	30
12	Tỷ suất chết trẻ < 1 tuổi	‰	36	31	27	25	24
13	Tỷ lệ trẻ sơ sinh nặng < 2.500g	%	16	14	10	9	9
14	Tuổi thọ bình quân đầu người	Tuổi	65	66	68	68,2	68,4
15	Đầu tư cho ngành y tế						
	Tổng vốn đầu tư:	Triệu Đồng					
	+ Ngân sách nhà nước	"	10.088	19.036	63.131	58.000	63.000
	Trong đó: NSTW thông qua CTQG	"	801	2.857	8.711	8.000	9.000
	+ Vốn viện trợ	"					
	+ Vốn xã hội	"					
16	Danh mục dự án đầu tư						
+ Dự án phát triển hệ thống y tế của Bộ y tế và Cộng đồng châu Âu từ 1999 - 2003 với nguồn châu Âu: 4.518.624 EURO							
17	Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch và hồ xí hợp vệ sinh	%			75 53	76 65	77 70
18	Kế hoạch hóa gia đình						
	- Số phụ nữ độ tuổi 15 - 49	Người	211.050	230.470	270.773	275.669	280.798
	- Số % cặp vợ chồng KHHGD	%	43,3	48	64	78	81
19	Tỷ lệ tiêm ngừa uốn ván cho phụ nữ có thai	%	45	65	92	95	98

(\*) Một số trạm y tế xã lồng ghép vào các phòng khám đa khoa khu vực, cho nên xem như tất cả các xã đều có trạm y tế



## TÌNH HÌNH KHÁM CHỮA BỆNH

Số TT	DIỄN GIẢI	ĐV tính	NĂM							
			1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000
01	- Số lần khám bệnh, trong đó:	Lần	662.897	485.612	1.035.257	1.547.036	1.540.391	1.564.536	1.700.289	1.647.530
	+ Tuyến tỉnh	Lần	134.817	206.688	396.074	326.640	243.913	316.527	335.458	256.614
	+ Tuyến huyện	Lần	429.407	191.653	602.263	668.831	527.846	557.202	1.364.831	1.390.916
02	- Tổng số bệnh nhân điều trị nội trú	Người	53.391	41.559	76.250	81.009	78.140	98.056	83.194	76.049
	+ Tuyến tỉnh	Người	21.674	14.908	24.326	28.574	27.344	45.240	30.248	29.981
	+ Tuyến huyện	Người	20.071	12.785	27.854	33.057	34.878	41.182	52.946	46.068
03	- Tổng số bệnh nhân điều trị ngoại trú	Người	12.228	26.171	126.588	155.458	187.544	187.544	304.146	239.044
	+ Tuyến tỉnh	Người	1.216	1.689	5.373	6.919	6.657	7.761	5.656	8.601
	+ Tuyến huyện	Người	10.171	6.949	28.612	55.777	58.369	78.290	298.490	230.443
04	- Tổng số ngày điều trị nội trú	Ngày	301.310	181.112	424.480	424.272	521.964	489.627	460.127	454.207
	+ Tuyến tỉnh	Ngày	196.617	116.584	225.830	231.615	327.502	272.366	244.469	255.564
	+ Tuyến huyện	Ngày	82.099	56.826	133.379	127.199	159.043	195.859	215.658	198.643
05	- Tổng số bệnh nhân chết	Người	437	243	438	435	433	508	506	534
	+ Tuyến tỉnh	Người	282	146	290	278	331	393	393	406
	+ Tuyến huyện	Người	140	80	132	131	114	115	113	128



Đ/c Đỗ Nguyễn Phương -  
Bộ trưởng Bộ Y tế  
thăm và làm việc  
ở Bệnh viện Đa khoa  
tỉnh Bình Thuận.

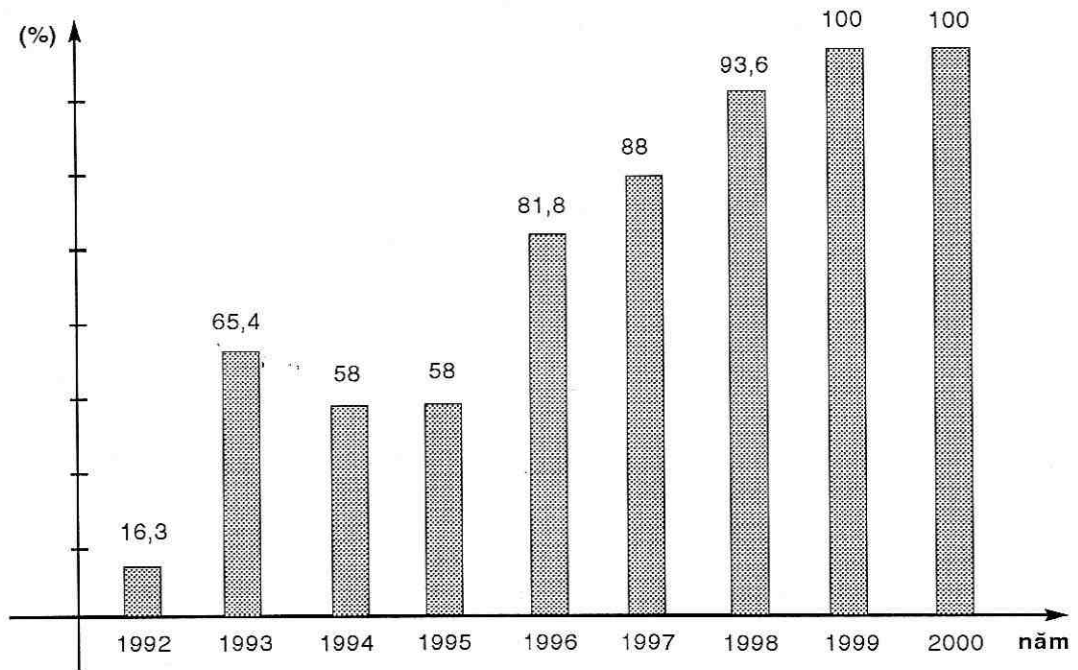


## TÌNH HÌNH CÁN BỘ Y TẾ TUYỂN XÃ

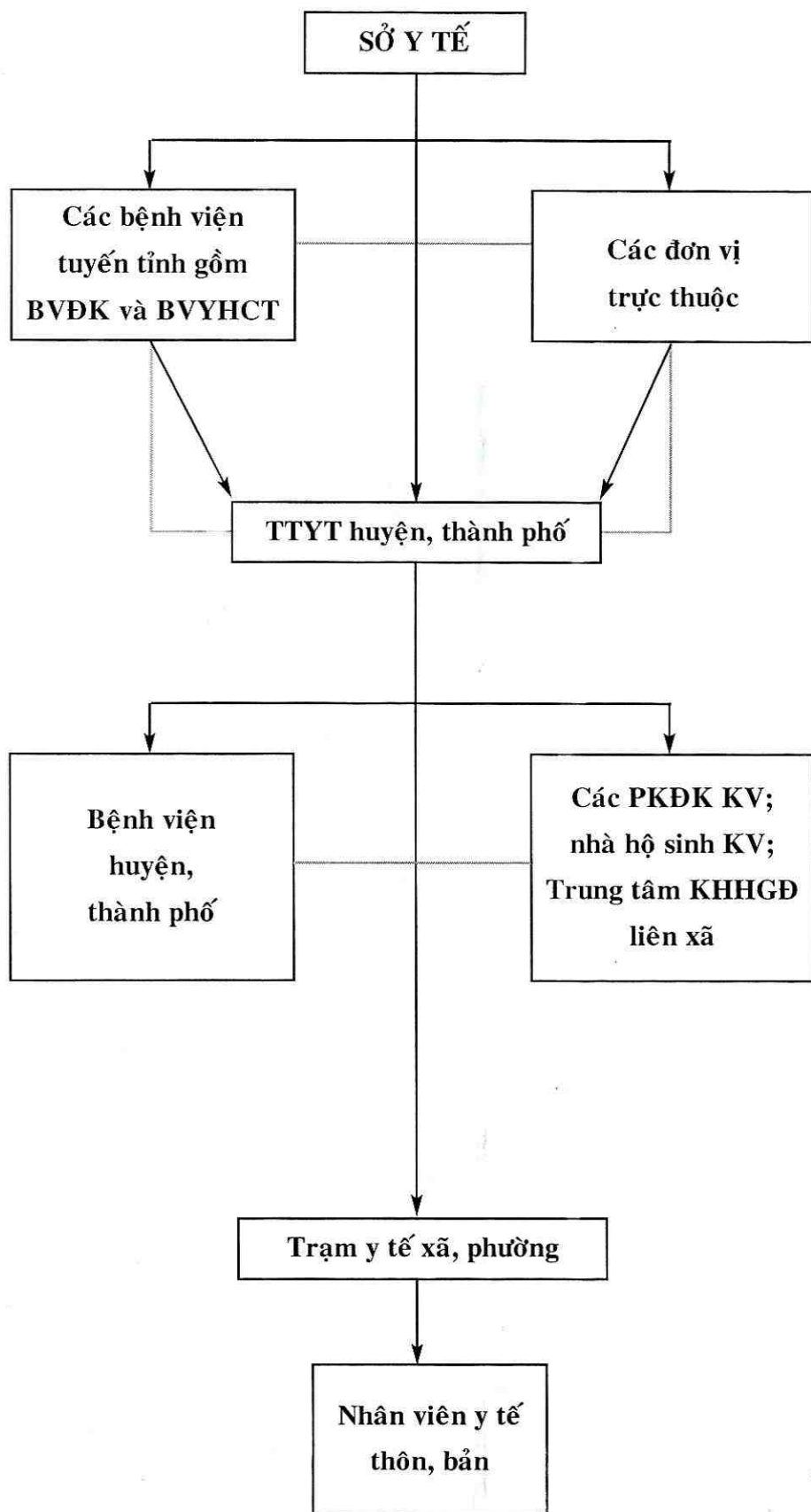
Năm	Chức danh		YTTH	NHSTH	DSTH	NHSSH	Y tá	D. Tá	CB khác	Tổng cộng	Tỷ lệ % xã có NHS & YSSN	Tỷ lệ% xã có BS	Ghi chú
	BS	Y sĩ											
1992	4	211	2	4		65	101	19	1	407	16,3	3,6	
1993	5	229	1	6		66	81	19		401	65,4	4,5	
1994	5	245	1	6		67	91	15		430	58	4,5	
1995	4	301	1	11	2	59	89	11		478	58	3,6	
1996	7	284	3	25	1	48	87	11	1	467	81,8	6,3	
1997	13	277	4	24	2	54	82	10	1	467	88	11,8	
1998	35	278	4	25	2	50	83	10	1	488	93,6	42,7*	
1999	38	284	4	25	2	50	79	10	1	496	100	45,4*	
2000	54	287	5	31	1	49	69	11		507	100	60,36*	

**Những chữ viết tắt:** BS: Bác sĩ; YTTH: Y tá trung học, NHSTH: Nữ hộ sinh trung học; DSTH: Dược sĩ trung học; NHSSH: Nữ hộ sinh sơ học; D. tá: Dược tá; YSSN: Y sĩ sản nhi; Y sĩ bao gồm đa khoa, sản nhi và y học cổ truyền.

- \* Bao gồm 12 Trạm y tế xã lồng ghép vào phòng khám ĐKKV có bác sĩ.







*Mạng lưới y tế tỉnh Bình Thuận*



# BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA BỆNH VIỆN TỈNH BÌNH THUẬN

**T**ừ ngày chia tách tỉnh đến nay, Bệnh viện Bình Thuận đã có nhiều cố gắng trong công tác chuyên môn, công tác cán bộ, nhất là khi Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ IX ra đời. Như một luồng khí mới khơi dậy tính tích cực, lòng nhiệt tình của cán bộ đảng viên Bệnh viện Bình Thuận vượt qua khó khăn, vươn lên trong công tác chuyên môn, công tác học tập lý luận chính trị, công tác nghiên cứu khoa học phục vụ bệnh nhân ngày càng đi vào nề nếp và nâng cao chất lượng đáp ứng được yêu cầu trong sự nghiệp đổi mới.

Trước năm 1992, Bệnh viện Thuận Hải còn rất nhiều thiếu thốn, chỉ có 300 giường, số lượng bệnh nhân điều trị nội trú hàng năm là 15.991 người, tỷ lệ tử vong 3,95%. Với số lượng đông đã gây không ít khó khăn cho công tác khám chữa bệnh một cách kịp thời, ít hiệu quả. Trước tình hình đó, Đảng bộ bệnh viện đã nhanh chóng lãnh đạo ổn định tổ chức, sắp xếp các phòng khoa, bố trí cán bộ, phân công đảng viên phụ trách với phương châm mỗi đảng viên là hạt nhân lãnh đạo, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu trong công tác, lối sống nhanh chóng khắc phục khó khăn, đưa bệnh viện phát triển đúng hướng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX tỉnh Đảng bộ. Đến năm 1999 bệnh viện phát triển được 550 giường, số bệnh nhân nội trú là 29.862 người, tỷ lệ tử vong xuống còn 1,3%.

Hệ thống tổ chức bệnh viện năm 1992 có 11 khoa, phòng đến năm 1999 phát

triển thành Bệnh viện Đa khoa tương đối hoàn chỉnh, thực hiện điều dưỡng toàn năng, chăm sóc toàn diện. Trang thiết bị khám chữa bệnh ngày một hiện đại như máy nội soi, máy thận nhân tạo, máy thở shock điện tim, máy siêu âm, máy phân tích khí trong máu, máy huyết học, sinh hóa tự động v.v... ứng dụng nhiều tiến bộ KH - KT góp phần nâng cao chất lượng chuẩn hóa, điều trị và cấp cứu. Đội ngũ cán bộ được đào tạo và đào tạo lại để nâng cao chất lượng chuyên môn đến năm 1999 bệnh viện có 49 bác sĩ sau đại học, 34 bác sĩ cử nhân, 149 trung cấp các loại, 10 cán bộ tốt nghiệp các lớp quản lý hành chính, 48 đồng chí được cử đi bồi dưỡng kỹ thuật chuyên môn và tổ chức hướng dẫn cho 3.153 học sinh, sinh viên thực tập. Công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật có những bước phát triển khá. Mười năm qua có 94 đề tài tổng kết rút từ kinh nghiệm thực tiễn, trong đó có 3 đề tài cấp tỉnh, hợp tác thực hiện 2 đề tài cấp Nhà nước và quốc tế. Trong lĩnh vực đào tạo, bệnh viện là trung tâm hướng dẫn lâm sàng, tham gia giảng dạy lý thuyết cho hàng ngàn học sinh trường Trung học Y tế. Giáo dục, bồi dưỡng đội ngũ y, bác sĩ cho các Trung tâm Y tế huyện, xã và có những đóng góp đáng kể cho việc nâng cao khám chữa bệnh ở tuyến huyện và tuyến cơ sở.

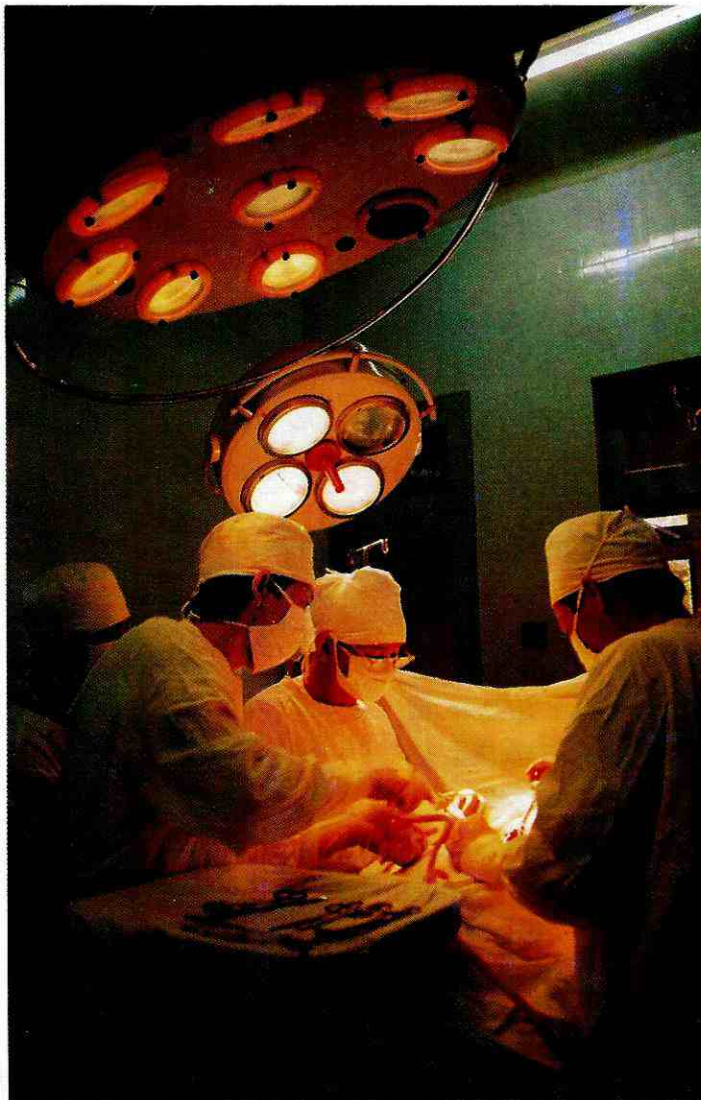
Từ những kết quả đã đạt được, có thể thấy rằng những nét nổi bật về vai trò lãnh đạo của Đảng bộ bệnh viện trong những năm qua.



Là luôn coi trọng công tác giáo dục lý luận chính trị (100% CB - ĐV học xong chương trình LLPT) quán triệt đầy đủ các chỉ thị, Nghị quyết, của Đảng và Nhà nước, thường xuyên giáo dục CB - CNV thực hiện lời dạy của Bác Hồ "Thầy thuốc như mẹ hiền" luôn coi đó là kim chỉ nam để rèn luyện ý đức, lòng nhân ái và phẩm chất cao quý của người thầy thuốc phục vụ nhân dân.

Thực hiện tốt NQ TW3 khóa VII về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, từ đó chỉ bộ các khoa phòng có kế hoạch tập trung lãnh đạo công tác chuyên môn hoàn thành nhiệm vụ; Đảng bộ luôn ổn định về tư tưởng, phấn đấu xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh là nhân tố quyết định để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị.

- Đảng bộ quan tâm đến công tác cán bộ và đào tạo cán bộ, coi đây là yêu cầu cấp bách trước mắt cũng như lâu dài, là



Bác sĩ Đỗ Quang Mạch -  
Người đứng giữa đang mổ dạ dày.

yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển của bệnh viện, trẻ hóa, tri thức hóa cán bộ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Đảng bộ, đồng thời coi trọng công tác đời sống vật chất của CNVC, thực hiện đầy đủ các chế độ tiền lương, tiền thưởng, chế độ phụ cấp, các quy chế về chính sách xã hội như thăm hỏi ốm đau, trợ cấp khó khăn...

Nhìn lại chặng đường 10 năm qua, với những

thành tích đạt được đã khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng bộ là nhân tố quyết định trong quá trình xây dựng và phát triển bệnh viện, là quá trình phấn đấu không mệt mỏi của cán bộ - đảng viên. Phát huy kết quả đã đạt được, vượt qua thử thách, khắc phục khó khăn, tiếp tục phấn đấu xây dựng bệnh viện lên chính quy, hiện đại, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân theo đà phát triển của KH - KT, để xứng đáng với vị trí tâm cơ một Bệnh viện Đa khoa của tỉnh.



# BẢO HIỂM XÃ HỘI

## 6 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

**A - MỘT SỐ KẾT QUẢ CỤ THỂ BHXH TỈNH BÌNH THUẬN ĐÃ PHẦN ĐẤU ĐẠT ĐƯỢC TỪ THÁNG 10-1995 ĐẾN CUỐI NĂM 2001 NHƯ SAU:**

### 1. Công tác thu và cấp sổ BHXH:

Tính đến cuối năm 2001, toàn tỉnh đã có 982 đơn vị với 32.135 lao động tham gia BHXH. Kết quả thực hiện thu BHXH từ tháng 10/1995 - 12/2001 là 146.072,12 triệu đồng, liên tục đạt và vượt chỉ tiêu BHXH Việt Nam giao hàng năm, năm sau cao hơn năm trước, tính chung trong 6 năm, đã thu vượt kế hoạch 17,30%.

Tổng số sổ BHXH đã cấp cho người lao động tính đến nay là 32.175 sổ.

### 2. Công tác quản lý chế độ chính sách BHXH:

Từ năm 1995 đến nay đã xét duyệt và giải quyết các chế độ BHXH 5.599 trường hợp, trong đó có 1.038 người

hưởng các chế độ BHXH hàng tháng và 4.561 trường hợp hưởng trợ cấp một lần. Ngoài ra, hơn 21.000 lượt người hưởng hai chế độ ốm đau, thai sản (ốm đau 15.360 lượt người, thai sản 5.660 lượt người).

### 3. Công tác kế hoạch tài chính và chi trả các chế độ BHXH:

Từ 10/1995 - 12/2001, tổng số tiền chi trả các chế độ BHXH tại tỉnh Bình Thuận là 140.249,93 triệu đồng (nguồn NSNN 112.950,35 triệu đồng, nguồn quỹ BHXH 27.299,58 triệu đồng). Trong hơn 6 năm qua, tỷ lệ chi từ nguồn ngân sách nhà nước trong tổng số chi BHXH hàng năm giảm từ 91,73% năm 1995 xuống còn 72,88% năm



Trao sổ BHXH cho người lao động ở huyện Đức Linh.



2001, bình quân giảm 2,69% mỗi năm. Tỷ lệ chi từ quỹ BHXH đã tăng lên, giảm dần gánh nặng của ngân sách nhà nước dành chi cho công tác BHXH.

#### **4. Công tác XDCB:**

Từ chỗ hầu hết phải làm việc nhờ hoặc thuê mượn trụ sở của cả hệ thống, đến nay, sau hơn 4 năm tập trung triển khai, dưới sự quan tâm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, lãnh đạo các cấp và các ngành liên quan của tỉnh, công tác XDCB trên toàn tỉnh đã hoàn thành. 9 trụ sở BHXH huyện và trụ sở BHXH tỉnh đã được xây dựng xong và đã được Bảo hiểm xã hội Việt Nam thẩm định quyết toán với tổng nguồn kinh phí là 7.825 triệu đồng.

#### **5. Công tác kiểm tra:**

Qua năm năm 1997 - 2001, công tác kiểm tra của BHXH tỉnh Bình Thuận đã đạt được một số kết quả như sau:

- Tiến hành 134 đợt kiểm tra việc thực hiện Điều lệ BHXH tại BHXH các huyện, thành phố, các đơn vị sử dụng lao động và một số phòng chức năng BHXH tỉnh. Qua kiểm tra, đã đề nghị truy thu 22,02 triệu đồng chi sai chế độ và đề nghị truy trả 4,84 triệu đồng cho người lao động do chi không đúng chế độ, đề nghị truy thu 26,78 triệu đồng do đơn vị tính thiếu khi trích nộp BHXH. Bắt buộc một số doanh nghiệp đăng ký tham gia BHXH theo luật định cho 374 lao động. Đề nghị các đơn vị ký hợp đồng lao động với 1.625 người lao động.

- Tiếp nhận, xử lý và trả lời 75 đơn thư khiếu nại về chế độ BHXH cho đối tượng hưởng BHXH và người lao động trong toàn tỉnh.

#### **6. Công tác tổ chức cán bộ:**

BHXH tỉnh Bình Thuận có 09 BHXH huyện, thành phố trực thuộc và 05 phòng chức năng, 71 CB - CC. Được sự quan tâm thường xuyên chỉ đạo của BHXH Việt Nam, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Thuận, thời gian qua công tác tổ chức của BHXH tỉnh Bình Thuận từng bước được củng cố, đi vào ổn định, hoạt động có nề nếp, hoàn thành chức năng, nhiệm vụ được giao hàng năm.

Tính đến thời điểm cuối năm 2001, đã có 34% CB - CC có trình độ đại học, riêng văn phòng có 56%. Được sự chỉ đạo của BHXH Việt Nam và Ban Tổ chức Tỉnh ủy, thời gian qua, BHXH tỉnh Bình Thuận đã bước đầu triển khai công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo (cấp tỉnh) đến năm 2010.

Nhìn chung, sau hơn 6 năm đi vào hoạt động, được sự quan tâm chỉ đạo toàn diện của BHXH Việt Nam, cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp, các cơ quan, ban ngành cũng như sự ủng hộ, hợp tác chặt chẽ của các đơn vị sử dụng lao động và người lao động trong tỉnh, với sự nỗ lực không ngừng và tinh thần trách nhiệm cao của tập thể CB - CC trong ngành, BHXH tỉnh Bình Thuận đã thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao, hoàn thành nhiệm vụ chính trị của mình. Công tác BHXH ngày càng gắn gũi với người lao động, lấy nhiệm vụ phục vụ người lao động và đối tượng hưởng BHXH làm mục tiêu hoạt động. Công tác BHXH tỉnh ta từng bước đi vào nề nếp, theo hướng phát triển ổn định, được dư luận đồng tình ủng hộ và sự hỗ trợ của các cấp lãnh đạo và các ban ngành có liên quan trong tỉnh, góp phần vào sự ổn định tình hình kinh tế xã hội tại địa phương.



# CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Đại lộ NGUYỄN TẤT THÀNH - PHAN THIẾT

Tel: 829417 - 827804

Fax: 829410

**N**gày 27 tháng 3 năm 1996 Bộ Tài chính đã ra quyết định số Quyết định số 281 TC/TCNH cho phép Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (Bảo Việt) là một doanh nghiệp bảo hiểm nhà nước duy nhất và đầu tiên triển khai hoạt động bảo hiểm nhân thọ trên phạm vi cả nước.

Trên thế giới lịch sử phát triển bảo hiểm nhân thọ đã có cách đây hơn 400 năm.

Hoạt động bảo hiểm nhân thọ của Bảo Việt đã góp phần xây dựng cho nhân dân ta lối sống văn hóa truyền thống dân tộc, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Việc tham gia bảo hiểm nhân thọ không chỉ có lợi cho bản thân, gia đình mà còn mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội nữa.

Tại Bình Thuận, hoạt động bảo hiểm nhân thọ được chính thức triển khai từ tháng 5 năm 1997. Do có tốc độ phát triển cao cũng như những thành quả cơ bản ban đầu được ghi nhận nên là một trong 27 địa phương đầu tiên (không kể Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh) vinh dự được Bộ Tài chính ra quyết định thành lập Công ty Bảo hiểm Nhân thọ kinh doanh độc lập về bảo hiểm nhân thọ tại địa phương trên cơ sở tách ra từ Công ty Bảo hiểm Bình Thuận.

Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Bình Thuận chính thức ra mắt hoạt động tại địa phương từ ngày 19-5-2000 đến nay với 30 cán bộ quản lý, gần 400 nhân viên khai thác và 9000 vệ tinh. Công ty hiện đang có 08 văn

phòng đại diện đặt tại các huyện trong tỉnh.

Cùng với thành quả của toàn ngành đạt được trong hơn 4 năm qua, hoạt động bảo hiểm nhân thọ tại Bình Thuận cũng gặt hái những thành công bước đầu đáng phấn khởi. Số lượng hợp đồng, tính đến cuối năm 2001 đã có hơn 26 ngàn hợp đồng tham gia bảo hiểm nhân thọ của gần 30 ngàn hộ gia đình.

Với kết quả này, đã đưa Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Bình Thuận đang trở thành 1 trong 10 đơn vị có doanh số cao nhất toàn ngành (không kể Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh). Và là đơn vị có tỷ lệ khách hàng tiềm năng tham gia bảo hiểm nhân thọ cao nhất trong cả nước.

Đạt được thành quả này, trước tiên là nhờ vào lòng tin của nhân dân đối với Bảo Việt, sự lãnh đạo chỉ đạo cũng như sự giúp đỡ của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh và Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam. Sự ủng hộ, hợp tác của các cơ quan, ban ngành tại địa phương đặc biệt là ngành giáo dục đào tạo cùng với sự đoàn kết nỗ lực của toàn thể cán bộ, nhân viên trong công ty.

Các nhiệm vụ trọng tâm của Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Bình Thuận trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005:

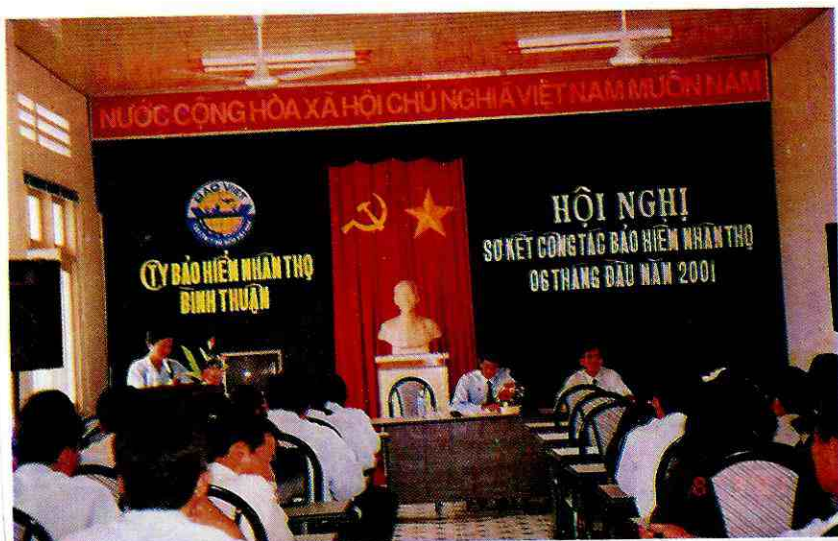


\* Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao và hiệu quả kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

\* Xác định thời điểm thuận lợi tham gia tích cực và có hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính, góp phần thúc đẩy phát triển nền kinh tế địa phương.

\* Tăng cường các biện pháp nghiên cứu nhu cầu thị trường nhằm tăng khả năng đáp ứng tốt nhu cầu khách hàng.

\* Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng bằng công nghệ tiên tiến, tạo ra sự



khác biệt về chất lượng dịch vụ, từng bước xây dựng, duy trì và cải tiến theo hệ thống quản lý chất lượng toàn diện ISO 9000 (TQM), coi đó là biện pháp tiêu chuẩn hóa và nâng cao chất lượng toàn diện, giữ vững và đề cao được uy tín, biểu tượng doanh nghiệp trên thị trường.

\* Nâng cao trình độ kinh doanh tương xứng theo trình độ quốc tế: về sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao, các qui trình quản lý, dịch vụ được tiêu chuẩn hóa.

\* Tăng cường đào tạo nhân lực, coi đây là giải pháp trọng tâm để tạo độ đồng đều trong trình độ, rèn luyện, tạo sự chuyển biến thật sự về phong cách phục vụ của CBCNV.

\* Nâng cao mức độ đầu tư cho hệ thống thông tin, trụ sở, thiết bị văn phòng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tin học, coi tin học là biện pháp đòn bẩy trong nâng cao trình độ quản lý và dịch vụ khách hàng.

\* Phương châm thời kỳ này là:

**ĐỔI MỚI - TĂNG TRƯỞNG - HIỆU QUẢ**



# BẢO VIỆT BÌNH THUẬN 10 NĂM HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN (1992 - 2002)

**B**ảo Việt Bình Thuận là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam, với nhiệm vụ xây dựng quỹ dự trữ bảo hiểm nhằm bồi thường cho những tổ chức và cá nhân không may bị thiên tai, tai nạn bất ngờ, giúp người được bảo hiểm nhanh chóng ổn định sản xuất và đời sống, góp phần ổn định kinh tế - xã hội tại địa phương.



Trụ sở Bảo Việt Bình Thuận.

Sau khi chia tách tỉnh, thị trường của Bảo Việt Bình Thuận bị thu hẹp, nhưng hoạt động kinh doanh ngày càng phát triển. Sự nghiệp đổi

mới do Đảng phát động và tiến hành làm cho kinh tế nước ta nói chung và tỉnh Bình Thuận nói riêng có nhiều khởi sắc, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày được cải thiện. Cùng với sự đi lên của kinh tế - xã hội tỉnh nhà, hoạt động của Bảo Việt Bình Thuận có những bước tiến nhanh chóng về chất lượng phục vụ và kết quả kinh doanh.

Thực hiện phương châm "phục vụ khách hàng một cách tốt nhất để phát triển", Bảo Việt Bình Thuận luôn chú trọng phát triển



Bảo Việt Bình Thuận tổ chức kỷ niệm 20 năm ngày thành lập (1979 - 1999).



nghiệp vụ nhằm đa dạng hóa sản phẩm, số lượng nghiệp vụ bảo hiểm rủi ro tăng dần từ 17 năm 1992 lên 34 nghiệp vụ vào năm 2002, bao gồm các lĩnh vực bảo hiểm tàu thủy, xe cơ giới, con người, bảo hiểm tài sản và trách nhiệm. Với số lượng nghiệp vụ phong phú, phạm vi và mức trách nhiệm bảo hiểm không ngừng được cải tiến, mở rộng hoặc nâng lên, chất lượng sản phẩm ngày càng hoàn thiện, Bảo Việt Bình Thuận đã đảm bảo cho khách hàng được hưởng quyền lợi cao nhất, đáp ứng được mọi yêu cầu về bảo hiểm rủi ro của các tầng lớp dân cư, ngành nghề, các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài; góp phần thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng, phục vụ cho chương trình phát triển ngư nghiệp và kinh tế biển, phát triển giao thông và chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Ý thức việc nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng là cơ sở để cạnh tranh thắng lợi, mở rộng thị trường và kinh doanh có hiệu quả, trong 10 năm qua Bảo Việt Bình Thuận ngoài việc củng cố các hoạt động bảo hiểm đối nội truyền thống, đổi mới phong cách phục vụ, cải tiến và hoàn thiện các khâu cấp đơn, giám định và xét bồi thường, từng bước thành lập 08 phòng bảo hiểm ở các huyện và văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng mạng lưới phục vụ với trên 300 đại lý chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp, phân cấp trách nhiệm cho cơ sở, nhằm tạo thuận lợi cho khách hàng mua bảo hiểm và nhận quyền lợi bảo hiểm, Bảo Việt Bình Thuận còn chú trọng đào tạo nâng cao trình độ các nghiệp vụ bảo hiểm đối ngoại, kỹ thuật như BH hàng hóa xuất nhập khẩu, BH phục vụ đầu tư... Nhiều khách hàng tham gia bảo hiểm tại Bảo Việt BT với hợp đồng có giá trị lớn như công trình thủy điện Hàm Thuận Đa Mi, dự án nâng cấp QL 1A (đoạn R 200), QL 55, hồ Cà Giây, cảng cá Phan Thiết, Lagi, Phú Quý, KS Novotel, Công ty Ximent Hà Tiên, XN bột giặt Tico (thành phố Hồ Chí Minh), uy tín của Bảo Việt Bình Thuận ngày càng nâng cao. Được sự quan tâm chỉ đạo của Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự hỗ trợ, phối hợp của các cơ quan, ban ngành trong tỉnh, tập thể CB - CNV Công ty đã đề ra và phấn đấu thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh doanh, với từng bước đi cụ thể: "củng cố và phát triển" "tăng trưởng và hiệu quả", doanh thu bảo hiểm phi nhân thọ của Bảo Việt Bình

Thuận tăng vọt từ 4,4 tỉ đồng năm 1992 lên 29,2 tỉ đồng năm 1998, là một trong 6 đơn vị có doanh thu cao nhất trong hệ thống Bảo Việt, tăng trưởng hàng năm từ 1,4 đến 1,6 lần. Số lượng xe cơ giới, tàu thuyền, người lao động tham gia bảo hiểm tăng lên nhiều lần, tăng nhanh nhất là lĩnh vực bảo hiểm cháy, kỹ thuật, bảo hiểm phục vụ đầu tư, từ tỉ trọng 4% trong cơ cấu doanh thu năm 1992 tăng lên 38%, đóng vai trò chủ lực trong phát triển kinh doanh. Từ năm 1999, với sự ra đời và cạnh tranh quyết liệt của các công ty bảo hiểm nội bộ chuyên ngành và các công ty bảo hiểm thương mại khác, tốc độ tăng trưởng của Bảo Việt Bình Thuận có chậm lại, nhưng đều hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch được giao. Hàng năm Bảo Việt Bình Thuận nhận bảo hiểm hơn 2.600 xe ô tô, 25.000 xe mô tô, 2.600 tàu đánh cá, 187.000 học sinh, 133.000 người lao động, 756.000 lượt hành khách và khách du lịch, hàng chục triệu USD kim ngạch hàng hóa XN khẩu, hàng trăm triệu USD giá trị tài sản. Qua đó, hàng năm Bảo Việt Bình Thuận bồi thường gần 30.000 trường hợp bệnh tật, tai nạn của khách hàng, đặc biệt là các rủi ro do thiên tai, bão số 5 năm 1997, lũ quét tháng 7 năm 1999 được bồi thường kịp thời, nhanh chóng khắc phục rủi ro, khôi phục sản xuất.

Bảo Việt Bình Thuận tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua lao động giỏi, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, mua công trái xây dựng tổ quốc, đền ơn đáp nghĩa, phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, trợ giúp cha mẹ liệt sĩ, trao học bổng, hiện vật giúp học sinh nghèo vượt khó... với giá trị hàng trăm triệu đồng/năm.

Trong 10 năm qua, Bảo Việt Bình Thuận luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, kinh doanh có hiệu quả, hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước. Với những thành tích trên, Bảo Việt Bình Thuận đã được khen thưởng: Huân chương Lao động hạng 3 năm 1997, Bằng khen của Chính phủ năm 1995, bằng khen của Bộ Tài chính các năm 1992, 1996 và Bằng khen đơn vị có thành tích xuất sắc nộp ngân sách Nhà nước 5 năm (1995 - 1999), nhiều Bằng khen của UBND tỉnh. Năm 2002, Bảo Việt Bình Thuận đang được Chính phủ xét khen thưởng thành tích nộp ngân sách Nhà nước.



# 10 NĂM HOẠT ĐỘNG

## KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG (1992 - 2001)

**M**ười năm qua, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự chỉ đạo về chuyên môn của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (KHCN và MT), hoạt động KHCN tỉnh nhà đã có những tiến bộ đáng kể; đặc biệt là đã tích cực áp dụng các thành tựu tiến bộ KHCN và tiếp nhận, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật (TBKT) vào phục vụ trên nhiều lĩnh vực KT - XH, góp phần đáng kể vào quá trình CNH - HĐH của địa phương.

1. Trong 10 năm, ngành KHCN và MT tỉnh đã phối hợp với các cơ quan trong tỉnh và các cơ quan của TW triển khai 179 đề tài, dự án phục vụ phát triển KT - XH địa phương.

2. Trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: Ngoài "Địa chí Bình Thuận" do Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo, các đề tài do các cơ quan, ban ngành nghiên cứu đã đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần tích cực phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền địa phương, giáo dục truyền thống cách mạng, bảo tồn di sản văn hóa - lịch sử của nhân dân, giữ gìn an ninh trật tự ở địa bàn dân cư...

3. Trong lĩnh vực khoa học tự nhiên:

+ Về nông nghiệp và phát triển nông thôn: - Công tác giống cây trồng, vật nuôi ngày càng được quan tâm nghiên cứu, triển khai ứng dụng theo hướng năng suất cao, chất lượng tốt, góp phần vào việc nâng cao năng suất, giá trị xuất khẩu. Trên 50 giống lúa mới có năng suất, chất

lượng cao, chống chịu được sâu bệnh: được đưa vào sản xuất. Các giống ngô lai (bắp) cho năng suất cao đang được trồng đại trà, cho năng suất tăng gấp 3,5 - 4 lần so giống bắp địa phương. Các giống mỳ cao sản, nhiều giống đậu: đậu xanh, đậu phụng (lạc), vừng vàng (mè) cho năng suất khả quan. Từ đó đã góp phần đưa sản lượng lương thực từ 225.000 tấn năm 1992 lên 385.000 tấn năm 2001. Nổi bật là cây thanh long của Bình Thuận quả to, chất lượng tốt, tăng khả năng cạnh tranh trong xuất khẩu. Đặc biệt bà con nông dân đã biết áp dụng TBKT vào sản xuất như dùng đèn điện thấp sáng vào ban đêm để thanh long ra quả trái mùa vụ, đem lại lợi nhuận cao. Một số giống cây công nghiệp như cao su, bông vải, điều... đã được chọn lọc và lai tạo để trồng đại trà.

- Trong chăn nuôi ngoài việc nâng cao sản lượng các giống gia cầm có chất lượng tốt như gà - vịt siêu thịt - siêu trứng đã tập trung chủ yếu cho mục tiêu sinh hóa đàn bò, nạc hóa đàn heo.

- Cơ giới hóa nông nghiệp được đẩy mạnh, năm 1992 một vài nơi làm đất bằng máy thì đến năm 2002 đã cơ giới hóa khâu làm đất từ 85 - 90%, thu hoạch bằng máy có nơi đạt trên 90%. Các công trình thủy lợi như hồ Sông Quao, Cà Giây, Đá Bạc, đập dâng Ba Bàu... đã phát huy tốt hiệu quả nâng diện tích gieo trồng được tưới chủ động lên trên 60.500 ha.

+ Về thủy sản: - Thực hiện chương trình đánh bắt xa bờ, đầu tư đóng mới tàu có công suất lớn, trang bị hiện đại,





**Hội nghị triển khai Chỉ thị 58 CT/TW của Bộ Chính trị và kế hoạch 07 KH-TU của Tỉnh ủy Bình Thuận.**

áp dụng TBKT trong đánh bắt. Năm 1992 các tàu thuyền có công suất phần lớn dưới 60 CV thì đến năm 2002 toàn tỉnh có 266 tàu có công suất từ 90 CV trở lên (ngoài ra có khoảng 5.000 tàu có công suất dưới 90 CV).

- Về nuôi tôm, từ 1 vài hộ nuôi tôm sú quảng canh năng suất chỉ đạt 200 kg/ha/vụ năm 1992 và một số trại tôm giống thì đến năm 2002 toàn tỉnh có 1.100 ha nuôi tôm thịt sản lượng đạt 1.900 tấn; và 136 cơ sở sản xuất tôm giống với lượng tôm sản xuất khoảng 1.500 triệu Post/năm.

#### **4. Trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng - giao thông:**

- Đã đầu tư đổi mới công nghệ và thiết bị sản xuất, ứng dụng TBKT nhằm nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã: nước suối Vĩnh Hảo, nước mắm Phan Thiết... Hoàn thiện và đổi mới các quy trình chế biến hạt điều, bia, may mặc xuất khẩu, khai thác và chế biến đá xây dựng; Đầu tư công nghệ mới vào ngành in, chế biến gỗ, đông lạnh xuất khẩu; sử dụng kỹ thuật thi công mới trong xây dựng

các công trình thủy và đường bộ, ứng dụng vật liệu mới trong đóng sửa tàu thuyền. Ứng dụng công nghệ chế biến nông sản sau thu hoạch. Ngành Bưu điện đã áp dụng nhanh thành tựu KHCN mới nhất về bưu chính viễn thông đã xây dựng hệ thống tổng đài điện tử và mạng viễn thông tự động hóa toàn tỉnh, nâng mật độ điện thoại từ xấp xỉ 0,5 máy/100 dân năm 1992 lên gần 4 máy/100 dân năm 2002. Đến nay

100% xã có đường ô tô đến trụ sở.

+ *Công nghệ thông tin:* Năm 1992 CNTT của tỉnh còn hạn chế đến nay được ứng dụng rộng rãi trên hầu hết các lĩnh vực. Hiện có 6 cơ sở đào tạo tin học cho khoảng 4.650 lượt người, 15% tổng số CBVC khối HCSN biết sử dụng vi tính. Có khoản 160 cán bộ tin học từ trung cấp trở lên, sử dụng 230 chương trình ứng dụng khác nhau. Đã xây dựng bước đầu cơ sở hạ tầng CNTT, bao gồm hình thành mạng diện rộng (WAN) kết nối với 21 mạng cục bộ (LAN) ở 8/9 huyện - thành phố và 13 Sở - Ban - Ngành. Hiện có khoảng 300 đơn vị, cá nhân kết nối Internet. Từ năm 2000, UBND tỉnh đã triển khai đề án Intranet Bình Thuận và chuẩn bị tham gia vào việc đưa thông tin lên mạng Internet.

+ *Về tiềm lực KHCN, cơ sở vật chất kỹ thuật:*

- Toàn tỉnh hiện có gần 20 đơn vị KH - CN bao gồm các trung tâm, trạm, trại làm công tác nghiên cứu, triển khai và ứng dụng các TBKT. Lực lượng cán



bộ khoa học được tăng lên cả về số lượng lẫn chất lượng, năm 1992 toàn tỉnh chỉ có khoảng 2.220 cán bộ có trình độ đại học trở lên (trong đó có 2 thạc sĩ và 1 phó tiến sĩ) thì năm 2002 có gần 6.000 cán bộ trình độ đại học trở lên (trong đó có trên 100 thạc sĩ và tương đương và 4 tiến sĩ).

**- Phương hướng, kế hoạch chủ yếu năm 2001 - 2005.**

\* **Về khoa học XH & NV:** Tập trung tổng kết, đánh giá nghiệm thu công trình "Địa chí Bình Thuận". Nghiên cứu và có biện pháp cải tạo tập quán lạc hậu, cổ vũ thuần phong mỹ tục, xây dựng nếp sống văn minh gia đình văn hóa, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phát triển nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, truyền thống riêng của Bình Thuận.

\* **Về khoa học và công nghệ:**

+ **Lĩnh vực nông nghiệp & PTNT:** Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng thành tựu công nghệ (CN) sinh học để giải quyết vấn đề giống cây trồng vật nuôi. Về trồng trọt: Nâng cao năng suất và sản lượng

bằng việc nhập nội, lai tạo, tuyển chọn, thuần hóa và cải thiện các giống lúa và giống màu có năng suất cao, phẩm chất tốt, không sâu bệnh. Áp dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào, nhân nhanh các giống cây ăn quả có chất lượng, có lợi thế cạnh tranh trên thị trường, ưu tiên cây thanh long - Cây công nghiệp: Tập trung cho cây bông vải, điều, mía, chú trọng khâu giống và nhân giống bằng CN nhân vô tính. Cây lâm nghiệp: Tập trung cho việc phát triển cây nguyên liệu giấy, phục hồi tái sinh rừng, tham gia chương trình trồng 5 triệu ha rừng của Chính phủ - Chăn nuôi: Tiếp tục chương trình sinh hóa đàn bò, nạc hóa đàn heo để có thịt xuất khẩu; phát triển chăn nuôi kiểu trang trại và bán công nghiệp cho nông dân (vịt siêu thịt, gà thả vườn).

+ **Lĩnh vực thủy sản:** Đầu tư CN sinh học trong nuôi trồng thủy sản tạo ra sản phẩm có giá trị xuất khẩu, đưa các hoạt động khai thác thủy sản theo hướng CNH - HĐH nghề cá.

+ **Ứng dụng công nghệ vật liệu mới:**

Chuyển giao các CN thích hợp trong bảo quản và chế biến nông sản; phát triển tiểu thủ CN và CN nông thôn; ứng dụng vật liệu mới trong xây dựng, giao thông, thủy sản... Đẩy mạnh ứng dụng CN tin học trong công tác lãnh đạo, quản lý, sản xuất kinh doanh và trong sinh hoạt. Đến năm 2005 chi ngân sách địa phương cho KH-CN đạt tỷ lệ 2%.



Lớp tập huấn về sở hữu công nghiệp 15/12/2000.



# CÔNG TY XÂY LẮP

# RẠNG ĐÔNG

Địa chỉ liên hệ : 088B Trần Hưng Đạo - Phan Thiết - Bình Thuận

Tel : 062.822301 - Fax : 062.828093

Email : rangdong@hcm.vnn.vn



*(Đường giao thông vùng cao Liên Hương - Phan Dũng (Tuy Phong), do công ty thi công, hoàn thành tháng 10-2001)*

## **CHUYÊN THI CÔNG CÁC LOẠI CÔNG TRÌNH :**

- \*  **GIAO THÔNG**
- \*  **DÂN DỤNG**
- \*  **CÔNG NGHIỆP**
- \*  **THỦY LỢI**

*Giám đốc :* NGUYỄN VĂN ĐÔNG



# NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ SỬA CHỮA ĐƯỜNG BỘ 718 (1993 - 2002)

**T**hành lập từ tháng 10/1993 tên gọi ban đầu là Phân khu Quản lý và Sửa chữa Đường bộ 718; tháng 5/98 đổi tên thành Công ty Quản lý và Sửa chữa Đường bộ 718 hoạt động công ích, trực thuộc Khu Quản lý Đường bộ 7, Cục Đường bộ Việt Nam, Bộ Giao thông Vận tải. Thừa hành nhiệm vụ quản lý duy tu, bảo dưỡng 2 tuyến quốc lộ 1A từ km 1670 đến 1700 + 734; QL 28 từ km 02 đến km 94 + 500.



Trụ sở Công ty.

Từ một đơn vị có cơ sở vật chất, xe máy thiết bị, nhân lực, thiếu thốn. Qua các năm, lớn mạnh dần, cơ cấu tổ chức gồm 04 Hạt quản lý, 01 đội sửa chữa đường bộ, 01 đội khai thác sản xuất vật liệu và 01 Trạm thu phí cầu đường (Sông Phan) số lượng CBNV 167 người, trong đó đội ngũ kỹ sư, trung cấp, công nhân kỹ thuật lành nghề lâu năm từng trải kinh nghiệm tỷ lệ 65%.

Do công việc bảo dưỡng thường xuyên, nên bất kỳ ở đâu, thời gian nào, ngày cũng như đêm, CBNV nỗ lực không ngừng kiểm tra, quản lý, đảm bảo giao thông, nhất là thời kỳ bão lũ có sự cố về cầu, cống, đường, đơn vị đều có lực lượng thi công khắc phục tình huống lưu thông, thời gian sớm nhất.

Song song với nhiệm vụ chính, lãnh đạo đơn vị rất quan tâm tích cực tìm kiếm, tạo công ăn việc làm cho CBNV bố trí sử dụng lao động hợp lý ở các khâu như sửa chữa đường bộ, sản xuất khai thác đá cung ứng cho công trường và tham gia xây dựng nhiều công trình giao thông nông thôn, tại địa phương trong tỉnh.

Nhờ đó, 8 năm qua (từ 1993 - 2001) kế hoạch chỉ tiêu của trên giao, năm nào

cũng đạt và vượt, thực hiện đầy đủ trích nộp ngân sách Nhà nước, năm sau cao hơn năm trước. Bình quân mỗi năm từ 300 triệu đến 540 triệu. Riêng Trạm thu phí (mới thành lập từ đầu tháng 3/2001) trong năm 2001 nộp ngân sách Nhà nước trên 23 tỷ. Từng bước đời sống CBNV cải thiện ổn định, nơi ăn chốn ở, làm việc sinh hoạt khang trang, mức thu nhập bình quân một người trên 1 triệu đồng/tháng. Năm 2001 bình quân 1.200.000 đ. Trạm thu phí 1.400.000đ.

Cùng với thời gian, đơn vị ngày một phát triển, tự cân đối trang trải mua sắm trang thiết bị máy móc, để phục vụ yêu cầu ngày càng cao, mới đây, lắp đặt được máy trạm trộn có công suất 50 tấn/giờ, cùng các xe chuyên dùng trải thảm bê tông nhựa, máy sơn tim đường, khả năng đáp ứng cho công trình hoặc khách hàng, các nơi khi có nhu cầu.

Trên cơ sở vừa làm, vừa xây dựng, tích lũy tái tạo sản xuất, đơn vị thực hiện hài hòa 3 lợi ích "Nhà nước, tập thể, cá nhân" người lao động yên tâm, lúc nào cũng gắn bó đơn vị, thể hiện đúng đắn quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình.



Cụ thể qua các năm năng suất lao động bình quân 75.000.000 đ/1 người/năm. Đồng thời đơn vị thực hiện rất đầy đủ các chế độ chính sách cho từng lao động như: BHXH, bảo hiểm tính mạng, bảo hiểm y tế, 3 chế độ ốm đau, thai sản, bệnh nghề nghiệp, kể cả tiền lương, thưởng, tham quan nghỉ mát hoặc chăm lo bảo hộ lao động, huấn luyện an toàn, cấp phát trang bị, tránh sự cố tai nạn lao động khi tiếp xúc công việc nơi công trường (bình quân 1 lao động được hưởng từ 950.000 đồng - 1.200.000 đồng).

Đối với công tác xã hội và công trình phúc lợi, đơn vị hết sức chú ý, tích cực tham gia nghĩa vụ xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, CBNV tự nguyện trích các ngày lương và năm nào cũng đều đặn, đóng góp cho quỹ đền ơn đáp nghĩa tại địa phương. Hiện đơn vị đang phụng dưỡng suốt đời 1 Mẹ liệt sĩ Võ Thị Miêu ở Phong Năm, đã xây dựng 1 nhà tình nghĩa cho Mẹ liệt sĩ Lê Thị Lộc trị giá 25.000.000đ tại xã Hàm Cường, huyện Hàm Thuận Nam, sắp tới sẽ tiếp tục xây dựng 1 nhà tình nghĩa tại huyện Hàm Thuận Bắc. Ngoài ra còn tham gia xây dựng quỹ quốc phòng; lao động công ích; phòng chống bão lũ các công việc từ thiện khác như: Vận động quyên góp ủng hộ bão lụt miền Tây, miền Trung; nạn nhân chất độc da cam; tạo quỹ "Vì người nghèo" giúp đỡ con em có tinh thần hiếu học trong địa phương và khen thưởng con em có thành tích học tập tốt tại đơn vị.

Nhìn chung, dù chức năng hoạt động công ích, nhưng đơn vị cố gắng chủ động tìm việc, phát huy tinh thần tập thể nội



Sản xuất đá xây dựng tại Tân Lập (HTN).

bộ trên dưới một lòng đoàn kết nhất trí, đưa đơn vị ngày càng đi lên. Quá trình được các cấp khen thưởng.

+ Năm 1998 được bằng khen Thủ tướng Chính phủ về thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1996 - 1998 góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.

+ Năm 1999 đón nhận Huân chương Lao động hạng III của Chủ tịch nước.

+ 2 năm liền (2000, 2001) được "Cờ Tổng Liên đoàn" tặng cho đơn vị, có thành tích xuất sắc trong phong trào xanh, sạch, đẹp và an toàn vệ sinh lao động và nhiều bằng khen của các Bộ như Bộ Giao thông Vận tải về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (1999 - 2001), Bộ Y tế có thành tích xuất sắc về chăm lo sức khỏe người lao động năm 2000, Bộ Công an về thành tích xuất sắc 5 năm thực hiện chỉ thị 237 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường biện pháp thực hiện PCCC.

Ngoài ra: Nhiều cờ, bằng khen của Cục Đường bộ Việt Nam, Khu Quản lý Đường bộ 7 và tỉnh Bình Thuận.



Trạm thu phí Sông Phan - Bình Thuận.



Trạm trộn bê tông nhựa.



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC II

# ĐIỆN LỰC BÌNH THUẬN

- Địa chỉ: 01 CƯỜNG ĐẼ - THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - BÌNH THUẬN
- Điện thoại: (062) 822626 - Fax: (84.62) 824768
- Giám đốc: Kỹ sư TRẦN NGỌC LINH

**S**au 10 năm kể từ ngày chia tách tỉnh ĐLBТ nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách để đạt được những thành tích đáng khích lệ trong SXKD góp phần vào công cuộc phát triển KT - XH của tỉnh.



Lắp đặt thiết bị 110 KV Phan Thiết.

+ Đảm bảo vận hành lưới điện an toàn, cung cấp điện liên tục, giảm thời gian mất điện do sự cố. Dịch vụ phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

- + Nộp ngân sách vượt mức kế hoạch.
- + Hoàn thành kế hoạch công ty giao. Có tăng trưởng.
- + Phối hợp với địa phương phát triển đáp ứng được nhu cầu phát triển KT - XH của tỉnh.
- + Đảm bảo công tác quản lý kỹ thuật KTAT và BHLĐ.

10 năm qua, ĐLBТ là một doanh nghiệp có tổ chức bộ máy ổn định, đoàn kết thống nhất và có mối quan hệ gắn bó với các cấp ủy Đảng, chính quyền, địa phương, với đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư, CNKT có nhiều kinh nghiệm; ĐLBТ đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch KT - kỹ thuật, chăm lo phát triển nguồn lực con người, coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn và chính trị tư tưởng cho cán bộ và CNVC nhằm nâng cao trình độ về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa ngành điện.

**Kết quả hoạt động SXKD của ĐLBТ 10 năm qua (1992 - 2002).**



## TỔNG SẢN LƯỢNG ĐIỆN VÀ ĐIỆN THƯƠNG PHẨM THỰC HIỆN TỪ NĂM 1992 ĐẾN 2001 CỦA ĐIỆN LỰC BÌNH THUẬN

(Đơn vị tính: KWH)

Năm	Điện nhận lưới	Điện sản xuất Diesel	Điện thương phẩm
1992	23,462,504	4,834,572	24,452,541
1993	37,099,490	2,448,970	34,382,846
1994	47,877,452	3,691,827	45,438,045
1995	64,067,868	4,277,485	59,047,351
1996	84,442,154	5,874,448	79,963,657
1997	104,697,499	4,554,774	97,686,106
1998	132,762,829	4,637,903	122,481,788
1999	158,845,525	1,573,642	143,415,248
2000	181,625,140	3,937,588	169,822,316
2001	232,508,646	2,348,249	211,923,320
10 năm	1,067,389,107	38,179,458	988,613,218

Lưới điện do Chi nhánh điện Phú Quý bắt đầu xây dựng từ năm 1998 và bắt đầu khai thác vận hành từ tháng 4 năm 1999 cho đến nay, khối lượng cụ thể từng năm được xác định như sau:

1. Nguồn điện Diesel: 6 x 500 KW

2. Lưới điện:

Năm	ĐƯỜNG DÂY						TRẠM BA PHÂN PHỐI							
	1 PHA (Km)		3 PHA (Km)		HẠ THỂ (Km)		SỐ LƯỢNG (Trạm)				D. LƯỢNG (KVA)			
	TSĐL	TSKH	TSĐL	TSKH	TSĐL	TSKH	1 PHA		3 PHA		1 PHA		3 PHA	
							TSĐL	TSKH	TSĐL	TSKH	TSĐL	TSKH	TSĐL	TSKH
1999	5,708	0	15,684	0	13,722	0	24	0	7	0	750	0	735	0
2000	5,708	0	15,684	0,243	13,722	0	24	0	4	2	1100	0	420	365
2001	1,775	0	19,617	0,243	13,722	0	24	4	4	2	1100	50	420	365
SS 1999	Giảm		Tăng	Tăng				Tăng	Giảm	Tăng	Tăng	Tăng	Giảm	Tăng
Với 2001	3,933		3,933	0,243				1	3	2	350	50	315	365

Số khách hàng sử dụng điện : 2982 khách hàng.

Với sự nhiệt tình và trách nhiệm của lãnh đạo CB - CNVC Điện lực Bình Thuận đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra nhận được nhiều bằng khen của các cấp.

2 Huân chương lao động hạng 3.

1 Huân chương bảo vệ ANTO.

2 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nội vụ.

5 năm liền được cờ luân lưu của Bộ Công an.

32 Bằng khen của UBND tỉnh.

36 Bằng khen của các Bộ, Tổng LĐLĐ VN và của giám đốc Công ty Điện lực II.



# HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC, THỂ THAO QUA 10 NĂM (1992 - 2002)

Qua 10 năm tái lập tỉnh, sự đầu tư của Nhà nước và xã hội hóa công tác thể dục, thể thao (TDTT) ở tỉnh ta đạt nhiều thành tựu.

Về cơ sở vật chất đã xây dựng mới hàng trăm sân tập luyện và thi đấu gồm sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân quần vợt, sân bóng bàn... và 4 nhà thi đấu (1 tỉnh, 3 huyện). Trong đó nhà thi đấu tổng hợp tỉnh được xây dựng khang trang, đủ điều kiện để tỉnh tổ chức các giải TDTT do Trung ương và khu vực ủy nhiệm.

Trường nghiệp vụ TDTT tỉnh được thành lập và khai giảng khóa I (1999 - 2000), đánh dấu sự chuyển biến trong đầu tư cho công tác huấn luyện và đào tạo nguồn vận động viên (VĐV) các bộ môn thể thao trọng điểm một cách cơ bản, ổn

định nhằm tiếp cận, nâng cao thành tích thể thao tỉnh nhà.

Ngoài 45 đồng chí cán bộ làm công tác TDTT ở cấp tỉnh; cấp huyện - thành phố 50 đồng chí, còn có hàng trăm cán bộ làm công tác TDTT không chuyên từ tỉnh đến các ngành, các địa phương và cơ sở, như trọng tài, huấn luyện viên, hướng dẫn viên, cộng tác viên... Đồng thời số VĐV tỉnh ta được tuyển chọn vào đội tuyển quốc gia và tuyển trẻ quốc gia hàng năm có khá hơn: Năm 1997 có 1 VĐV; năm 1998 có 1; năm 1999 có 6; năm 2000 có 5 và năm 2001 có 2 VĐV.

Với điều kiện phát triển TDTT của tỉnh ta, Trung ương đã ủy nhiệm cho tỉnh nhà tổ chức các giải lớn cả nước: Như "Giải võ cổ truyền" (7/1999), hay "Giải Việt dã - Báo Tiền phong lần thứ 43"

(3/2002) và đua thuyền ngày 30/4 và 1/5 là những giải trong khuôn khổ Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ IV - 2002. Trong các giải này có những giải có quy mô lớn, như giải Việt dã có 34 đoàn của các tỉnh thành trong cả nước về tham dự. Qua các giải trên, ngành thể dục thể thao Bình Thuận cũng gặt hái được nhiều thành tích, như vô địch giải võ cổ truyền, vượt



Giải việt dã toàn quốc Báo Tiền Phong lần thứ 43-2002.





*Nhà thi đấu tổng hợp Bình Thuận.*

qua các đội mạnh như Bình Định, Quảng Ngãi v.v... và đạt giải nhất toàn đoàn giải đua thuyền toàn quốc.

Để tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", từ nay đến năm 2005 tỉnh ta phải tạo ra sự chuyển biến cơ bản về nhận thức và tạo thói quen rèn luyện thể dục thể thao trên các chỉ tiêu chủ yếu:

- Phần đấu có 20% dân số luyện tập TDTT thường xuyên.

- Đạt 10% số hộ, gia đình thể thao.

- 80% số trường học các cấp làm tốt chương trình giáo dục thể chất.

- Từ 95 đến 100% cán bộ, chiến

sĩ lực lượng vũ trang tham gia rèn luyện thân thể thường xuyên.

- Có từ 18 đến 25 môn TT được luyện tập rộng rãi ở địa phương.

- Triển khai và thực hiện tốt chương trình đào tạo vận động viên tại cơ sở (UBND tỉnh đã phê duyệt) - Thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo VĐV các tuyến.

- Tham gia Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ IV - 2002 và phần đấu đạt 1 huy chương vàng, 2 huy chương bạc và 4 huy chương đồng.

- Mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế TDTT với tỉnh Hồ Bắc (Trung Quốc) kết nghĩa. Tiếp nhận các tình nguyện viên Nhật Bản, Hàn Quốc hỗ trợ công tác đào tạo VĐV cho Bình Thuận.



*Chạy mừng năm mới - Thế kỷ mới (01/01/2001)*



## HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO BÌNH THUẬN (1995 - 2002)

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm	
			1995	1996
I	Thể dục thể thao quần chúng	%	TDTTQC	TDTTQC
1	Số người tập luyện TDTT thường xuyên	% dân số	4	4,3
2	Số gia đình thể thao	% số hộ	1,0	1,02
3	Số trường học các cấp thực hiện tốt chương trình Giáo dục thể chất	% số trường	40	45
4	Số CLB. TDTT + Trong đó: - CLB một môn - CLB đa môn	CLB CLB CLB	92 80 12	133 103 30
5	Số cuộc thi đấu: - Cấp cơ sở, huyện - Cấp tỉnh - thành phố	Cuộc Cuộc Cuộc	82 70 12	89 75 14
II	Thể thao thành tích cao		TTTT cao	TTTT cao
6	Số VĐV tập trung đào tạo: - Đội tuyển - Tuyển trẻ - Năng khiếu Chương trình mục tiêu	VĐV VĐV VĐV VĐV	40	52
7	Số VĐV đạt đẳng cấp: - Kiện tướng - Dự bị kiện tướng - Cấp I	VĐV VĐV VĐV	2 3	2 8
8	Số huy chương đạt được ở các giảiQG: - Vàng - Bạc - Đồng	HC HC HC	3 4 2	5 9 10
9	Số huy chương đạt được ở các giải Quốc tế:	HC		
10	Số huy chương đạt được ở các giải khu vực và mở rộng: - Vàng - Bạc - Đồng	HC HC HC		
11	Tham gia thi đấu các giải quốc gia và khu vực	Giải	16	19
12	Số giải TT đăng cai tổ chức (do T.W ủy nhiệm)	Giải	1	1



## THỂ DỤC THỂ THAO BÌNH THUẬN

Số TT	Năm				
	1997	1998	1999	2000	2001
I	TDTTQC	TDTTQC	TDTTQC	TDTTQC	TDTTQC
1	7,9%	8,2%	9,7%	10,5%	12%
2	1,06%	1,2%	1,7%	5%	5,7%
3	47%	50%	52%	55%	60%
4	300 229 71	318 245 73	346 266 80	377 280 97	397 300 97
5	814 800 14	1305 1293 12	1438 1411 27	1004 984 20	367 350 17
II	T.T thành tích cao	T.T thành tích cao	T.T thành tích cao	T.T thành tích cao	T.T thành tích cao
6	115 VĐV	150 VĐV	10 VĐV 30 VĐV 80 VĐV 127 VĐV	07 VĐV 18 VĐV 99 VĐV 156 VĐV	08 VĐV 52 VĐV 122 VĐV
7	2 KT  6 C.1	2 KT 1DBKT  8 C.1	5 KT  19 C.1	4 KT  14 C.1	4 KT  34 C.1
8	4 B  9 Đ	3 V 9 B 19 Đ	6 V 5 B 26 Đ	5 V 27 B 45 Đ	10 V 11 B 37 Đ
9			1 HC Đồng	1 HC Bạc	
10		Tổng số 19 HC 1 V 5 B 13 Đ	Tổng số 13 HC  2 B 11 Đ	Tổng số 14 HC 6V 5 B 3 Đ	Tổng số 10 HC 3V 3 B 4Đ
11	16 giải	29 giải	24 giải	19 giải	33 giải
12	2 giải	3 giải	9 giải	5 giải	6 giải



# HOẠT ĐỘNG XỔ SỔ KIẾN THIẾT TỈNH BÌNH THUẬN QUA 10 NĂM (1992 - 2002)

**C**ông ty XSKT Bình Thuận được thành lập theo quyết định số 556/QĐ - UB - BT ngày 27-10-1992 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cơ quan Sở ngành, CBCNV công ty đã tích cực chủ động vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để trong quá trình hoạt động 10 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã đạt được những thành tích trên nhiều lãnh vực kinh tế, xã hội, phong trào... Cụ thể là:

## 1. Về mặt kinh tế:

Với chức năng nhiệm vụ là tổ chức phát hành và tiêu thụ vé số kiến thiết để thực hiện việc điều tiết một phần thu nhập nhân rỗi trong các tầng lớp nhân dân, tích lũy tập trung vào ngân sách Nhà nước đáp ứng nhu cầu cân đối ngân sách, đầu tư cho các công trình phúc lợi xã hội, phục vụ thiết thực đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội tỉnh nhà ngày càng phát triển. Để hoàn thành nhiệm vụ, công ty đã chú trọng đầu tư cho việc phát triển hoạt động kinh doanh của mình đúng hướng, từng bước ổn định và phát triển, đạt hiệu quả ngày càng cao, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách hàng năm.

\* Tốc độ tăng trưởng về doanh số tiêu thụ qua các năm:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001
D.thu	44,6	55,3	68,1	66,1	68	129	73	29	94	115,5

\* Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001
NNS	14,7	17,5	22,2	20,5	19	33	22	6	25	30,7

\* Phát triển nguồn vốn:

Từ nguồn vốn thực có trong những ngày đầu, đến nay sau 10 năm hoạt động, nguồn vốn công ty tính đến thời điểm 31/12/2001 là:

- Tài sản cố định : 4,404 tỷ đồng.
- Vốn kinh doanh : 7,411 tỷ đồng.
- Quỹ đầu tư phát triển : 4,632 tỷ đồng.

## 2. Về mặt xã hội:

Công ty hiện có: 56 CBCNV (nữ là 25). Trình độ đại học có 12 người. Luôn bảo đảm có việc làm và thu nhập ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của CNVC luôn được chăm lo, an tâm tư tưởng, đoàn kết xây dựng đơn vị vững mạnh trên nhiều mặt, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Là một doanh nghiệp Nhà nước hoạt động kinh doanh XSKT mang tính đặc thù trong ngành tài chính, thông qua việc ký kết hợp đồng kinh tế nhận bán vé số kiến thiết, công ty đã thu hút và tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn lao động ngoài xã hội trong đó đại lý chính thức với mức chi hoa hồng trong 10 năm là: 89 tỷ, trong

đó năm 2001 là: 15 tỷ đồng, tạo thu nhập bình quân cho đại lý và nhận lại bán lẻ là: 210.000 đ/tháng/người. Lực lượng lao động này bao gồm đủ mọi lứa tuổi, thành phần mà chủ yếu là các gia đình chính sách, thương bệnh binh, cán bộ hưu trí, lao động phổ thông hoặc lao động nghèo ngoài xã hội... rất khó có thể tìm kiếm một việc làm ở các tổ chức kinh tế khác trên địa bàn.

Trong 10 năm qua, tổng số tiền chi trả thưởng cho người trúng thưởng là 341,3 tỷ đồng, đã góp phần cho nhân dân có nguồn thu nhập đáng kể, tạo được sự ổn định và phát triển đời sống kinh tế gia đình.

Từ hoạt động XSKT cũng đã góp phần đáp ứng được nhu cầu vui chơi giải trí cho đại bộ phận nhân dân trong tỉnh, hạn chế tệ nạn cờ bạc, số đề theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Từ nguồn vốn tích lũy XSKT từ năm 1992 đến nay, tỉnh ta đã đầu tư vào các công trình phúc lợi như:

+ Về giáo dục: 55 tỷ đồng.

+ Trường PTTH Nguyễn Đình Chiểu - Phan Thiết vốn đầu tư 100%.

+ Về Y tế: 18,928 tỷ đồng.

+ Văn hóa, thể dục thể thao, cấp thoát nước: 15,023 tỷ đồng.

## 3. Các mặt khác:

Ngoài việc quan tâm tổ chức hoạt động kinh doanh an toàn có hiệu quả, trong quá trình hình thành xây dựng và phát triển của đơn vị, công ty cũng đã chú trọng đầu tư đúng mức trong việc củng cố và xây dựng tổ chức Đảng, tổ chức quần chúng trong đơn vị hoạt động có hiệu quả. Từ đó, 2 năm liền (2000 và 2001) là Chi bộ Đảng "Trong sạch, vững mạnh", 3 năm liền (1999, 2000 và 2001) là đơn vị đạt danh hiệu "Nếp sống văn minh", Công đoàn Công ty 9 năm liền (từ năm 1993 đến 2001) là Công đoàn vững mạnh xuất sắc.

Các phong trào khác có liên quan cũng được duy trì và phát triển mạnh, góp phần không nhỏ đến việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao của đơn vị như:

CNVC công ty tham gia công tác chăm sóc nuôi dưỡng gia đình có công với cách mạng trong thời gian qua (bằng nguồn quỹ phúc lợi tập thể).

- Xây dựng 7 ngôi nhà tình nghĩa trị giá 126 triệu đồng.

- Nhận nuôi dưỡng đến cuối đời cho 24 bà mẹ Việt Nam anh hùng và con của liệt sĩ, tính đến thời điểm cuối năm 2001 là 98 triệu đồng.

- Tặng 12 sổ tiết kiệm cho 12 đối tượng chính sách mỗi sổ trị giá 500.000 đồng = 6 triệu đồng.

- Các hình thức đóng góp khác trên 20 triệu đồng.

- Ủng hộ các phong trào khác như: Bão lụt miền Trung, miền Tây, quỹ vì Phụ nữ nghèo, quỹ người nghèo, quỹ tình thương, quỹ vì trẻ em, quỹ hỗ trợ tài năng trẻ, học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, ủng hộ Cu Ba... với số tiền trên 100 triệu đồng.





# CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH BÌNH THUẬN

## ● ĐỊA ĐIỂM GIAO DỊCH :

- \* Đại lộ Nguyễn Tất Thành - Thành phố Phan Thiết
- \* Điện thoại : 062.822268 - Fax : 062.821968

## ● TRẠM GIAO DỊCH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH :

- \* Số 2 Bis - Đường Đinh Tiên Hoàng - Phường Đakao - Quận 1
- \* Điện thoại : 08.8244041 - Fax : 08.9100907

MỜI  
QUÝ KHÁCH  
THAM DỰ  
XỔ SỐ  
KIẾN THIẾT  
TỈNH  
BÌNH THUẬN



*Kính chúc Quý khách  
Gặp nhiều*

**MAY MẮN,  
HẠNH PHÚC**





# CÔNG TÁC DÂN SỐ - KHHGD VÀ BVCSTE

## 10 NĂM (1992 - 2002)

Những kết quả trong 10 năm qua (1992 - 2002), công tác DS - KHHGD và công tác BVCSGDTE đã đạt được những kết quả đáng phấn khởi: Các cấp ủy Đảng, chính quyền đã đặt đúng vị trí và tầm quan trọng của công tác dân số KHHGD và chăm sóc BVTE trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên đã giảm khá nhanh từ 2,88% năm 1992 xuống còn 1,66% vào năm 2001, tỷ suất sinh



Bà Nguyễn Thị Chính - Chủ nhiệm Ủy ban DS-GD-TE tỉnh trao bằng khen cho các đơn vị làm tốt công tác DS-GD-TE năm 2001.

từ 3,3% năm 1992 xuống còn 2,12% năm 2001, bình quân giảm sinh hàng năm đạt 0,12% vượt chỉ tiêu Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ 9 đề ra. Quy mô gia đình nhỏ từng bước được nhân dân hưởng ứng thực hiện, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên năm 1992 là 51% đến năm 2001 còn 26%. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai tăng nhanh từ 43,3% năm 1992 lên 76,5% năm 2001.

Hệ thống làm công tác DSKHHGD ngày càng được kiện toàn, ngoài cán bộ chuyên trách còn có 1.900 cộng



Hội thi phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em KHHGD, huyện Bắc Bình lần I/2001.



tác viên dân số quản lý 100% địa bàn dân cư trong tỉnh.

Dịch vụ KHHGD được mở rộng đến nay, có 2 cơ sở cấp tỉnh, có 7/9 huyện, thành phố thực hiện được dịch vụ đình sản, 80% số xã có trạm y tế đặt vòng tránh thai, 100% số trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi.

Sự nghiệp bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em có tiến bộ: phần lớn các bà mẹ trẻ nắm được những kỹ năng cơ bản về nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

Tỷ lệ trẻ được tiêm chủng hàng năm đều tăng từ 81,4% năm 1993 lên 94,3% năm 2000. Hầu hết trẻ em dưới 5 tuổi đều được uống vitamin A và Sabin phòng bại liệt. Tỷ lệ khám thai của phụ nữ từ 34,37% năm 1992 lên 75,15% năm 2000. Công tác phòng chống SDD trẻ em ngày càng được xã hội hóa, tỷ lệ SDD từ 49% năm 1992 giảm còn 33% năm 2001.

Mạng lưới trường lớp thuộc các cấp học hàng năm được qui hoạch đầu tư, giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số ngày càng phát triển.

Các hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí, thể thao... Với nhiều hình thức đa dạng thu hút trẻ em tham gia. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có điểm vui chơi giải trí cho trẻ em từ 5% năm 1993 lên 33% năm 2001.

Công tác chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được xã hội quan tâm ngày càng tốt hơn. Số đông trẻ em tàn tật, mồ côi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em con thương binh, liệt sĩ được hưởng những chính sách ưu

đãi của Nhà nước. (Năm 1993 có 694 cháu đến năm 2000 có 1.945 cháu).

\* **Mục tiêu chung:** của công tác dân số gia đình và trẻ em giai đoạn 2001 - 2005.

- Tiếp tục giảm sức ép của sự gia tăng dân số, ổn định quy mô dân số để phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

- Giải quyết từng bước và có trọng điểm từng yếu tố của chất lượng dân số, phân bố dân cư và cơ cấu dân số, làm cho nhân tố con người thực sự trở thành thế mạnh của tỉnh trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

- Tăng cường sức khỏe, nâng cao chế độ dinh dưỡng và các điều kiện vệ sinh an toàn cho trẻ em và bà mẹ là mục tiêu ưu tiên hàng đầu. Mọi trẻ em sinh ra đều được sống mạnh khỏe và có điều kiện phát triển về thể chất, tinh thần và trí tuệ.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, củng cố tăng cường cơ sở vật chất trường học, tạo mọi điều kiện tốt nhất để phát triển giáo dục, thực hiện xã hội hóa giáo dục.

- Chăm lo tạo điều kiện cho mọi trẻ em được vui chơi giải trí, lành mạnh, được hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, du lịch nhằm tạo cơ sở cho các em phát triển toàn diện.

- Quan tâm chăm sóc ngày càng tốt hơn số trẻ em bị tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, góp phần làm cho mọi trẻ em đều được bảo vệ và phát triển, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

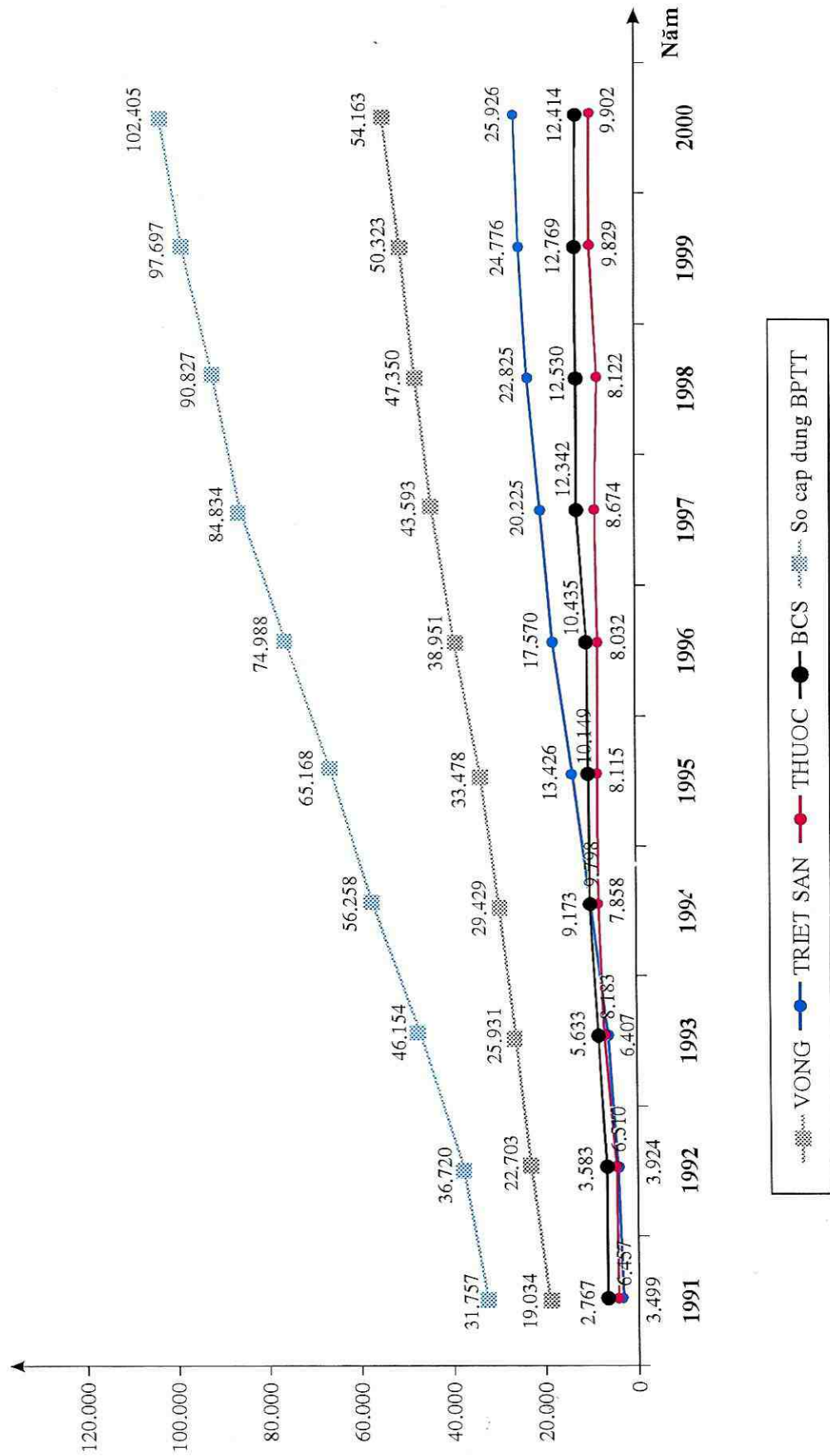


## SỐ LIỆU VỀ DSKHHGD VÀ BVCSTE 10 NĂM (1992 - 2002)

Nội dung	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001
Dân số	858986	883980	907931	931530	955272	979732	1001678	1047521	1070023	1088772
Tỉ suất tăng tự nhiên ‰	28,8	28	26,9	25,5	24,4	23	21,6	20,4	17,62	16,64
Tỉ suất sinh thô ‰	33	32,1	31	29,7	28,6	27,1	25,7	24,5	22,24	21,24
Tỉ suất chết thô ‰	4,2	4,1	4,1	4,2	4,2	4,1	4,1	4,1	4,62	4,6
Tỉ lệ sinh con thứ 3 trở lên (%)	51	51	50	45	41	38	34	29	27,5	26
TFR (số con bình quân của 1 phụ nữ)	4,2	4,1	3,9	3,8	3,6	3,3	3,0	2,7	2,6	2,5
CPR (%)	43,3	46,5	52	59	64,5	67,9	71,6	73,5	75	76,5
CPR hiện đại (%)	30	35	40,4	44	49,5	52,7	55,6	57,5	59,1	60,6
Tổng số cặp vợ chồng dùng các BPTT	53.049	58.545	68.320	82.950	93.871	102.075	111.147	120.557	126.829	133.446
Bình quân số lần khám thai của 1 phụ nữ	1,2	1,3	1,5	1,6	1,7	1,8	1,9	2,0	2,2	2,5
Tỉ lệ phụ nữ đẻ ở cơ sở y tế (%)	37,5	41	46	50,5	53,7	61	65	69	75	80
Tỉ lệ tử vong trẻ em <1 tuổi (%)	34	33	32	31	30	29	28	27	26	25
Tỉ lệ trẻ em tử vong < 5 tuổi (%)	49	48	47	46	45	44	43	42	41	40
Tỉ lệ SDD T.em(%)	51,1	50	49,2	47,1	45	43	39,9	39,1	36	33
Tỉ lệ trẻ em sơ sinh <2500gr (%)	18,1	17,1	16	15,1	14	13,2	12,1	11	10	9
Tỉ lệ trẻ em <1 tuổi tiêm chủng đủ 6 loại vắc xin (%)		81,4	87,1	90,2	90,8	91,3	92,9	93,3	94,3	
Tỉ lệ khám quản lý SK TE < 5 tuổi (%)	15,5	18,03	21,69	24,42	17,21	26,96	31,5	34,04	39,86	
Số TE không nơi nương tựa được chăm sóc (cháu)		227	233	317	513	563	722	776	769	
Số TE khuyết tật được chăm sóc (cháu)		336	400	569	705	722	796	960	910	
Số TE được phẫu thuật vá môi và khe hở hàm ếch (cháu)		19	42	42	106	155	117	114	43	110
TE được phục hồi chức năng (cháu)		97	81	167	158	114	53	106	107	160
TE lang thang được chăm sóc (cháu)		25	25	58	61	91	80	185	116	

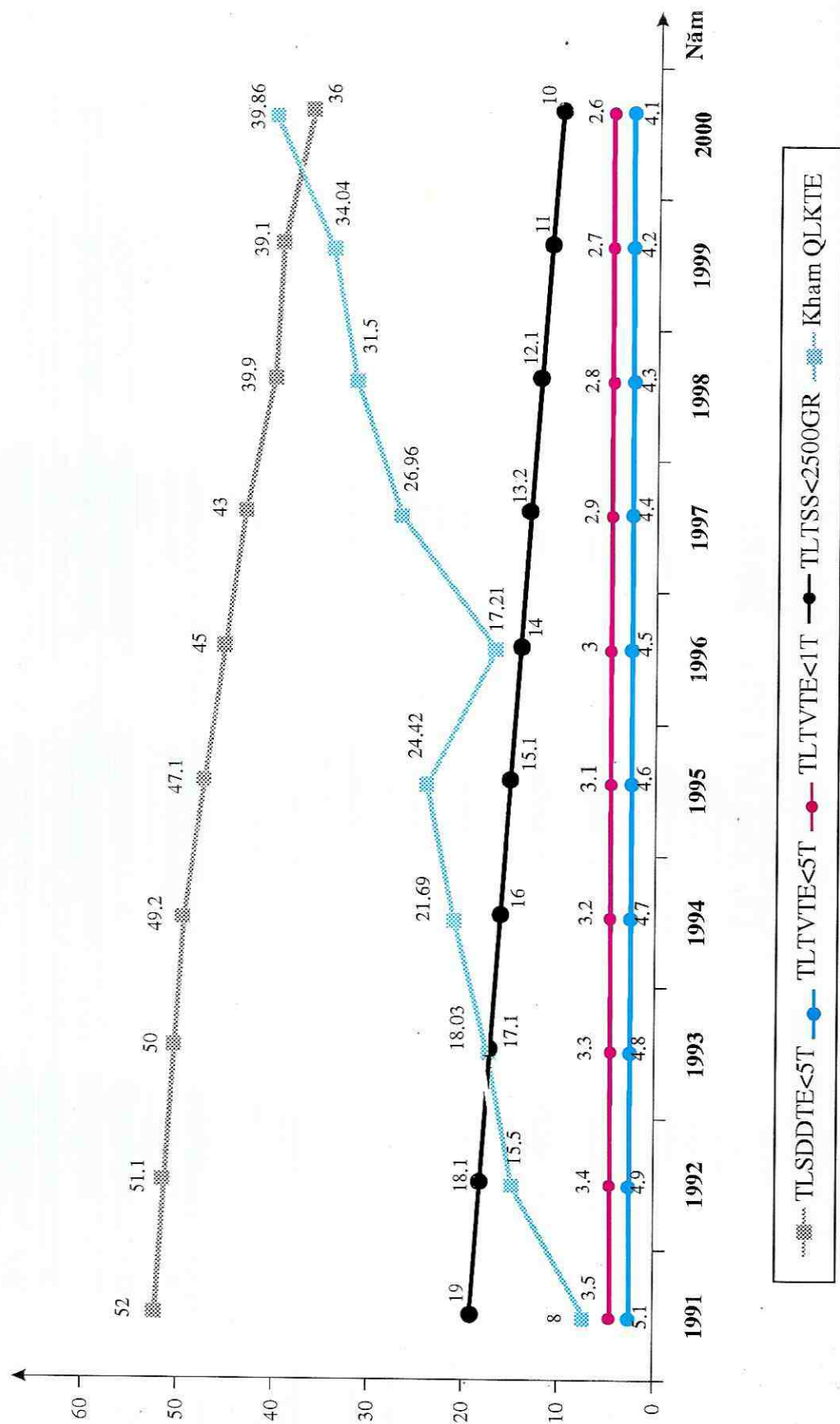


# DỊCH VỤ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH TỪ NĂM 1991 - 2000





# CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM BÌNH THUẬN TỪ NĂM 1991 - 2000





# XÂY DỰNG ĐẢNG

"Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân".

*(Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh)*

"Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng".

*(Lời dạy của Bác Hồ về xây dựng Đảng)*



## TỔNG SỐ CƠ SỞ ĐẢNG TỪ 1992 - 2001

**CƠ SỞ ĐẠT TSMV :** 1994 có 159 đơn vị      1998 có 275 đơn vị  
1995 có 194 đơn vị      1999 có 259 đơn vị  
1996 có 235 đơn vị      2000 có 272 đơn vị  
1997 có 262 đơn vị







Đồng chí Nông Đức Mạnh thăm Khu Di tích Dục Thanh



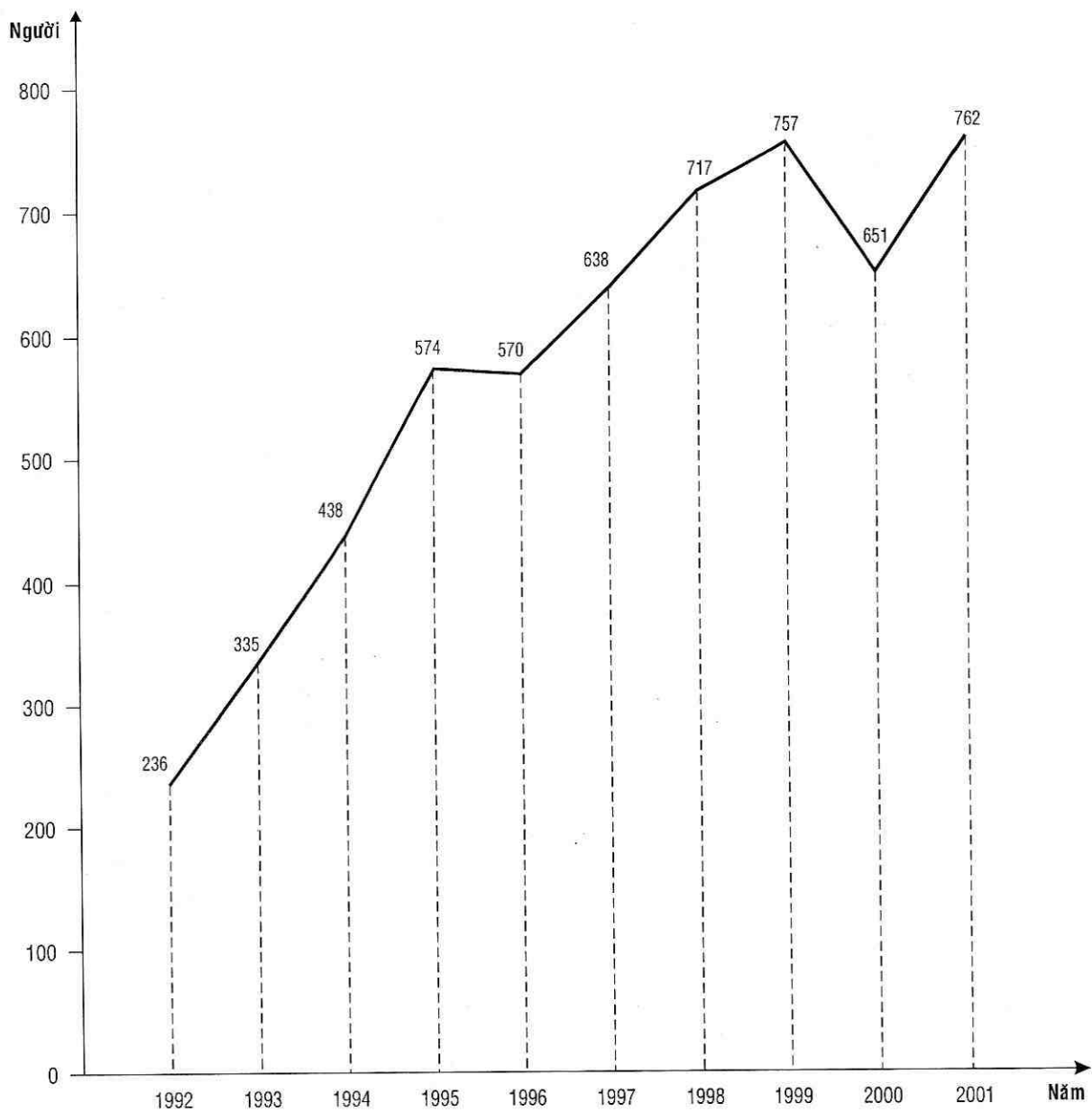
Lễ trao cờ TSVN cho tổ chức cơ sở Đảng



TRONG ĐÓ :	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001
NỮ	1.743	1.867	1.966	2.121	2.348	2.566	2.683	2.971
DÂN TỘC	426	454	480	507	553	588	617	620
TÔN GIÁO	103	87	110	134	152	181	187	202



## BIỂU ĐỒ SỐ LIỆU PHÁT TRIỂN ĐẢNG (TỪ NĂM 1992 - 2001)



TRONG ĐÓ :	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001
NỮ	21	45	81	101	127	179	253	264	232	307
DÂN TỘC	3	16	28	25	28	45	50	43	34	20
TÔN GIÁO		5	19	13	20	23	28	52	37	24





*Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị Hàm Tân*

## SỐ LIỆU VỀ ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH

**A- HỆ ĐÀO TẠO: 5.772 học viên.**

NĂM	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001
LỚP	2	4	6	4	2	5	12	10	13	15
HỌC VIÊN	125	293	452	328	163	395	938	796	1.023	1.259

**B- HỆ BỒI DƯỠNG: 20.761 học viên.**

NĂM	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001
LỚP	14	4	2	12	11	31	32	16	32	16
HỌC VIÊN	1.689	504	275	912	1.295	6.146	3.611	1.450	3.180	1.699



# QUỐC PHÒNG - AN NINH

## KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUÂN SỰ-QUỐC PHÒNG CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TỈNH (1992 - 2002)



*Đổng chí Nguyễn Thành Trung - Chỉ huy trưởng quân sự tỉnh nhận Lẵng hoa của thầy cô học sinh Trường PTH Phan Bội Châu nhân Ngày 20/11/2001.*

Những năm qua trên cơ sở nhận thức đúng đắn hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt từ khi tiếp thu tinh thần Nghị quyết 02/BCT của Bộ Chính trị. Tỉnh ủy có Nghị quyết 05/TV ngày 10/6/1989 về xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành quán triệt, triển khai thực hiện. Sau khi có Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII về quốc phòng - an ninh năm 1994 và năm 1997, Tỉnh ủy có chương trình hành động về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong tình hình mới. Các địa phương đều có chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Tháng 4/1994 tiếp nhận Nghị định 19/CP của Chính phủ về công tác quốc phòng ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương. Với vai trò tham mưu của Bộ Chỉ huy Quân

sự tỉnh giúp Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị định, tổ chức học tập công tác quốc phòng ở địa phương cho bí thư, chủ tịch, chỉ huy trưởng quân sự của 111 xã, phường trong tỉnh. Đẩy mạnh các hoạt động quản lý Nhà nước về quốc phòng ở địa phương, duy trì thường xuyên từng bước đi vào nền nếp, thực hiện có hiệu quả, năm sau tốt hơn năm trước, góp phần giữ vững an ninh quốc phòng ở địa phương.

### \* Những thành tích đã đạt được:

Trong 10 năm qua Bộ CHQS tỉnh đã tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo các đợt diễn tập để không ngừng hoàn thiện cơ chế theo NQ02 của Bộ Chính trị từ năm 1992 đến nay. Đã tiến hành diễn tập nhiều hình thức và quy mô từ thấp đến cao. Trong đó diễn tập cụm liên huyện Tuy Phong, Bắc Bình đạt khá, diễn tập cụm các xã trọng điểm trên toàn tỉnh đạt khá; diễn tập chỉ huy cơ quan quân sự 1 bên 1 cấp được QK đánh giá khá. Năm 1997 tổ chức diễn tập điển hình rút kinh nghiệm cho cơ quan quân sự huyện Hàm Tân một bên 2 cấp đạt kết quả tốt: Năm 1998 chỉ đạo diễn tập chỉ huy cơ quan 1 bên 1 cấp trên bản đồ ở 9/9 huyện, thành phố và trung đoàn 812, tiểu đoàn 482 đạt kết quả khá. Năm 1999 tổ chức diễn tập phòng thủ tại huyện đảo Phú



Quý với quy mô lớn, có động viên quân dự bị và bắn đạn thật cho các loại vũ khí trang bị, kết quả bắn giỏi; năm 2001 được sự chỉ đạo của Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn, tổ chức diễn tập phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn điểm cho 30 tỉnh thành phía Nam được đánh giá cao. Từ kết quả diễn tập đã nâng cao được chức năng tham mưu và trình độ chiến đấu của các cơ quan, đơn vị, DQTV và DBĐV đủ sức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình hiện nay.

**\* Về công tác huấn luyện quân sự:**

Hàng năm tổ chức huấn luyện các đối tượng, chú trọng đổi mới nội dung phương pháp huấn luyện phù hợp với nhiệm vụ từng đối tượng và trang bị cách đánh của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Chất lượng huấn luyện ngày càng nâng lên, số lượng và đầu mối được huấn luyện năm sau cao hơn năm trước, tiến độ huấn luyện bảo đảm đúng đủ theo kế hoạch, năm nào cũng hoàn thành từ

96 - 100% quân số. Đặc biệt DQTV đạt từ 97 - 100% quân số được huấn luyện. Trong gần 10 năm qua (1992 - 2001) đã tiến hành huấn luyện 87.972 lượt đội viên DQTV, trong đó 88% là dân quân cơ động. Đối với lực lượng tập trung thực hiện tốt phương châm huấn luyện "cơ bản, thiết thực, vững chắc". Công tác huấn luyện được thường xuyên gắn với nhiệm vụ dã ngoại giúp dân, vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

**\* Về thực hiện giáo dục quốc phòng:**

Từ năm 1992 đến nay tỉnh đã tiến hành mở 45 lớp tập trung giáo dục kiến thức quốc phòng cho cán bộ chánh, phó văn phòng các huyện, thành phố, Bí thư, Chủ tịch các xã phường, mỗi lớp 40 - 60 đồng chí. Tham mưu đề xuất và cử Bí thư, Chủ tịch, giám đốc Sở, ban ngành đi bồi dưỡng các chuyên đề giáo dục quốc phòng ở Quân khu 5 và Quân khu 7 gồm 58 đồng chí.



**Khởi sĩ quan cấp tá - BCHQS tỉnh trong lễ ra quân huấn luyện 2002.**





*Lễ tuyên thệ chiến sĩ mới - Tiểu đoàn 482.*

Phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục - Đào tạo đưa nội dung, chương trình giáo dục quốc phòng vào học chính khóa cho 19 trường với tổng số 970 lớp học, hơn 45.500 học sinh.

**\* Về công tác xây dựng lực lượng:** Thường xuyên xây dựng, củng cố 3 lực lượng: Lực lượng tập trung, lực lượng DQTV, lực lượng DBĐV trong đó đã chú trọng xây dựng chất lượng chính trị là nhiệm vụ chủ yếu. Đối với lực lượng DQTV, đến nay lực lượng DQTV toàn tỉnh đạt 2,53% so với dân số (26.462 đội viên), trong đó đảng viên đạt 7,4%, đoàn viên đạt 24,4%. Toàn tỉnh có 72 chi bộ quân sự ở 82/115 xã phường có Đảng ủy thuộc 9 huyện, thành phố. Đến nay chỉ huy trưởng xã, phường đội trưởng là đảng viên 113/115 đạt 98%; xã phường đội phó là đảng viên 67/115 đạt 60%; cấp ủy viên 71,115 đạt 60,64%. Về lực lượng DBĐV hiện nay chiếm 2,36% dân số, đã tiến hành sắp xếp đủ đầu mối đơn vị DBĐV

toàn tỉnh đạt 89,07% so với yêu cầu động viên.

**\* Về công tác tuyển quân:** Hàng năm tỉnh chỉ đạo chặt chẽ chủ động đăng ký tuổi 17, công tác tuyên truyền giáo dục luật nghĩa vụ quân sự, thực hiện đúng quy định khâu xét duyệt và miễn hoãn, nhờ đó năm nào công tác tuyển quân và giao quân đều đạt 100%. Từ năm 1998 đến nay chấm dứt không còn quân nhân đào bỏ ngũ về địa phương.

**\* Công tác chiêu sinh, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ kế cận:** Hàng năm đã tiến hành đăng ký tuyển sinh, dự thi hàng trăm em, kết quả trúng tuyển đạt 20 - 25% vào các trường sĩ quan chuyên môn kỹ thuật quân đội. Về xây dựng lực lượng thường trực: Trong các năm qua đã từng bước duy trì ổn định biên chế, quân số thường trực toàn tỉnh đến năm 2001 đạt 96,5%, trong đó sĩ quan: 92%, HSQ 115%, đơn vị chiến đấu 100%. Bảo đảm nâng chất lượng và trình độ chỉ huy của đội



ngũ cán bộ sĩ quan, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình hiện nay.

**\* Về công tác giáo dục chính trị tư tưởng:**

Tổ chức quán triệt đầy đủ Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VII, VIII và IX, Nghị quyết TW và Nghị quyết của các cấp ủy Đảng đến từng cán bộ, đảng viên, quân chúng. Làm chuyển biến căn bản vững chắc về nhận thức của cán bộ, chiến sĩ LLVT tỉnh thấu suốt và nhất trí cao với đường lối chủ trương, chính sách của Đảng. Đặc biệt trước tình hình diễn biến phức tạp của các nước XHCN ở Đông Âu và Liên Xô, đã kịp thời định hướng tư tưởng, nâng cao nhận thức đúng đắn trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Từ đó tạo lòng tin vững chắc vào công cuộc đổi mới của Đảng ta, biến nhận thức thành hành động cách mạng, thực sự thúc đẩy thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quân sự - quốc phòng của tỉnh trong 10 năm qua.

**\* Về công tác xây dựng tổ chức Đảng TSVM và các tổ chức quần chúng VMTD:**

- Tiến hành thường xuyên củng cố các tổ chức cơ sở Đảng. Tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm NQ của Đảng ủy Quân khu, NQ Đảng ủy quân sự tỉnh và các NQ chuyên đề về xây dựng tổ chức cơ sở Đảng TSVM. Tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, trong thực hiện nhiệm vụ quân sự - quốc phòng ở các cấp. Thực hiện tốt công tác phát triển đảng viên mới, riêng lực lượng tập trung từ năm 1992 đến nay đã kết nạp 350 đảng viên, năm nào cũng đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch.

- Tham mưu cho Tỉnh ủy ra chỉ thị tăng cường phát triển Đảng trong lực lượng DQTV và DBĐV để nâng cao chất lượng và tỷ lệ đảng viên lãnh đạo trong các đơn vị DBĐV, DQTV tỷ lệ xã phường VMTD ngày càng cao, đến nay qua phân loại có 45 xã, phường VMTD, 46 xã phường mạnh về quốc phòng - an ninh, 23 xã phường khá.

- Thực hiện có hiệu quả việc xây dựng chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết TW 6 (lần 2) và chỉ thị 03 của Bộ Chính trị, tiến hành kiểm tra 6/9 tổ chức Đảng về thực hiện quy chế, chế độ sinh hoạt Đảng, gắn công tác xây dựng Đảng với công tác cán bộ, trên cơ sở đó tăng cường công tác giáo dục quản lý đảng viên, nâng cao năng lực của các tổ chức cơ sở Đảng.

- Công tác quần chúng luôn luôn được lãnh đạo, chỉ huy các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên củng cố kiện toàn tổ chức hội đồng quân nhân, đoàn thanh niên, hội phụ nữ. Tăng cường công tác giáo dục nâng cao nhận thức chính trị tư tưởng, nhận thức tình hình nhiệm vụ, về truyền thống của dân tộc, của Đảng, quân đội và LLVT địa phương cho mọi đoàn viên thanh niên.

**\* Về công tác bảo đảm HC - KT nâng cao đời sống cho bộ đội:**

Các địa phương đơn vị đã tận dụng mọi tiềm năng, tăng gia sản xuất nâng mức sống của bộ đội cả vật chất lẫn tinh thần, bảo đảm cho cán bộ, chiến sĩ thực sự an tâm với nhiệm vụ. Đặc biệt các năm gần đây, các đơn vị đã đưa thêm vào bữa ăn cho bộ đội từ 1.800 đến 2.500 đ/người ngày. Ngoài ra BCHQS tỉnh huy động kinh phí của trên cấp, kinh phí địa phương hàng chục tỷ đồng củng cố xây dựng, sửa chữa nhà ở, nhà làm việc của các cơ quan quân sự, đơn vị và cơ quan Bộ Chỉ huy từng bước xây dựng nề nếp chính quy, môi trường văn hóa lành mạnh.

Hàng năm đã tiến hành kiểm tra, thanh tra kỹ thuật bảo đảm hệ số an toàn phương tiện, vũ khí trang bị kỹ thuật, chống cháy nổ kho tàng hư hỏng mất mát. Bảo đảm đồng bộ cho các đơn vị SSCĐ, làm nhiệm vụ huấn luyện ở các đơn vị, địa phương, từng bước nâng cao trình độ quản lý khai thác sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn và tiết kiệm.



## **KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 1992 - 2002**

*\* Công tác hậu phương quân đội.*

*- Phụng dưỡng và trợ cấp hàng tháng cho 12 Bà mẹ Việt Nam anh hùng.*

*- Đề nghị Nhà nước phong tặng 668 Bà mẹ Việt Nam anh hùng và 62 tập thể, 15 cá nhân anh hùng LLVTND.*

*- Hỗ trợ sửa chữa nhà cho cán bộ quân đội nghỉ hưu số tiền hơn 50 triệu.*

*- Tổ chức 12 lần họp mặt hơn 8.000 cán bộ, chiến sĩ tham gia kháng chiến chống Pháp, Mỹ và quân tình nguyện Campuchia.*

*- Giải quyết 98 trường hợp thương binh liệt sĩ tổn động trong chiến tranh, báo tử công nhận liệt sĩ 120 trường hợp. Quy tập gần 1.000 mộ liệt sĩ đưa về nghĩa trang.*

*- Giải quyết trợ cấp một lần 418 trường hợp quân nhân chống Mỹ hưởng chế độ chính sách của Nhà nước.*

*\* Xây dựng quỹ tình thương đồng đội gần 500 triệu đồng, cho cán bộ, chiến sĩ vay và trợ cấp, giải quyết một phần khó khăn nâng cao đời sống cán bộ, chiến sĩ.*

*\* Trong năm 2002, công tác tuyển gọi công dân nhập ngũ đạt  $805/805 = 100\%$ , trong đó tỷ lệ đảng viên 25 đồng chí =  $3,2\%$  vượt chỉ tiêu đề ra (2 - 3%).*

*\* Công tác xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, hàng năm có bình quân từ 70 - 80% tổ chức cơ sở Đảng TSVM, trong đó có nhiều tổ chức cơ sở Đảng 5 năm liền đạt TSVM được Thường vụ Tỉnh ủy tặng cờ và bằng khen (Đảng bộ Phòng Chính trị, Chi bộ Ban Tài chính, Đảng bộ Quân sự huyện Đức Linh).*

*\* Công tác cán bộ tính đến nay đã tiến hành chiêu sinh, tuyển sinh, đào tạo trình độ của đội ngũ cán bộ từng bước được nâng lên. Trình độ Đại học 87 =  $24,5\%$ ; trình độ Cao đẳng 106 =  $29,8\%$ .*



# **BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG BÌNH THUẬN**

## **TÍCH CỰC CHỦ ĐỘNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN AN NINH TUYẾN BIÊN PHÒNG BIỂN ĐẢO CỦA TỈNH TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

**T**uyến Biên phòng tỉnh Bình Thuận có chiều dài 192km, với vùng nội thủy rộng 21.600km<sup>2</sup>. Khu vực Biên phòng gồm 31 xã, phường của 05 huyện và 01 thành phố. Đặc biệt có cụm đảo Phú Quý cách đất liền 56 hải lý, giữ một vị trí chiến lược quan trọng về an ninh, quốc phòng, kinh tế, có ý nghĩa quan trọng trong nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh vùng biển đảo của tỉnh.

Tuyến Biên phòng của tỉnh ngày một phát triển phong phú, năng lực đánh bắt thủy sản phát triển nhanh chóng không chỉ về số lượng mà còn phát triển cả về quy mô; khả năng đánh bắt khơi xa và được trang bị phương tiện thông tin liên lạc hiện đại. Là một ngư trường lớn của cả nước phong phú về hải sản, đặc biệt lại có nhiều eo vịnh và cửa sông là nơi thuận lợi cho việc khai thác, neo đậu, trao đổi, buôn bán hàng hóa trên biển. Trong nhiều năm qua tàu thuyền nước ngoài và địa phương khác thường xuyên vi phạm phá hoại ngư trường, tranh chấp, buôn lậu trên biển... gây nên tình hình phức tạp trên biển. Và đây cũng là nơi tập trung nhiều loại đối tượng, phần tử xấu từ nơi khác đến cấu kết với đối tượng tại chỗ phá hoại ta trên nhiều lĩnh vực làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên tuyến Biên phòng, chi phối



*Lễ ký kết chương trình phối hợp "Tủ sách pháp luật" giữa Bộ đội Biên phòng và Sở Tư pháp - Bưu điện - VHTT.*

đến nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới và TTXH.

Mười năm qua, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự chỉ đạo chặt chẽ thường xuyên của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh BĐBP, BĐBP Bình Thuận đã đoàn kết gắn bó, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng, cấp ủy, chính quyền các cấp và mọi tầng lớp nhân dân, phát huy được sức mạnh tổng hợp trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới biển đảo. Chủ động nắm chắc mọi diễn biến, hoạt động của các đối tượng, nhất là âm mưu "Diễn biến hòa bình - bạo loạn lật đổ" của kẻ thù, đã phát hiện, ngăn chặn, bắt giữ, xử lý 41 lượt tàu thuyền nước ngoài vi phạm xâm phạm vùng biển của tỉnh, thu 08 súng AK, 08 súng CKC và 4.800 viên đạn. Truy tố và xử lý vi phạm hành chính 68 trường hợp dùng chất nổ đánh



cá, thu 4,5 kg thuốc nổ, trên 100 kíp nổ và hàng trăm mét dây cháy chậm. Xử lý và hòa giải 105 vụ tranh chấp ngư trường. Kiểm tra, kiểm soát 480.682 lượt tàu thuyền, phương tiện hành nghề trên biển, trong đó có 319 lượt tàu vận tải trong nước và nước ngoài, đã phát hiện bắt giữ 06 vụ buôn lậu trốn thuế trên biển, nổi lên là tàu Bạch Đằng 22, trị giá hàng lậu trên 600 triệu đồng; tàu Bạch Đằng 08 chở lậu hơn 1.000m<sup>3</sup> gỗ. Những kết quả trên đã góp phần không nhỏ cùng với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tỉnh nhà trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc tạo ra môi trường thuận lợi phục vụ đắc lực cho công cuộc phát triển KT - XH ở địa phương.

Là lực lượng nòng cốt, chuyên trách về công tác bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới biển đảo của tỉnh. BĐBP luôn coi trọng vai trò tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương về việc tăng cường chỉ đạo xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh ở các xã phường tuyến biển đảo. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng, các ban ngành, đoàn thể tổ chức tuyên truyền sâu rộng, phát động và hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghĩa vụ và nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở địa phương. Xác định việc phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội ở tuyến biên phòng biển đảo là củng cố thế và lực cho nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh toàn diện vững chắc.

BĐBP tỉnh nhà đã tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân được 1.592 buổi có 197.058 lượt quần chúng tham dự. Biện pháp VĐQC được đổi mới về nội dung, đa dạng về hình thức tuyên truyền, phù hợp với từng vùng, từng địa bàn do vậy chất lượng, hiệu quả ngày càng đáp ứng

được với yêu cầu nhiệm vụ. Thông qua biện pháp VĐQC, BĐBP đã vận động được 73 đối tượng có lệnh truy nã và đối tượng vi phạm pháp luật ra đầu thú, đưa 474 đối tượng ra kiểm điểm trước dân. Tham mưu cho địa phương xây dựng và củng cố 07 tổ chức cơ sở Đảng yếu vươn lên khá, củng cố 48 ban cán sự thôn, tổ dân phố, 36 chi hội phụ nữ, 59 tổ hội thôn xóm, phát triển 3.948 hội viên mới. Xây dựng 468 tổ an ninh nhân dân, 216 tổ tự quản; 16 bến tự quản; 102 tổ hòa giải nhân dân; 54 đội dân phòng. Kết quả xây dựng các mô hình tập hợp quần chúng đã có tác dụng và hiệu quả nhất định trong việc quản lý và cộng đồng trách nhiệm trong xây dựng, phát triển kinh tế gia đình, xây dựng văn hóa làng xã.

Các chương trình phối hợp giữa BĐBP với các sở, ban ngành đã được ký kết và triển khai thực hiện khá tốt, tiêu biểu là chương trình ký kết với Sở Giáo dục Đào tạo trong việc phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. BĐBP Bình Thuận trực tiếp tổ chức mở được 72 lớp học xóa mù và phổ cập tiểu học cho 2.160 học viên, vận động 475 học sinh đi học các lớp do địa phương tổ chức và 120 em học sinh bỏ học đến lớp trở lại. Tham gia cùng với các cấp Hội Phụ nữ vận động 4.703 lượt phụ nữ thực hiện kế hoạch hóa gia đình, khám cấp thuốc chữa bệnh cho 1.843 người dân trị giá gần 10 triệu đồng... Hoạt động của các chương trình ký kết đã thật sự đóng góp một phần tích cực vào sự ổn định tình hình an ninh, chính trị xã hội, sự đổi mới và phát triển tuyến biển đảo của tỉnh.

Thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa, trong 10 năm qua BĐBP đã trực tiếp nhận phụng dưỡng suốt đời 03 mẹ Việt Nam anh hùng, 20 mẹ liệt sĩ neo đơn, nhận đỡ đầu 46 gia đình thương binh



liệt sĩ, giúp 678 ngày công lao động để khắc phục hậu quả lũ lụt, chống biển xâm thực, sửa chữa đường làng, lớp học... đóng góp ủng hộ đồng bào bị hỏa hoạn lũ lụt... gần 100 triệu đồng.

Trong công tác xây dựng lực lượng, Bộ Chỉ huy BDBP Bình Thuận tập trung chú trọng vào công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, vừa tổ chức học tập, quán triệt đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy Đảng, các chỉ thị mệnh lệnh, yêu cầu nhiệm vụ cấp trên giao, vừa kết hợp tổ chức huấn luyện quân sự, nghiệp vụ, hội thao và các hoạt động văn hóa văn nghệ, từ đó đã tạo nên không khí hoạt động sôi nổi, bộ đội yên tâm gắn bó với đơn vị, xác định chức trách nhiệm vụ được giao, xây dựng bản lĩnh chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật, nề nếp chính quy, xây dựng mối quan hệ đoàn kết, nếp sống và phong cách làm việc. Trong 10 năm, BDBP Bình Thuận đã hoàn thành xuất sắc 15 khóa huấn luyện chiến sĩ mới với chất lượng huấn luyện cao, đảm bảo quân số luân chuyển sẵn sàng chiến đấu và thực hiện nhiệm vụ chính trị. Có 247 lượt cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan được đi đào tạo cơ bản ở các trường nghiệp vụ trong và ngoài quân đội, 175 lượt quân nhân chuyên nghiệp và công nhân viên quốc phòng được nâng bậc lương và thi tay nghề. Tính đến quý I/2002 chất lượng cán bộ sĩ quan của BDBP Bình Thuận là 100% được đào tạo cơ bản, trong đó có 65% trình độ Đại học và tương đương, 100% cán bộ đảng viên có trình độ lý luận chính trị phổ thông trở lên. Đặc biệt Đảng bộ đã nghiêm túc triển khai thực hiện nội dung, tinh thần Nghị quyết TW6 lần 2 (khóa 8), đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng này đã có tác động toàn diện đến các mặt hoạt động trong toàn Đảng bộ Bộ

đội Biên phòng. Các chế độ sinh hoạt Đảng được duy trì thường xuyên nề nếp, phát huy được sức mạnh và trí tuệ tập thể, vai trò trách nhiệm của đảng viên được nâng cao, các nguyên tắc trong sinh hoạt Đảng được đảm bảo, 100% chi, Đảng bộ cơ sở có quy chế làm việc, công tác bồi dưỡng tạo nguồn phát triển được các cấp ủy Đảng trong Đảng bộ thật sự quan tâm và đã kết nạp được 205 đảng viên mới, có 1.075 thanh niên được đứng vào hàng ngũ của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Bình quân hàng năm có 83,9% đảng viên đủ tư cách loại một, 77,6% tổ chức cơ sở Đảng TSVM, 90% đảng viên trong Đảng bộ được kiểm tra.

Có thể nói thành tích nổi bật nhất của Bộ đội Biên phòng là trong 10 năm qua tuyến biên phòng biển đảo của tỉnh nhà luôn được giữ vững và ổn định, tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, xã hội, đời sống của nhân dân trong khu vực được cải thiện đáng kể. Từ kết quả hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị, lực lượng Bộ đội Biên phòng tỉnh nhà vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng 3; Chính phủ tặng bằng khen và nhiều tập thể, cá nhân được các cấp Trung ương và UBND tỉnh khen thưởng.

Với sức mạnh tổng hợp của các tầng lớp nhân dân, với ý chí trách nhiệm của các cấp, các ngành và sự quyết tâm hành động cách mạng của BDBP, sự nghiệp bảo vệ chủ quyền an ninh tuyến biển đảo dưới sự lãnh đạo của Đảng sẽ được tăng cường và lập nhiều thành tích to lớn, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã đề ra là bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong mọi tình huống.



# CÔNG AN BÌNH THUẬN

## MƯỜI NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH

Cùng với sự tái lập tỉnh (4/1992), lực lượng Công an Bình Thuận được hình thành. Thuận lợi là nơi ở, nơi làm việc cơ bản ổn định. Song khó khăn lớn nhất là biên chế thiếu, chất lượng đội ngũ cán bộ yếu, phương tiện kỹ thuật phục vụ cho công tác, chiến đấu vừa thiếu, vừa kém chất lượng; cơ sở làm việc, nơi sinh hoạt ăn, ở của CBCS và nơi giam giữ những người

vi phạm pháp luật trên 90% là nhà cấp 4 đã xuống cấp nghiêm trọng...

Bình Thuận là tỉnh có dân số trung bình nhưng diện tích rộng, có nhiều tiềm năng lợi thế về đất đai, rừng, biển lại là địa bàn tiếp giáp giữa Đông Nam bộ với Nam Tây Nguyên và Nam Trung bộ nên dân cư khắp cả nước di dân về đây lập nghiệp, xen lẫn vào đó là các đối tượng trốn tránh pháp luật và vi



Lực lượng Công an tỉnh diễu hành qua lễ đài nhân kỷ niệm 26 năm ngày Giải phóng quê hương.





*Công an tỉnh tổ chức lễ tuyên thệ thành lập lực lượng Cảnh sát phản ứng nhanh (CS113) bảo vệ an ninh trật tự ở địa bàn huyện Tuy Phong.*

phạm pháp luật hoạt động rất phức tạp.

Khi tái lập tỉnh từ một lực lượng chỉ có 49% được đào tạo cơ bản, đến nay đã có trên 90% được đào tạo cơ bản, trong đó có gần 30% có trình độ đại học. Đảng ủy - Lãnh đạo Công an tỉnh luôn luôn chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tập trung chỉ đạo quán triệt các quan điểm, định hướng công tác tư tưởng của Đảng, xây dựng kế hoạch đổi mới công tác tư tưởng trong lực lượng Công an Bình Thuận theo tinh thần Chỉ thị 594, 07 của Bộ Công an. Tổ chức nhiều đợt sinh hoạt

chính trị nâng cao nhận thức về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, học tập quán triệt Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX, các Nghị quyết của BCH Trung ương, của Đảng ủy Công an TW và Nghị quyết tỉnh Đảng bộ lần thứ VIII, IX, X. Phát động mạnh mẽ liên tục phong trào thi đua vì ANTO gắn với phong trào học tập, thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy CAND. Lấy nội dung 6 điều Bác Hồ dạy làm kim chỉ nam cho mọi hành động và là cơ sở để giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức và sự phấn đấu vươn lên về mọi mặt của CBCS.



Công tác xây dựng, kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng theo tinh thần Nghị quyết TW 3 (khóa VII), Nghị quyết TW 2 (khóa VIII), Quy định 38 của Bộ Chính trị về tổ chức Đảng trong CAND được tổ chức triển khai và thực hiện nghiêm túc. Tổ chức tốt đợt sinh hoạt kiểm điểm thực hiện Chỉ thị 15, Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị về đấu tranh chống tham nhũng tiêu cực; thực hiện tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết TW 5, TW 6 (lần 2).

Trong 10 năm, qua từng đợt bình xét, phân loại chất lượng đảng viên, cơ sở Đảng, đảng viên đạt tiêu chuẩn loại 1 hàng năm là 96%, tổ chức cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh năm thấp nhất là 30% (1992), đến nay đã tăng lên 80%, trong đó có 2 chi bộ PC23, PA38 nhiều năm liền được công nhận đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh điển tiêu biểu được Tỉnh ủy tặng cờ.

Hoạt động của các đoàn thể thanh niên, phụ nữ trong lực lượng công an có nhiều đổi mới về nội dung và hình thức. Thu hút, tập hợp được đông đảo lực lượng đoàn viên, hội viên tham gia vào các phong trào; làm nòng cốt thúc đẩy các hoạt động VHVN - thể thao, công tác đền ơn đáp nghĩa, đóng góp hàng trăm triệu đồng để hỗ trợ cho các gia

đình chính sách và gia đình liệt sĩ; phụng dưỡng các Mẹ VNAH; tăng cường liên kết, kết nghĩa với các tổ chức đoàn ngoài ngành nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ An ninh - trật tự...

Công tác Hậu cần kỹ thuật đã có nhiều tiến bộ, đến nay có trên 90% nơi làm việc, nơi ở của CBCS và cơ sở giam giữ người vi phạm pháp luật đã được xây dựng mới, cải tạo nâng cấp, góp phần cải thiện điều kiện làm việc và đời sống CBCS; phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác, chiến đấu được tăng cường cả về số lượng và ngày càng nâng cao về chất lượng.

Trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm đã kết hợp chặt chẽ biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ với phòng ngừa xã hội, làm nòng cốt đẩy mạnh phát động quần chúng bảo vệ ANTQ và chủ động tiến công, đấu tranh có hiệu quả với bọn tội phạm chuyên nghiệp, có tổ chức, bọn hoạt động lưu động; liên tục mở hàng chục đợt cao điểm tấn công tội phạm hình sự theo tuyến, địa bàn trọng điểm, giải quyết được cơ bản tình hình phức tạp về trật tự xã hội ở các tụ điểm, nhất là khu vực thành phố, thị trấn và vùng giáp ranh. Đã điều tra làm rõ hàng trăm vụ án kinh tế liên quan đến tham



những, buôn lậu, cố ý làm trái, sản xuất tiêu thụ hàng giả; hàng năm đã điều tra khám phá hàng trăm vụ phạm pháp hình sự (riêng trọng án khám phá từ 98% trở lên số vụ xảy ra); triệt phá nhiều băng nhóm chuyên trộm cắp, cướp giết, cưỡng đoạt tài sản công dân. Truy bắt hàng trăm đối tượng có lệnh truy nã, trong đó có nhiều đối tượng truy nã nguy hiểm và đặc biệt nguy hiểm, điển hình là việc bắt giữ tên Đỗ Ngọc Khuê - đối tượng gây ra trên 10 vụ cướp, giết ở các tỉnh từ Nghệ An đến thành phố Hồ Chí Minh... góp phần bảo vệ cuộc sống, đem lại sự bình yên cho nhân dân.

Trước âm mưu "diễn biến hòa bình" phá hoại, lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đối với nước ta, lực lượng Công an trong tỉnh vừa chủ động xây dựng thế trận ANND, vừa kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp và phối hợp chặt chẽ với các Ban, Ngành giải quyết nhiều vụ việc phức tạp xảy ra trong vùng đông bào người có đạo, vùng dân tộc ít người và an ninh nông thôn, không để kẻ địch và phần tử xấu kích động gây đột biến về chính trị; bảo vệ tuyệt đối an toàn các ngày lễ lớn của dân tộc, các kỳ đại hội Đảng, bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp... Kết

quả phấn đấu của các lực lượng công an trong tỉnh đã góp phần thiết lập công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực trật tự xã hội, giữ vững ổn định chính trị phục vụ có hiệu quả cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

Với những thành tích đạt được, trong 10 năm qua lực lượng Công an tỉnh đã 6 lần được Chính phủ tặng bằng khen cho 5 tập thể và 01 cá nhân; 2 lần Bộ Công an tặng cờ thi đua xuất sắc và hàng trăm lượt đơn vị, CBCS lập thành tích xuất sắc được Bộ Công an, UBND tỉnh, các cấp, các ngành tặng bằng khen và nhận hàng trăm lượt thư của cán bộ, nhân dân gửi đến động viên, khen ngợi.

Nhân dịp kỷ niệm 27 năm ngày giải phóng quê hương Bình Thuận, giải phóng hoàn toàn miền Nam và kỷ niệm 10 năm tái lập tỉnh. Các lực lượng Công an Bình Thuận vô cùng phấn khởi tự hào trước sự trưởng thành về mọi mặt và những kết quả đã đạt được, và hứa quyết tâm càng nỗ lực phấn đấu nhiều hơn nữa để xứng đáng là lực lượng nòng cốt trên lĩnh vực bảo vệ An ninh - trật tự; Ra sức xây dựng lực lượng Công an Bình Thuận cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại.





T.C.Co 677

# CÔNG TY CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 677

Giám đốc : **ĐỖ TẤN HOAN**

Địa chỉ : Xã Hàm Mỹ,

Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận

Điện thoại : 062.816076 - 816078

Fax : 062.816079

Chi nhánh tại Đà Nẵng

Số 320-322 Đường Lê Duẩn - TP. Đà Nẵng

Điện thoại : 0511 750144

Fax : 0511 750095



Thảm bê tông Asphalt QL1  
Công ty Công trình Giao thông 677



Xe tưới nhựa trước khi thảm bê tông QL1  
Máy tưới nhựa hiện đại tự động

Công ty Công trình Giao thông 677 thuộc Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6, thành lập từ năm 1990, là doanh nghiệp Nhà nước, hoạt động trên các lĩnh vực chủ yếu :

- Xây dựng và nâng cấp các công trình giao thông như : Cầu cống, bến cảng, đường bộ, đường sân bay.

- Gia công kết cấu thép và sửa chữa phương tiện thiết bị thi công công trình.
- Sản xuất cấu kiện bê tông cốt thép.
- Sản xuất đá xây dựng các loại.

Công ty đã đảm trách các công trình xây dựng giao thông trọng điểm trên khắp địa bàn miền Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ.

Bằng những nỗ lực không ngừng, các hoạt động của Công ty đã phát triển liên tục với tỷ lệ tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước.

Công ty mong muốn mở rộng quan hệ hợp tác với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước.

**Đến với Công ty Công trình Giao thông 677  
Quý khách sẽ hoàn toàn hài lòng và tin cậy**